

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

146

1.4.1965

- Wason
AP95
V6P57*
- ★ **Xã luận : Bạn Trẻ đi đâu? NGUYỄN-VỸ**
Vài kỷ niệm về Nhung Tống **TÂN-HIẾN**
Nàng vệ nữ em vua **TÍN-KHANH**
 - **Vụ rấn báo oán đời Lê Sơ (2). PHẠM-VĂN SƠN**
Mình ơi ! Kể nốt chuyện tình yêu
nặng hơn ngai vàng **DIỆU-HUYỀN**
Chúa Chu rời Phủ **ĐƯƠNG X. NGUYỄN**
 - ◆ **Vua hộp đêm Farouk đã**
« băng hà » tại La Mã **ĐOÀN BÍCH**
Phổ Thông vòng quanh thế giới **TRẦN-QUÂN**
Đuôi heo rừng **HOÀNG-TẤN-A**
 - **Cát bụi (truyện dịch) VŨ-MINH-THIỀU**
Quê ở Việt Nam **HÀM-ANH**
 - **Tuấn, chàng trai nước Việt NGUYỄN-VỸ**
Vũng Tối (truyện ngắn) **THIÊN-HÀ**
- THƠ : Diệu Nga, Triều Hoa Đại, Nguyễn Lê**
Đức Huy, Tường Linh, Mạc thế Nhân

TRUYỆN DÀI :

- **NGƯỜI TÙ 69 của NGUYỄN-VỸ**
(xem mục lục đầy đủ ở trang 5 - 6)

CAR

...a, bạn ? Bạn đang đi đến sở
...ng kiểm món tiền lương đem
...c sống hằng ngày. Đủ hay
...m bộ, vì đời sẽ còn bao
...n, đôi khi rất ghê gớm

● **Bạn
thông ?**
qua, hay
Hoặc h
Rồi

... đã hiểu nhiều. Con
...à bạn đến sở làm
... của hạnh phúc
...ý-tưởng ? Tôi
...an là thanh
... hệ đang



DÙNG CHO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM

Cardiocorine

TRỊ: **YẾU TIM, SỤY NHƯỢC
MỆT MỎI, NGẤT SỤY**



**Viện bảo-chế NGUYỄN-CHI
Số 2, Tự-Đức Saigon**

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

CARDIOCORINE

LE SECOURS

Công - Ty Bảo - Hiểm và tái Bảo - Hiểm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm,

Xổ Số Kiên-Thiết Quốc-Gia

Giúp nước thêm nhà ta thêm của

3 LÔ ĐỘC ĐẮC

mỗi lô

1.000.000 \$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10 \$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI

CỨ MUA VÉ SỐ

THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHẠM XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn - Vỹ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lao, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VII ★ số 146 ★ 1-4-1965

1.— Xã luận : <i>Bạn Trẻ đi đâu?</i>	Nguyễn-Vỹ	7	—	9
2.— <i>Vài kỷ niệm về Nhượng Tống</i>	Tân Hiến	10	—	13
3.— <i>Nàng vệ nữ em vua.</i>	Tín-Khanh	14	—	21
4.— <i>Ngưỡng vọng (thơ)</i>	Diệu Nga	22		
5.— <i>Vụ răn báo oán đời Lê Sơ</i> (tiếp theo và hết)	Phạm-văn-Sơn	23	—	29
6.— <i>Người tình và con thơ (thơ)</i>	Triều Hoa Đại	30		
7.— <i>Vầng Tỏi (truyện ngắn).</i>	Thiên Hà	31	—	37
8.— <i>Quế ở Việt Nam.</i>	Hàm Anh	38	—	43
9.— <i>Phổ buồn (thơ).</i>	Nguyễn Lê Đức Huy	44		
10.— <i>Cát bụi (truyện dịch)</i>	Vũ Minh Thiệu	45	—	48
11.— <i>Tuấn, chàng trai nước Việt</i>	Nguyễn-Vỹ	49	—	52
12.— <i>Mình ơi ! Kể nốt chuyện tình yêu</i> <i>nặng hơn ngai vàng.</i>	Diệu Huyền	53	—	60
13.— <i>Vọng tình chim (thơ)</i>	Tường Linh	61		
14.— <i>Chuyện con tem</i>	Nhị Dân	62	—	68
15.— <i>Chùa Chu rời phủ.</i>	Đương Xuân Nguyên	69	—	71
16.— <i>Khoảng tối (thơ).</i>	Mạc thế Nhân	72		

17.— Phở Thông vòng quanh thế giới.	Trần-Quân	73	—	77
18.— Đuổi heo rừng.	Hoàng Tấn A	78	—	82
19.— Cá tháng tư.	Trần Việt Quang	83	—	86
20.— Xuân nhật sầu ngâm (thơ họa)		87	—	90
21.— Người tù 69.	Nguyễn-Vỹ	91	—	95
22.— Vào tình yêu (thơ)	Thanh Hữu	96		
23.— Đàn bà khỏe hơn đàn ông	Nguyễn Kim Hạnh Dzuyên	97	—	101
24.— Giải Tao Đàn Bạch Nga.	TĐBN	102	—	103
25.— Nước mắt thị thành (truyện ngắn)	Mãn Hường	104	—	107
26.— Vua thộp đêm Faroud đã « băng hà »	Đoàn-Bích	108	—	113
27.— Sách Báo Mới.	P. T.			114
28.— Thư bạn đọc.	P. T.			115
29.— Đáp bạn Bốn phương	P. T.			116



- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- * Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
 - * Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
 - * Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - * Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
 - Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
 ● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
 ● Our general agent in Europa & Africa
 LONG-HIỆP
 13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vê
 (vente — abonnements — Publicité)

W179 438
 101 *



BẠN TRẺ ĐI ĐÂU ?

★ NGUYỄN-VỸ

Ở những phút trầm-lặng, tôi ngồi sau cửa sổ nhìn thấy bạn đi ngoài đường, tôi thường tự hỏi: « Bạn trẻ đi đâu ? »

Rồi tôi suy nghĩ lan man, buồn không để đâu cho hết buồn.

● **Bạn đi học ư ?**— Bạn đi học để rồi làm gì ? Bạn đang đuổi theo một Lý-tưởng gì ? Bạn đi học hôm nay, ngày mai, ngày kia.. một năm, hai năm, ba năm... Rồi bạn đi thi... Xong rồi bạn đi đâu nữa ? Bạn đã thấy con đường của định mệnh vạch sẵn cho bạn trong cuộc đấu tranh quyết liệt để sống với đời chưa ? Bạn khỏi lo nghĩ đến những nhu cầu

của hiện tại, nhưng ngày mai, ngày mốt...
một năm nữa, hai năm nữa... ?

● **Bạn thất-nghiệp đang đi lang thang ?** Tội nghiệp cho bạn nhỉ ! Tối hôm qua, hay trưa nay, có lẽ bạn ăn không no ? Hoặc bạn chưa có miếng cơm nào trong bụng ? Rồi chiều nay, chiều mai... ? Về mặt học hác, bước đi ngập ngừng. Bạn đang nhịn đói... Tôi biết bạn không còn sức lực nào nữa để tranh đấu..., mà tranh đấu cho cái gì ? Bạn mãi lo cho cái dạ dày của bạn được no, cho thân bạn được ấm, còn tinh thần đâu nữa để xây dựng ngày mai.

Bạn nhìn con đường vô định, đầy đen tối. Bạn sẽ là cái gì ? Bạn không trả lời được. Ở đường chân trời của những hoài bão mong lung đang nằm một trọng đá Su-Thân. Bạn phải bước đi, đi mãi, không biết đi đâu !

● **Bạn đã có sở làm rồi ư ?** Mừng cho bạn vậy. Gót chân của bạn khỏi phải lê trong sương gió nồm nùng, trong nắng mưa sầu hận. Bạn lạc nghiệp an cư rồi chứ ? Bạn đã có vợ ? Bạn sắp cưới vợ ? Bạn đã có con ? Thật cảm động thấy bạn đang lo xây dựng Hạnh-phúc cho mình, cho một người yêu, cho đứa con cưng, có lẽ cho cả gia đình nữa, cha mẹ, anh em, những người đang nhờ bạn giúp đỡ để sống.

Rồi sao nữa, bạn ? Bạn đang đi đến sở làm, để mỗi tháng kiếm món tiền lương đem về nhà và víu cuộc sống hằng ngày. Đủ hay thiếu cũng chỉ là tạm bợ, vì đời sẽ còn bao nhiêu bất ngờ, tàn nhẫn, đôi khi rất ghê gớm hãi hùng.

Tôi không nói rõ, bạn đã hiểu nhiều. Con đường nối từ ngưỡng cửa nhà bạn đến sở làm có phải con đường vĩnh viễn của hạnh phúc yên vui ? Có phải con đường Lý-trưởng ? Tôi biết bạn không tin như thế, vì bạn là thanh niên của thế hệ ngày nay, một thế hệ đang quần-quại trong bao nhiêu thử thách !

● **Bạn đi lính, đêm nay phải đi hành quân ?** Trên khuôn mặt của bạn, tôi chỉ thấy toàn những nét lo âu. Thỉnh thoảng bạn nở nụ cười, ồ, bao nhiêu chua chát, hận sâu, trên cả những nụ cười của bạn ! Ngày mai, ngày mốt, bạn sẽ trở về, nét mặt gân guốc, lộ những nỗi mừng chiến thắng. Nhưng bạn vẫn không vui, bao nhiêu bạn cùng đi không còn trở lại ?...

HỒI bạn trẻ của Thế-hệ 65 !

Bạn đi đâu, đôi mắt dăm chiêu nhìn đại lộ ?

N. V.

VÀI KỶ NIỆM
VỀ
NHƯỢNG TÔNG

* Tân-Hiến

VỪA rồi, nhân đọc Chuông Mai, thầy có nhắc đến hai bài thơ « Yêu Nước » và « Hăm nước » của Nhượng Tông, tôi liền trịnh trọng nhớ lại Người Chính Khách năm xưa, thực lòng yêu nước, nhà báo biệt tài kiêm nghệ sĩ hồn thơ phong phú.

Hồi ấy, khoảng 1927 - 1928, tôi từng học trường Nam Sư Phạm phố hàng Bún (Đỗ hữu Vị), ở trọ ngay căn nhà trên gác là Nam Đồng Thư Xã. Trong số những người lui tới tôi đã được thấy mặt những Hồ văn Mịch, Kim Tôn, cả Nguyễn thái Học nữa. Nhưng điếu đi, tướng đứng, tiếng nói, nụ cười của con người đã ăn sâu vào tâm trí tôi hơn cả, là

hình dáng một thư sinh nhỏ con, tuy không mi thanh mục tú, nhưng ở người có một cái gì thăm thẳm như huyền bí rất quyền lòng: Hoàng Phạm Trân bút danh Nhượng Tông. Tuy không ngờ đâu con người ấy vài năm sau sẽ là một trong những trang anh hùng, chọc trời khuấy nước, nhưng ngay ngày ấy, tôi đã thấy cảm mến vô cùng Nhượng Tông. Có lẽ vì lòng ham văn chương từ thiếu thời đã khiến tôi sùng mộ Nhượng Tông, chủ bút báo Khai Hóa và Nhượng Tông, tác giả tiểu thuyết *Sông Hồ Ba Bè* chăng?

Tôi nhớ mãi, những buổi chiều, đứng trên gác Nam Đồng Thư Xã trông ra hồ

VÀI KỶ NIỆM

Trúc Bạch, Nhượng Tông
ngâm đi ngâm lại với giọng
trầm trầm của nhà thơ :

Lúc ban chiều

Phong cảnh đẹp bao nhiêu

Chân trời bằng lặng vài hàng
nhận

Mặt nước mông mênh mấy cánh
bèo

Lênh đênh mặt nước cánh bèo

Thuyền ta sẽ hướng mái chèo
về đâu!

Tôi muốn gán Nhượng Tông, nhưng không dám, vì mình chỉ là một cậu học sinh bé nhỏ, trong con mắt thơ ngây. Ông nhà báo là một cái gì rất xa vời. Nhưng tôi đã « uông » cạn những lời đàm thoại của Nhượng Tông với các bạn ở trên gác thư xã Nam Đồng, sau này thành tên bất-tử. Tôi đã lắng nghe những vãn ngâm nga của cái giọng trầm trầm, dề nay đôi khi mường tượng như còn đồng-vọng trong gió thoảng, dưới trăng hè. Không biết có phải Nhượng Tông đã yêu một người con gái nào đó, rồi vì nhiệm vụ to tát mang trên vai, nên phải dứt tình chẳng, vì tôi còn nhớ Nhượng Tông

đã ngâm mấy lần bài thơ
Ta Từ này :

Anh là người của gió, của sương,
Của Trời đất, của khắp muôn
phương,

Phải ai đâu cho em buộc trời.

Một sợi giây tình vướng anh
sao nổi!

Em tuy có cặp mắt như sóng thu

Môi hồng như hoa xuân.

Nhưng đẹp sao bằng biển rộng

Trời cao man mác.

Đẹp sao bằng giấy núi xa đây
tuyệt bạc!

Tâm tình em muốn đọ với non
sông

Nhưng Trời, Nước mênh mông,
tình em đọ sao cùng!

Ta thương nhau,

Ta yêu nhau,

Thương yêu bấy nhiêu là đủ.

Anh chẳng muốn em yêu hơn
nữa.

Yêu hơn có lúc đề nhau sâu!

Mà thương yêu chi người của
gió sương,

Người chỉ có trái tim khô, người
không có phòng hương!

Cả đến túp lều tranh mà em
thường vẫn hỏi.

Anh cũng chẳng về đâu, non
nước còn đang đợi!

Đây là một bài thơ mới, trước bài « Tình già » của Phan-Khoi, trước những Lưu-Trọng-Lư, Thê-Lữ, Huy-Cận 10 năm có lẽ !

Người ta là một chiến sĩ, người ta vẫn có thể là một khách đa tình. Nhà chí sĩ vẫn đi hát Cô đầu là thường. Nhưng trái với những khách làng chơi, trăm, nghìn những ông quan viên « cuộn chiều nhân tình sạch », chí sĩ, chiến sĩ, hay nghệ sĩ, lần đi hát, là lần lòng lại trạnh lòng. Trần Huyền Trân, sau một đêm ở nhà hát ra về, đã ngậm ngùi: Ai xui em gửi đời mưa gió, Làm kiếp hoa chiều khắp bướm si.

Đề một tối buồn anh tới đó,
Lòng về thấy khắc lúc ra đi.

Nhượng Tông, nhớ người bạn một đêm, đã Khóc hoa :
Uồng có sắc nghiêng nước,
Sinh làm con nhà nghèo.
Một sớm, bụng thấy đói,
Trăm năm thân phải liêu.

Lê la chốn bụi trần,
Lăn lóc bông hoa xuân.
Từng cánh lại từng cánh,
Hôm mai héo héo dần,
Minh như hoa dưới sông-

Ta như khách qua cầu,
Nhìn nhau trong chớp mắt,
Gặp nhau không hội sau !

Hoa nát lòng ta thương,
Sông chảy dạ ta sầu !
Trăm sầu lại nghìn thương,
Cứu vớt được nhau đâu !

Dòng sông cứ chảy, hoa cứ
trôi !

Cát bời sóng vỗ bao dập vùi !
Thương nhau ta biết đời hoa
khô,

Quên nhau hoa biết ta là ai !

Hình hoa trước mặt dù không
thấy.

Bóng hoa trong úm vẫn còn
đấy !

Năm năm mưa gió lại năm năm,
Hoa rụng, hoa trôi biết là mấy !

Khách hào hoa thương những đóa hoa năm năm mưa gió, không làm cho trang hào kiệt quên hai mươi năm triệu đồng bào năm năm cơ cực lâm than dưới ách thực dân, một sớm đã vùng lên. Rồi Yên Bái, Lâm Thao, Hưng Hóa và... Côn đảo !

1950 — Tôi gặp lại ông dưới lá cờ Việt-nam Quốc-dân đảng dựng lại, trên một căn gác đường Halais, trông ra hồ Bảy Mẫu. Nhà chính

khách kiêm nghệ sĩ bấy giờ tóc đã hai màu, đi xa đã phải thêm một cặp. Nhưng đôi mắt vẫn long lanh sáng ngời. Bên những bản dịch Nam Hoa kinh của Trang Tử, sử ký của Tư Mã Thiên, ông khoe đang dịch lại lần thứ hai vở kịch kiệt-tác Tây Sương Ký. Và đây là những đoạn ông đặc-ý nhất :

Tơ liễu dài, dài ích chi
Buộc sao được vó ngựa phi
đậm trường

Chợt nghe một tiếng : lên đường

Rụng rời tay ngọc, xuyên vàng
rộng thênh !

và :

Có công lặn lội, thăm tìm
Đường xa sao chẳng mặc thêm
áo dầy !

Hài đêm, sương ướt, bùn lầy,
Bàn chân đi với có xầy da non ?

Than ôi ! Cách đây ít lâu, người chiến sĩ yêu nước, nhà thơ tài hoa ấy, bị thời cuộc « ám sát », đi luôn vào lịch sử, và văn học sử !



* LO TRƯỚC KÉO MẮT LỊCH SỰ

Pierre Brasseur ông kếp già xi-nê, được kể là một bợm nhậu hữu hạng. Một hôm ông ta đến dự một tiệc lớn và thấy trên bàn có bày mấy thứ rượu mà ông thích nhất. Pierre Brasseur cảm thấy lòng mình hân-hoan. Đến khi thấy chủ nhà chế rượu xóc (cocktail) thì ông khoái chí tử. Bỗng Brasseur đứng dậy đi bắt tay từng người.

Chủ nhà thấy thế liền hỏi :

— Ông Brasseur ông định về đây ư ?

— Không ! Đời nào tôi lại đại đột bỏ về giữa lúc này. Sở dĩ tôi đi bắt tay từng người là để thế cho cái bắt tay giữa từ lúc tan tiệc, vì khi tôi đã « tửu nhập » thì trời đất quay tít thò lò, tôi còn trông thấy được ai mà bắt tay. Vậy nhân tiện đây tôi xin bắt tay ông và xin cảm ơn ông trước.

Pierre Brasseur vừa nói, vừa đưa tay ra bắt tay ông chủ. Brasseur bắt tay ông chủ mạnh quá, để tỏ lòng nồng nhiệt, làm ông đau, thả rơi bình rượu xóc đồ vỡ tan tành.

Nàng vệ nữ em vua



Pauline Bonaparte, em vua Nã-phá-Luân, mà cuộc đời mưa gió đã mấy lần được đưa lên màn ảnh và đã làm sôi động bao nhiêu cõi lòng — (hiện đang chiếu ở Saigon) là người đáng thương hay đáng ghét?

Ta hãy nghe thi sĩ Arnault nói về nàng, ngày mới 16 tuổi:

« Nàng là người đẹp chưa từng thấy, nhưng cũng là một người khuyh đảo không ai bằng. Nàng nói liên miên, lúc nào cũng cười cũng nói mặc dù không có gì đáng nói đáng cười. Bên cái cằm có lạt lụng và cái cười bất tuyệt ấy, lại cả một kỹ thuật chinh phục cao xa... Nàng là người thấy là « không thể cầm lòng được », với lại, dù ai, cũng không sao thoát được tay nàng... Lẽ sống của nàng là ái tình và xác thịt. Và cũng vì số kiếp đào hoa ngang trái ấy mà nàng chinh phục người để bao nhiêu, thì cũng dễ bị người chinh phục bấy nhiêu.

★ Tín - Khanh

NGUỜI đầu tiên mê lụy Paulette — thời ấy nàng còn lấy tên « xôi đỏ » — là anh chàng Junot, hộ vệ quan của Tướng Bonaparte.

Đây vào khoảng đầu mùa xuân năm 1794, Junot theo chủ

về Antibes, nơi gia đình Nã-phá-Luân tạm trú.

Một cuộc sống đơn giản. Mẹ Nã-phá-Luân và bảy con gái, còn cùng nhau giặt lấy áo quần ở máy nước công cộng Mạc-xây. Cả gia đình chỉ vón-

NÀNG VỆ NỮ

vẹn có một chiếc xe ngựa khỏ, do một chú lái da đen điều khiển. Tiêu triều đình gồm có mây chú hộ vệ quan, Nã-phá-Luân đang là Tướng ngự trấn ven bờ Nam nước Pháp. Ai có ngờ những bước chập chững của triều đình bé nhỏ kia đã đưa Nã-phá-Luân lên in lên nét mặt, nên Junot vừa thấy đã đâm ra mê say ao ước.

Anh mê nàng đến bỏ ăn bỏ ngủ, suốt ngày tìm cách nhìn trộm nàng.... lời hoa bướm có lẽ có thừa nhưng chưa dám tỏ tình cùng nàng. Một hôm, nhân tùy tùng tướng Bonaparte anh bạo dạn nói thật cho chủ nghe mời tình thâm kín và xin cưới Paulette làm vợ.

Kể ra, về môn đăng hộ đối thì không đến nỗi nào — Junot cũng con nhà giàu có, sẽ được kế nghiệp cha và khi nào cha qua đời, sẽ hưởng số lợi tức hàng năm đến 1200 livo...

Bonaparte suy nghĩ một lát, rồi lạnh lùng đáp:

— Ta hãy tạm kết thúc thế

này: Ông cụ anh còn trẻ lắm chưa chết đâu để anh được hưởng gấp lợi tức ấy. Hiện nay, ngoài cái lon đội anh có gì đâu? Em tôi, con Paulette, cũng hai bàn tay trắng. Cộng nhau có gì? Không một đồng một chữ. Vậy thì khoan lấy vợ đã. Nên đợi những ngày tươi sáng hơn...

tình yêu đầu cần đĩ vãng

Anh chàng si tình Junot có thể đợi nhưng cô bé Paulette đâu có chịu cảnh lẻ loi. Lại một người khác, một anh chàng giữa hai lứa tuổi nhưng mặt mày sáng sủa, xinh trai — Fréron, ủy viên trong Chấp Chính Viện tại Mạc-xây.

Fréron thời cách mạng vừa qua là một tên khát máu, một mình y đã cho lên đoạn đầu đài biết bao nhiêu người thật tâm yêu nước, nhưng anh đã khéo che đậy để được bụng người đẹp thiên kim. Anh mê một Paulette không kém Junot, bỏ hẳn vợ nhà, một cô đào hát và hai đứa con, và một đứa sắp sinh.

Tuy nhiên quá khứ đen tối ấy không sao che đậy được. Ngay ở đất Mác-xây là nơi cách đây hai năm, Fréron đã tẩm trong bể máu, anh ta lại là người ai nghe đến cũng ghê tởm. Anh nàng và mẹ có thỏa thuận chẳng? Chắc là không nhưng Paulette đâu có biết? Bonaparte chưa có lời gì dứt khoát nhưng bà mẹ không thể chịu nổi một chàng rề động trời khuấy nước như thế, đã tìm cách cản ngăn.

Fréron nhân đây có viết cho Bonaparte:

« Tôi thiết tha nhờ anh... anh nói gặp với bà cụ thỏa thuận cho đi. Tại sao lại nhân tâm kéo dài một mối tình keo sơn gắn bó? Anh Bonaparte thân! anh hãy giúp tôi vượt qua khó khăn này, tôi đặc hết hy vọng nơi anh... »

Bonaparte đâu có tin lời võ về đường mật? Một đoạn sử về cách mạng đang nằm trước mặt ông: Isamard đã nói về Fréron:

« Fréron, cứ mỗi bước ở Miền nam là ta dẫm phải vết chân gian hùng, phản trắc, và những vũng máu khô đen mà người đã gây ra... Chỗ nào có

tội lỗi, chỗ ấy ta thấy mặt Fréron ».

Câu nói quá cụ thể đã làm Bonaparte ghê sợ, và bỏ lơ câu chuyện. Nhưng cô bé sitinh nhỏ bé kia đâu có nhịn? Cô viết một thư cho anh vào giữa lúc này đang làm mưa làm gió ở đất Ý:

« Em nhỏ tuổi thật, nhưng tính em cương quyết. Em thầy không thể bỏ Fréron được sau bao nhiêu ngày em đã hứa hẹn với chàng chỉ biết yêu chàng. Chỉ thế thôi, tất cả lời em muốn nói với anh. Chúc anh sung sướng... Và trong bể danh vọng mà anh đang vụt mình tung lên, giữa các chiến thắng liên tiếp, trong cái vui sung sướng đầy đầy ấy, thỉnh thoảng anh nên nhớ đến cuộc đời đau khổ tràn ngập nước mắt mà em anh, Pauline Bonaparte đã đồ ra hằng ngày... »

một gánh theo chồng

Bonaparte đã thành người hùng ở đất Ý. Ông cho gọi Pauline về Milan. Dân Ý thời ấy đã nói lên lòng căm phẫn, nhưng cũng không quên ngưỡng mộ trong những câu sau đây:

*Hãy hoan hô Thần Chiến thắng.
Vừa giải phóng giang sơn (Ý)
Người làm sao? Oai hùng vĩ
đại!*

*Nàng làm sao? đẹp nhất trần
gian!*

*Hỡi muôn dân! hãy cúi đầu
bái phục.*

*Hãy tôn sùng hai đấng « Minh
quân ».*

*Em thì chinh phục tìm người.
Anh lo đánh chiếm, cướp lẫn
non sông.*

Mục đích Nã phá Luân gọi em theo là để ép nàng đổi ý và lấy chồng. Công tước Raguse, tức Marmont được gia đình chú ý, nhưng ngược lại ông lại cho nàng không thể là một người vợ tốt. Lúc này Pauline rất khác lạ: tính tình bất thường, gần gũi đến chỗ « bê bối ». Nàng mĩa mai ngạo mạn đối với mọi người, gây gổ luôn với Joséphine, vợ Bonaparte. Có lần trong một bữa tiệc, nàng đã thúc mạnh vào đùi ông Arnault ngồi cạnh vì ông này đã lơ đãng không chú ý đến những trò lò lằng của nàng trong bữa ăn. Bonaparte mấy lần trừng mắt hăm he nhưng nàng không hề sợ sệt và « Uy quyền của vị Đại tướng đoàn quân phạt Ý »

quả vô hiệu trước tình tình gần gũi của một cô bé.

Chỉ còn một giải pháp độc nhất: là tìm gặp chồng cho nàng: « Ứng cử viên » đầu tiên là một sĩ quan tên Leclerc con một nhà buôn bột ở Pontoise. Leclerc đã từng biết Pauline ngày còn ở Toulon và đã yêu nàng mê mết từ ngày ấy: một lẽ vì nàng rất quyền rũ, lẽ nữa vì nàng là em của tướng mà chàng ta phục sát đất.

Thề rồi, không cần biết Pauline có yêu không, lễ đám cưới đã tổ chức linh đình vào ngày 14 tháng 6 năm 1797. Mười tháng sau đưa con dâu lòng ra đời, được Nã phá Luân làm cha đỡ đầu. Pauline sống trong hạnh phúc và tự do và cũng vì tự do ấy mà nàng đã ngoại tình với ba sĩ quan khác.

Vào đoạn này, Pauline được tôn là Hoa khôi Balê. Một nhà văn đã nói về nàng:

« — Không có một cái gì có thể cho ta quan niệm gương mặt lộng lẫy ấy ra sao cho rõ rệt. Nơi nào nàng bước vào, như một hào quang chiếu sáng... Một hòa hợp

tuyệt mỹ của những cái gì tuyệt mỹ trong nàng làm cho tiếng khen không dứt khi bóng nàng hiện ra — lần át, cướp cả những lời khen tặng đang đổ dồn vào các giai nhân khác. Trong lúc ấy, Leclerc có mắt cũng như không, vô tư sống trong tình yêu, say mê trong hạnh phúc..»

Cuộc đời nầy có thể kéo dài nếu không có chuyện Leclerc được cử sang làm Thống đốc xứ Saint Domingue và cũng theo lệnh Bonaparte, Pauline phải theo chồng.

Pauline được tin, khóc lóc với anh :

— Chưa đến nơi, em đã chết rồi, còn đâu ?

Bonaparte nghiêm khắc đáp :

— Làm vợ phải theo chồng, cùng chia buồn xê ngọt đó là nhiệm vụ... với lại, đây là dịp cho em giàu có, đại gì không đi.

Pauline không thắng nổi anh, tâm sự với một bạn gái :

— Chị ạ ! Phải đi mất rồi ! trong lúc em đẹp, đẹp như thế nầy ! Sao anh của em lại không cho em ở lại đây vui chơi như ai, để mặc cho anh chàng Leclerc về sống với bọn man rợ nhĩ ?...

Người bạn đáp :

— Sao cho vui bằng ở xứ hoa cam thơm ngọt kéo dài tận chân trời...

— Thật thế ư ?

— Cuộc đời còn hơn ở đây nữa. Một mình làm chúa mà !

Pauline vỗ tay reo mừng :

— Nếu thế thì tao chinh phục cả khi nữa... tao sẽ làm cho cả đảo ngớ ngẩn, chết mệt vì tao..

những giọt lụy đầu tiên

Leclerc về đây, không khác đi đây. Một cảnh khổ sở mà anh chưa từng gặp. Anh đã viết :

— Ở đây, tôi phải chiến đấu với da đen, và cả da trắng nữa. Chiến đấu với đói khổ, với tiền bạc thiếu hụt, chồng cả với quân đội của tôi đang thối chí tràn ngập

Nỗi lo sợ nhất của Leclerc là chồng lại với bệnh sốt rét vàng. Người chết hàng ngàn hàng vạn. 25 ngàn binh sĩ, 11 ngàn thủy binh, 2 ngàn viên chức, 1500 sĩ quan và cả 750 y sĩ đã chết vì chứng bệnh hiểm nghèo nầy.

Mặc dù thế Pauline không bỏ lỡ những cuộc truy hoan,

lễ lạc, khiêu vũ triển miên và ngoại tình nữa.

Tình hình trên đảo càng rời rạc hơn. Một vạn quân da đen của Leclerc tuyển mộ đảo ngũ, theo quân chồng lại Pháp, chỉ còn vòn vẹn 2 ngàn người. Đã đến lúc tuyệt vọng, Leclerc quyết một trận sống mái cuối cùng. Trước khi xuất quân anh ta gọi viên thơ ký đến :

— Anh Norvins ! tôi ủy thác vợ con tôi cho anh, cùng với 4 viên đội và khẩu đại bác nầy. Nếu tôi thất thủ, anh sẽ nhận được lệnh đưa vợ con tôi xuống tàu, cùng với tài sản, đoàn tùy tùng của nàng.

Đám tôi tờ gái bao quanh Pauline khóc than thảm thiết, nói thúc nàng xuống tàu, để họ đi theo.

Nàng bình thần đáp :

— Các chị sợ à ? Tôi thì không. Tôi là em đại tướng Bonaparte kia mà !

Tiền súng nổ càng gần. Norvins vừa tiếp mảnh giấy của Leclerc vội vã ra lệnh cho 4 viên đội bắt buộc « bà tướng » phải lên cảng ra đi. Cả đoàn

kéo nhau ra bến tàu. Pauline la thà thanh :

— Ta không xuống tàu đâu... Nhật định không đi đâu hết...

Bồn viên đội lại cưỡng bức lần nữa đưa nàng xuống thuyền.. Bỗng một hộ vệ quân, mình đầy bụi, phi ngựa đến, báo tin quan thấy chiến thắng.

Chỉ mấy phút sau, Pauline bám vào cổ chồng, hôn dồn hôn dập :

— Em đã thế rồi mà ! không có anh, không bao giờ em chịu về Pháp. Anh Norvins đã sáng mắt ra chưa ? Tôi đã báo anh không nghe..

Đời Pauline lại trôi thắm như trước nhưng Leclerc đã mòn mỏi. Ông mắc chứng sốt rét vàng và sau 10 ngày chồng cụ tuyệt vọng với ma bệnh, ông qua đời.

Pauline không mấy chung tình với chồng, nhưng trước xác chết của kẻ đã từng ôm ấp, nàng cảm thấy lòng tràn ngập tình yêu chân thành. Nàng cắt mái tóc bỏ trên xác chồng mong được một phần nào cùng chồng theo về bên kia thế giới.

tình nặng hơn tiền

Vết thương lòng dù đau xót đến đâu rồi cũng hàn gắn. Với lại làm sao không hàn gắn khi « danh nhân tài tử » quần quít bên mình, khi sắc còn tươi, duyên còn đậm ?

Bonaparte nhận thấy thê nên không kịp đợi mãn tang, nhận lời gả Pauline cho ông Hoàng Borghèse nhà triệu phú thừa hưởng cả một sự nghiệp vĩ đại, kế cả 40 ngôi lâu đài và hai ngôi cung điện nguy nga. Ngoài việc ấy ông Hoàng lại xinh trai, thanh nhã, và nhất là trong tay luôn luôn có bạc triệu... Nhưng chỉ tẹt nhỏ nhất nhưng quan trọng ấy đã quyền rũ được Pauline.

Đám cưới lần thứ hai này còn trọng thể gấp mấy lần trước. Pauline sung sướng tràn trề. Sự nghiệp, danh vọng, tiền tài lại thêm chức mới. Bà Hoàng Borghèse...nàng đã dự tính cả một cuộc sống vương giả ở chôn kinh đô danh tiếng này. Nhưng đó chỉ là ảo mộng ! Đối với Pauline tiền, quý lắm ! cần thiết lắm, nhưng còn cái cần thiết hơn, đó là tình—tình với ý nghĩa

trần tục của nó.

Ông Hoàng Borghèse không thê là một người tình ấy được. Sau lễ thành hôn, nàng mới nhận thấy được sự thật phũ phàng này.

Bonaparte yêu em, lần nữa lại khuyên nhủ nàng nên ăn nhẫn chịu đựng. Mùa đông ấy, ông bảo nàng nên đi La Mã tránh lạnh. Nàng ra đi. La Mã đón tiếp nàng tưng bừng, trọng thể, tuy thê người vợ « bất đắc chí » ấy làm sao vui được ? Mấy hôm trôi qua trong tẻ lạnh buồn tênh. Nhưng rồi chứng nào tật ấy, Pauline lại trở lại nếp sống như trước : cũng gặt chống chạy theo nhân tình mới, cũng cuộc vui suốt sáng trong khiêu vũ rượu chè, ông Hoàng biết thê nhưng đành chịu. Thậm chí bắt được cả thơ tình trên tay vợ mà ông vẫn bỏ qua,

iên vai đệ nhất phu nhân

Vào giai đoạn này, Nã phá Luân lên ngôi Hoàng Đệ Pauline nghiêm nhiên thành công chúa Pauline, được phong làm lãnh chúa vùng Guastalla, một khu vực 10 cây sô vuông.

Chẳng được mấy ngày, Pauline « nhường miếng đất lại cho Vương quốc Ý, lấy tiền sắm áo, vàng bạc châu báu. Một hành động mà Nã phá Luân rất bực mình.

Như thê vẫn chưa thỏa. Pauline còn muốn để lại cho đời một cái gì to lớn, hi hữu hơn nên rất đặc ý khi nghe thiên hạ gọi nàng là « Thần Vệ Nữ chiến thắng »

Đề cụ thể hóa « chức » mới này, nàng mời Canova, nhà

điêu khắc trứ danh Ý, đền nhà chơi, Lúc Canova đến, nàng tiếp ông, thân thể trần truồng và nhờ ông tạc cho nàng một bức tượng bằng đá cẩm thạch.

Ông Hoàng Borghèse cũng thấy ngôi tượng đẹp thật, đem về đặt trong phòng khách ở Turin, [nhưng bạn bè khách khứa « quá vui nhộn » nên ông phải đưa tượng về La Mã giấu kín... Ai muốn « chiêm ngưỡng » phải có phép riêng của ông.

(còn tiếp)



★ THẮNG THƯỜNG

Câu chuyện dưới đây xảy ra từ đời Nã-phá-Luân đệ nhất. Một hôm Hoàng-đế đến thăm trụ sở Hội Cựu-chiến-binh và gặp một người lính già cụt một tay đứng dậy chào. Hoàng-đế liền hỏi :

— Người đã dự trận nào mà cụt mất một tay ?

— Tàu Hoàng-thượng, hạ thần, đã dự trận Austerlitz.

— Vậy nhà người có được thưởng huy chương gì không ?

— Tàu Hoàng thượng, hạ thần chẳng được may mắn ban thưởng gì cả.

— Ô thế thì Ta tề thật ! Vậy bây giờ ta thưởng cho ngươi Bắc-đầu Bội-tinh. Nã-phá-Luân nói.

— Tàu Hoàng-thượng, hạ thần bị cụt một tay thì được thưởng Bắc-đầu bội-tinh. Nếu hạ thần cụt mất hai tay thì được thưởng huy chương gì ?

— Nếu nhà người bị cụt cả 2 tay sẽ thưởng Đệ-nhất đẳng Bắc-đầu bội-tinh.

Nghe Nã-phá-Luân nói đến đây, người lính già nhìn lên vách thấy treo một thanh kiếm. Ông liền rút xuống và chặt thêm một cánh tay nữa.

● Tinh-thần anh-dũng của người lính già chẳng lấy gì làm lạ ở thế-gian này, chỉ có điều người ta thắc mắc là làm sao anh chàng « đóc tổ » ấy chặt được thêm một cánh tay.

ngưỡng vọng

« Kính dâng Bồ lý-tướng T.T.T. »

Từ vô thi, ngát hương Đạm ngự trị
Phật đài xưa ngời sáng ánh Chân Như
Vượt thời gian xa tít bóng Kinh Ngự
Biên trần thế là không gian bất tận

Con vớ tay... mắt ngời tia ngưỡng vọng
Loài hoa tim hé nhụy đón tình thương
Hồn thướt tha trên vạn nẻo vô thường
Mang tiếng nói từ bờ môi Đại Ngã

Chim « Ca lãng » ? — không hồi chuông Bát nhã
Dem âm vang tìm thế kỷ hai mươi
Những người con ngọc ngác, những con người
Sống khao khát từ lâu không sửa mệ

Chiều thê hiện bức tranh đời lặng lẽ
Khoảng tâm linh từng chứa ngọc « Lưu ly »
Đuổi âm thầm bóng tối kéo nhau đi
Rồi cao vút khắp ba nghìn Thế giới

Trước Phật điện đàn con quỳ sám hối
Loài ma vương sợ hãi hiện nguyên hình
Bóng Nghiêm Từ sáng rực nẻo vô minh
Mang « tất cả » về chân trời tuyệt mỹ

DIỆU NGÀ
T.H.Y.

BÊN LỀ LỊCH SỬ

VỤ RÀN BẢO OÁN ĐỜI LÊ SƠ

(tiếp theo và hết)

* Phạm-văn-Sơn

KỖ trước chúng tôi đã trình bày cùng bạn đọc tình trạng lũng củng, nhiều mâu thuẫn tại triều Lê-Sơ giữa vua Lê Thái Tông và các đại thần và giữa các đại-thần cùng tướng-ân.

Giai-đoạn đánh đuổi xâm lăng, diệt bọn quốc-thù đã xong, nay là giai-đoạn vinh-sủng thì ai ai cũng lo phỉnh-phờ, bợ-dờ quân-vương để mưu cầu hãnh-tiến. Vớ nhà vua sau nhiều năm gian lao, nay sự-nghiệp đã thành thì chỉ muốn sao cho cái ngai vàng được trường-cửu vinh-viễn nên để có cái thái-độ « địch quốc diệt mưu thần vong,

giảo thảo tử cầu tâu tu phanh"» (1). Đó là cái tâm-lý ngàn đời của nhiều ông vua khai quốc, tiếc thay các Ông quan quanh vua Thái-Tông không hiểu như vậy nên luôn luôn có sự ghen-ghét, giành giật nhau vì thế kẻ nọ triệt người kia rồi cùng đi đến chỗ khốn nạn hết. Đời Hán-xưa kia thế nào, đời Hậu-Lê và đời Nguyễn sau này cũng không ra ngoài thông-lệ.

Nay chúng tôi xin nói đến một sự kiện thứ hai và quan

(1) Nước địch đã diệt xong thì mưu thần phải chết, thổ lanh chết rồi thì chó săn phải mổ.

trọng hơn sự-kiện trước là sự xung-đột giữa các bà hậu-phi nó đã lôi cuốn mấy vị đại-thần vào trong, sau đó mới xảy ra vụ Nguyễn-Trãi và ba họ phải ngậm oan dưới suối vàng.

Nguyên bà phi Nguyễn-thị-Anh người làng Bồ-Vệ huyện Đông-Sơn (Thanh-Hóa) sau buổi tiến cung châu hầu vua Thái Tông đã sinh được Hoàng-Tử Bang-Cơ hồi tháng 6 năm Đại-Bảo thứ hai (1441) và tháng 11 năm ấy Bang-Cơ được lập làm Thái-Tử sau khi thái tử Nghi-Dân bị truất vì bà mẹ có tội.

Nguyễn-Trãi lúc này có ái-thiếp là Thị Lộ được vua Thái-Tông sung vào chức Lễ-nghi nữ-học-sĩ là một chức dạy học cung nhân và các Hoàng-Tử, hoàng-nữ. Thị-Lộ là người thể nào, các bạn đọc đã rõ. Nàng vì có tài học, có nhan sắc kiêu diễm nên đã lọt vào mắt ông vua trẻ, tuổi đa tình, hiếu sắc. Việc đưa nàng vào Hoàng-cung để đóng vai trò Cung-trung giáo tập thật ra chỉ là chuyện trá hình, nên nói rằng đây là chuyện vua cướp vợ của bà thì phải hơn. Cái công tác làm bà thầy của hoàng gia cốt để che đậy các hành-động ám muội của vua Thái-Tông lúc này chưa quá 18

tuổi. Ở thời phong-kiến độc tôn, vua là trời, bà tôi dầu ở địa vị nào cũng phải cúi đầu tuân theo vua. Nguyễn-Trãi tuy là quan Hành-Khiển (ngang chức Tể Tướng) vẫn đành phải gạt nước mắt đưa người ái-thiếp vào cung. Trong thời-kỳ này Thị Lộ rất được sủng-ái nên nàng cũng đã thành cái đình trong mắt của mấy bà phi đã đến với vua trước nàng. Lại do chỗ nhà vua tin yêu, nàng thường được dự bàn việc triều đình trong chốn phòng the khiến ảnh-hưởng của nàng bên vua cũng gây lắm thù nhiều oán với một vài đại-thần. Tất-nhiên các bạn đồng-liêu của Nguyễn-Trãi đã phải nghi ông đôi khi dùng vợ để thúc đẩy nhiều việc không hợp với các mưu-toan thâm kín và tham-vọng xấu-xa của họ.

Lúc này một bà phi khác là Ngô-Thị-Ngọc-Giao người làng Đông-Bàng, huyện An-Định (cũng thuộc xứ Thanh-Hóa) sinh quý tử làm bà Nguyễn-Thị Anh đâm lo ngại. Kịp khi xảy ra vụ bà Huệ-Phi (con gái Đô-Đốc Lê Ngân) mời thầy mo làm bùa cầu mong được ơn vũ-lộ của vua bị giáng xuống làm Tư-Dụng thì bà Tiệp-Dur Ngô-Thị-Ngọc-Giao cũng bị cáo có dính líu vào nội

vụ. Vì chuyện này mà Tiệp-Dur bị xử phạt lưu.

Nguyễn Trãi là con người ngay thẳng hiểu ra vụ khuyh loát nhau giữa các bà phi, (có lẽ do Thị-Lộ ở trong cung biết rõ sự việc) nên đã bàn với Thị-Lộ bảo - lĩnh cho bà Tiệp-Dur và đã đưa bà ra ở chùa Huy-Văn huyện Thọ-Xương, làng Văn-Chương (thuộc phố Sinh-Tử, Thành phố Hà Nội ngày nay)

Theo sách Lê-Kỷ tục biên bà Tiệp-Dur trước khi sinh, mang thai 10 tháng chưa đẻ đã bị dèm pha là gây sự quái gở bất lợi cho Hoàng Gia nên vua Thái Tông sai lính trói ở vườn Ngự Uyển và giương cung bắn. May lúc này ông Lê-Khang là cháu ruột vua Lê Thái Tổ đi qua nên vào can thiệp ngay với vua. Vua cho giam bà vào chuồng ngựa và đêm hôm ấy mưa-gió và sấm chớp ầm ầm và vua Thái Tông ra đời. Tuy vậy vua Thái Tông vẫn ghét và không cho ở trong Cung.

Xét các sự việc kể trên, ai ai cũng hiểu riêng những sự giành nhau phần sủng ái trong chốn phòng the cũng đủ làm cho các bà giết nhau, hưởng hồ còn những việc giành nhau ngại vàng lại quan trọng

gấp bội. Vợ chồng Nguyễn Trãi đã can thiệp cho mẹ con bà Tiệp-Dur thì là cả một cuộc khai chiến với bà Tuyên Từ thái hậu bấy giờ đang e ngại con bà Tiệp-Dur ứng vào diêm lành có thể tranh cái ngôi Thái tử vừa được lập của con mình. Bà Tuyên Từ vì lẽ gì mà sợ?

Cũng theo sách Lê-Kỷ tục biên bà Tiệp-Dur nằm mơ thấy Đức Thượng-Đế sai một tiên-dồng xuống làm con bà để làm vua nước Nam. Tiên-dồng chê nước Nam nhỏ. Thượng-Đế cho thêm đất Chiêm, Tiên-dồng vẫn không chịu. Thượng-đế giận cầm cái hốt đánh vào trán tiên-dồng chảy máu. Từ đó bà có thai rồi khi đẻ ra Thánh Tông trên trán nhà vua có vết ngón đúng như điều thấy trong mộng. Chuyện này có thể là điều bịa-đặt, hoàng đường khó tin có tác-dụng tuyên-truyền để làm áp-lực hầu tranh địa-vị cao-quý trong cung chạng, nhưng điều chắc chắn có thật là sự ghen tuông giữa bà Tuyên-Từ Thái-hậu, Thị Lộ và bà Tiệp-Dur trước vấn-đề ăn-sủng phòng the và cái ngại vàng mà bà phi nào cũng muốn cướp cho con mình bằng đủ mọi cách.

Rồi vua Thái-Tông chết trong tay Thị Lộ ở vườn vải (Ly cung)

đó là một cơ-hội độc nhất vô song cho bà Tuyên-Từ cùng mấy đại thần tay chân của Bà đề hạ những kẻ địch họ đã coi là rất nguy hiểm từ lâu chưa trừ khử được. Dự-mưu tru-di họ Nguyễn có các Đại thần Nguyễn Xý, Lê-Khắc-Phục, Lê-Khả. Sau đó ít lâu bà lại cho hạ sát cả mấy ông này e có ngày họ hồi tâm, địa vị của bà có thể sẽ lung-lay.

Còn một vấn-đề pháp-lý cũng nên cứu xét đề hiểu rằng cái án giết vua cướp nước của Nguyễn Trãi là một vụ tư-thù thì nên nhìn vào mấy điểm dưới đây :

a) Trước và trong khi vụ Lê-Chí Viên xảy ra, tuy Nguyễn-Trãi là trọng thần giữ chức Kim-Tử vinh-lộc đại-phu, nhập-nội hành-khiển... coi việc tam quân và kiêm Quân dân bạ tịch, từ tụng ở hai đạo Tây-Bắc nhưng Lê-triều thuở đó vẫn không nêu ra được một chứng tích nào khả dĩ có thể buộc tội ông đã tở chức quân đội hay phe đảng để làm cuộc đảo-chính.

b) Một cuộc thoán-đoạt ngại vàng đầu có phải là chuyện điều động âm-thầm giữa một đôi vợ chồng và trong phạm-vi một

gia-đình, một gia-tộc.

c) Xét các văn thơ của Ưc-Traị tiên-sinh ta lại càng rõ ông đã chán ngán quá nhiều với triều đình và nhân-tâm, thế-sự kể từ thời nước nhà đã thoát ách người Minh nên chỉ muốn về ở ẩn nơi cỏ hoa trắng gió, tí-du khi ông bị bắt giam, ông đã than :

Phù tục thẳng trăm ngũ thập niên.

Cổ sơn toàn thạch phụ tình duyên.

Hư danh thực họa thù kham tiếu.

Chúng báng cô trung tuyệt khả liên.

Số hữu nan đào tri thị mệnh,

Văn như vị táng đã quan thiên.

Ngục trung độc bối không tao nhục.

Kim-khuyết hà do đạt thốn tiên (1)

Dịch :

Cuộc thế thẳng trăm mấy chục niên,

Non xưa sỏi đá phụ tình duyên.

Danh sông dạ mắc vòng oan trái.

(1) Bài này do Trúc-Khê dịch trong sách nhan đề « Nguyễn Trãi ».

Dạ thẳng đời bao kẻ ghét ghen.

Định-mệnh ta đành cam lúc bĩ,

Tư văn trời tựa có khi nên.

Trong lao tù nhục trăm chiều đủ,

Bệ ngọc khôn thông một mảnh tiên.

nhất là qua bài Côn-Sơn ca, ta càng thấy Ưc-Traị chỉ còn mê sự phiếm-dật giữa thiên nhiên mà thôi :

Côn-Sơn có suối nước trong,

Ta nghe suối chảy như cung đàn cầm,

Côn - Sơn có đá tần văn,

Mưa tuôn đá sạch ta nằm ta chơi.

Côn-sơn thông tốt đầy trời,

Ngả nghiêng dưới bóng ta thời tự do.

Côn - sơn trúc mọc đầy gò,

Lá xanh bóng rợp, tha hồ tiêu dao.

Sao không về phất đi nào ?

Đời người vương vất xiết bao cát lăm..

Cơm rau nước lã yên thân,

Muôn chung nghìn quý có cần quyền chi.

Sao không xem : gian tà những kẻ xưa kia.

Trước thì họ Đồng sau thì họ Nguyễn (1)

Đồng thì mấy vục kim-liền,

Nguyên hồ-tiêu chứa mấy nghìn muôn cân,

Lại chẳng xem Di-Tề (2) hai đấng thánh nhân,

Nằm trên núi Thù nhin ăn đến già.

Nào ai khôn dại du mà,

Chẳng qua chỉ tại lòng ta sở-cầu

Trăm năm một cuộc biển dâu,

Người cùng cây cỏ khác nhau chút nào.

Khóc cười mừng sợ xôn-xao,

Đang tươi bỗng héo biết bao nhiều lần ?

Nhục vinh thân cũng là thân,

Cửa ngăn nhà ngôi trăm năm còn gì ?

Sào, Do hai bạn tương-tri,

Vào Hun ta đọc cho nghe bài này !

(Đỗ Nôm Tử dịch)

Ngay sau khi đánh dẹp xong giặc Minh, Ưc-Traị về thăm Côn-Sơn có bài cảm-tác dưới đây

cũng tỏ thêm một lần nữa nguyền-vọng về sống với tùng cúc, nước mây đề hưởng thụ một cuộc đời đơn-giản giữa gió núi trắng ngàn :

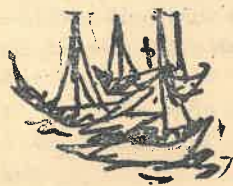
Mười năm cách biệt chốn gia-san,

Tùng cúc về thăm đã mọc lan.

Thân ấy trôi quăng theo gió bụi,

Ước xưa đã phụ với lâm-toàn.

Quê hương về hưởng trong mơ,
 mộng,
 Bình lửa từng qua lấm hiềm-
 gian.
 Bao được non mây nhà một túp,
 Trà chuyên nước suối ngủ bên
 ngàn?



Con người ấy chỉ ước-mơ có thể mà không được, mấy phen rút áo ra về toan theo chước Phạm-Lai du ngũ hồ, Đào-Tiền trở lại với điền-trang yện sao ông còn quanh-quần với ngõ lợi đường danh để mang họa? Xem văn thơ của ông ta thấy Ưc-Trai học rộng biết nhiều, thông kim quán cổ, nghĩa là biết hơn ai hết thế tình xưa nay vốn đen bạc, con người nếu ham địa-vị giàu sang sớm muộn sẽ như thiêu-thần cháy cánh bên đèn. Ông tha-thiết hơn ai hết rút lui

về với non xanh nước biếc để hưởng những ngày cuối cùng cho êm chuyện. Nhưng không may thay, ông vốn là con người thương dân, yêu nước, thấy chánh sự đời Lê Sơ đi dần vào chỗ bế-bối nên tuy đã có phen treo ấn từ quan nhưng chỉ là vạ bất-đắc-dĩ bởi lòng chẳng nở do đó khi vua vời trở lại, ông không thể khước-từ. Tóm lại. Ông đã làm xong sự nghiệp trị loạn, lại còn muốn gây thêm sự nghiệp trị bình cho thỏa trí bình sinh. Rồi mua thu tháng 7 năm Nhâm-Tuất tức năm Đại Bảo thứ 3 xảy ra vụ án ở trại Vải, Ông cùng ba họ chết oan dưới lưới gươm của bà Tuyên Từ Thái Hậu đầy tham vọng và do sự a-tòng của mấy kẻ gian thần tàn ác. Hai chục năm sau vua Thánh Tông lên ngôi hạ chiếu minh oan cho Ông và phục hồi tước vị của ông vào tháng 7 năm Thuận-thiên thứ 5, hồn oan của ông cùng con cháu có lẽ bấy giờ mới có lối siêu thoát.

Đến như Nguyễn Trai mà chết

Dang midol *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/8Y.T/DPDC.

thì kẻ trí giả người ái quốc nào khỏi chết, chỉ trừ ai cương quyết nhắm mắt lìa bỏ nhân dân trong lúc nhiễu nhương, mặc cho thế tình diên-bái.



(1, 2) trang 27 : Đồng đây là Đồng-Trác người đời Đông-Hàn làm Tiền Tướng-Quân. Khi vua mất, Đồng đem quân về triều bỏ Thiệu-Đế lập Hiến-đế (190.207) giết bà Hà Thái-Hậu bị Viên-Thiệu dấy quân tiêu trừ. Đồng liền đem vua chạy sang Tráng-An rồi tự xưng Thái-Sư, sau bị Vương-Doãn mật dụ con nuôi của Đồng là Lữ-Bổ giết đi.

Nguyễn tức là Nguyễn-Tải không rõ về đời nào.
 Di, Tê tức Bá-Di, Thúc-Tê

là con của vua Cồ-Trúc đời nhà An bên Trung-quốc. Khi cha sắp mất, dân chúng lập Thúc-tê. Cha mất, Thúc-Tê nhường cho Bá-Di nói, : « Mệnh cha như vậy », rồi trốn đi. Thúc-Tê cũng trốn nổi vì không chịu lên ngôi. Chu Vũ-Vương đánh nhà An. Hai ông giữ cương ngấn lại. Sau Vũ-Vương thẳng trận lập ra nhà Chu. Hai ông lấy việc ăn thóc nhà Chu làm nhục cùng nhau đi ẩn ở núi Thủ-Dương, hái rau薇 mà ăn sau cùng chết đói ở trong núi. Người đời khen hai ông có nhĩa tiết-tháo.

Sào, Do tức là Sào-Phủ và Hứa-Do là hai cao sĩ đời Đường-Nghiên được vua Nghiêu nhường ngôi cùng không nhận.

Hun tên nôm của Côn-Son.



★ KHOA HỌC GIỮA TRỜI

Trong lúc các nhà bác học Hồi Quốc đang nỗ lực nghiên cứu củ cải, thì các nhà động vật học Balan đồ xô vào nghiên cứu việc tiêu hóa của loài voi.

Chuyện là như vậy, đừng chê đừng cười gì họ cả. Vì hãy nghe tiếp đề hoan hô Balan :

Rằng với suất ăn hằng ngày 78 ký « đồ ăn » khô cộng thêm với 120 lít nước, một con voi trung niên sẽ « ề » ra từ 50 đến 92 ký phân. Thời gian tiêu hóa vào khoảng 20 đến 25 giờ.

Dang midol *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/8Y.T/DPDC.

Người tình và con thơ

Một người tình ra đi
Là lời xa xăm nọ
Khốn nỗi quá âm thầm
Đền mờ trong bốn phía

Tôi cúi đầu ăn năn

Bên trên là bờ cao
Tóc xơ vùng âm-u
Lời ca nào ở đó
Mây bay và gió bay

Ôi đêm về không cùng
Em và con thơ ta
Biết làm sao bây giờ
Ta viết bài hôm qua

Ôi đêm và em, con
Tròn lời ru vị mật
Còn mãi mãi khôn nguôi

Một người tình ra đi
Lời xa xăm rụng xuống
Đêm như nhất trong đời

TRIỆU-HOÀ-ĐẠI



VŨNG TỐI

TRUYỆN-NGẮN

* Thiên-Hà



Gã đứng chân trước một ngõ hẻm ngập bóng tối. Đầu gã bù xù, quần áo gã xốc xếch như một kẻ lưu đày từ bao nhiêu năm qua. Gã lê đôi giày mòn sát đế vào ngõ hẻm tối om như một bóng hình ma quái dị sự. Gã nhìn chăm chăm vào bóng tối. Mặc cảm tội lỗi làm cho gã run rẩy lo sợ.

Gã nhớ đến buổi chiều sau khi rời khỏi đề lao. Gã lượm được đôi giày và mẩu đường ẩm ướt trong đống rác gần một rãnh hôi thúi. Gã ăn ngon lành vì gã thèm đường hơn mọi thứ cao lương mỹ vị. Gã trông cho được ngày tự do mà cứ mãi kéo dài những tháng năm tù ngục làm cho gã thêm thường.

Gã không còn biết buồn trong những ngày tháng bị giam giữ. Thực ra gã không còn những nỗi buồn nhỏ nhỏ về xâm chiếm tâm hồn.

Gã bắt đầu suy nghĩ về sự đơn côi trong sự tù túng của thân thể. Gã loạng chạng như một người say. Gã cảm thấy đói bụng, vì từ sáng đến giờ gã không ăn một vật gì. Gã đi dần về phía máy nước. Gã gục đầu vào hai lòng bàn tay hóp từng ngụm nước lã. Gã uống ừng ực và say sưa.

Bây giờ, không biết là mấy giờ mà gã thấy hơi khu: a. Ngoài đường không còn bóng người. Thỉnh thoảng vài chiếc

xe taxi, xích lô máy vụt qua. Gã nghe hồn nao nao.

Gã đi dần sâu vào ngõ tối. Bong tối dày đặc, vây quanh. Gã không buồn. Gã hơi lo một chút thôi.

Gã dừng chân rồi đi qua, đi lại trước ngôi nhà lá thấp lè tè. Ánh đèn dầu leo lét, yếu ớt từ trong không đủ thoát ra ngoài. Gã nhìn vào thật lâu. Hình như để tìm kiếm những gì quen thuộc.

Gã buột miệng :

— Đứng rồi !

Nhưng, gã vẫn còn ái ngại không dám gọi ai. Gã tự cảm thấy vô lý là tại sao không gọi thử, vì đây là nhà của gã mà.

Đứng thế, chính nơi đây gã đã sống với một người đàn bà trẻ, ngoan, hiền, từ bốn năm về trước. Gã đã sống yên thân, hạnh phúc dù rằng đó là những ngày tháng nhọc nhằn.

Gã đi trở lại không biết đến lần thứ mấy rồi, mà gã vẫn im hơi. Hai tay gã buông thõng, uể oải.

Chợt có người đàn ông từ trong bước ra. Người này ăn vận hơi sang một chút, nghĩa là sang hơn gã nhiều. Trong vũng tối mờ hồ đó, gã nhận ra bộ mặt người đàn ông không ngoài hăm lăm tuổi. Người này đang sửa lại nếp áo cho ngay thẳng, đứng nhìn nửa ngạc nhiên, nửa nghi ngờ, nếu không nói là có vẻ lo ngại.

Gã nhìn người này giây lâu rồi cất tiếng :

— Xin lỗi thầy cho tôi hỏi thăm...

Người này định bước đi, nhưng nghe gã hỏi thì dừng lại :

— Ông muốn hỏi gì ?

— Thưa có phải nhà cô Cầm ở đây không ?

— Không biết

Rồi người đàn ông đó bỏ đi thẳng ra đường. Gã nhìn theo dáng điệu bơ phờ của người này, mà không rõ gã đang nghĩ gì về hắn.

Gã quay mặt trở lại căn nhà ấy, cố tìm hình ảnh quen thuộc của ngày nào, nhưng gã hơi sợ sệt.

Đúng midol *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./DPDC

Trong một thoáng, gã suy nghĩ rồi lần lượt khúc phim đi văng quay về.

Gã nhớ lại người vợ thân yêu, nhớ thật nhiều. Làm sao gã có thể quên được khuôn mặt dịu hiền ấy, khuôn mặt Cầm — Vợ gã.

Những ngày đặt chân vào nhà lao, gã không biết buồn là gì nhưng gã chỉ nhớ thương vợ gã nhiều thật là nhiều. Gã nghĩ rằng đây là cái bình để lọc tình yêu. Gã cố dịp làm một khoảng cách để đo tình yêu của gã. Không bao giờ gã có ý nghĩ là Cầm ra đi bỏ gã.

Nhưng cái khoảng cách đó, cách xa quá. Ngót năm năm trường gã không nhận được tin tức gì của Cầm. Hình như đã có một cái gì đó ngăn chặn, cách biệt. Tuy nhiên gã vẫn vui theo thời gian, vui theo những ngày tháng ngục tù...

Tự nhiên gã thấy nhớ những khuôn mặt đã từng chia nhau mẩu thuốc lá, từ miếng khế, nắm cơm hầm. Gã nhớ rõ lắm. Gã nhớ từng dấu vết ghi lên bức tường trong nhà lao. Gã hình dung đến nét chữ bằng máu trích ở đầu ngón tay của một anh bạn nào đó viết lên tường loang lổ :

« Còn thực dân, chúng mình còn tranh đấu » .

Lúc đó gã mới liên tưởng đến số phận của gã. Khi thấy câu chữ máu đỏ gã mới biết gã bị liệt vào hạng « làm chính trị. » Thực sự, gã mù tịt, có biết chính trị là cái quái gì !

Mỗi khi có tiếng xích sắt khua, tất cả đều nơm nớp lo sợ. Gã cũng cùng một tâm trạng như thế. Nhưng rồi họ xem thường, họ coi những tiếng động xung quanh đều là những hơi thở của động vật. Gã cho đó là hơi thở của động vật, vì mọi sinh vật đều nhằm mục đích để sống, để kiếm cơm, kiếm áo. Ngay đến những tiếng động của xích sắt cũng nhằm vào mục đích duy nhất là sự sống.

Không có gì làm cho gã buồn hơn khi nhớ đến những người bạn đồng lao. Và không gì làm cho gã nhớ nhung bằng khi Cầm đứng bên kia hàng dây kẽm gai, vẫy vẫy bàn tay với gã. Lúc ấy giữa gã và Cầm đã có một bức tường ngăn cách, bức tường đó là hàng dây kẽm gai. Gã không sợ sự cách ngăn của hàng dây kẽm gai đó, mà gã chỉ sợ có một bức tường tư tưởng hay tình cảm vô hình nào làm cho gã đau thương.

Rồi những ngày thứ sáu sau đó, không thấy Cầm đến, gã buồn nhiều.

« Cầm ơi! Sao em không đến với anh? Em đau ư? Em không nghĩ đến anh ư? Em chê anh nghèo hay chê anh mất tự do? »

Hằng bao nhiêu câu hỏi lớn vờn trong đầu óc gã.

Từ đó gã không còn trông thấy Cầm mỗi buổi thứ sáu hiện ra ở bên kia hàng rào kẽm gai nữa. « Cầm đi rồi. Cầm không bao giờ đến đây nữa. » Gã nghĩ vậy.

Gã nuốt những ngày tháng ưu tư tù túng cả thề xác lẫn tinh thần. Gã gói ghém tình cảm lại cho trọn vẹn và chỉ mong một ngày nào đó khi mà tự do của con người gã được văn hồi, chừng ấy, gã sẽ đi tìm Cầm.

Dù sao, gã vẫn không tin rằng vợ gã có thể bỏ gã, hoặc vì hoàn cảnh nào đó không thể đến thăm gã được. Gã còn tin tưởng ở người vợ hiền từ đó, một niềm tin mãnh liệt lắm.

Làm sao có thể quên được hình ảnh thân yêu nhất đời gã. Hình ảnh của một người đàn bà đảm đương, hòa nhã như Cầm.

Nhiều lúc gã muốn quên đi người vợ yêu quý; nhưng, người ta cố quên điều gì lại nhớ điều đó nhiều nhất.

Cho đến hôm nay gã mới thực hiện được những gì mà gã đã mong ước từ lâu. Thế mà giờ này gã vẫn thấy nản lòng. Gã nghĩ rằng những ý nghĩ của gã từ trước đến nay đã trở thành sự thật. Gã không còn một hy vọng nào ở người vợ trẻ đó. Bây giờ gã mới tin Cầm bỏ gã thật sự.

Gã làm lui đi sâu vào bóng tối. Chợt có tiếng gọi:

— Ông muốn tìm ai?

Gã nhận ra tiếng nói của một ông lão quen thuộc, nhưng ông lão ấy không nhận được khuôn mặt của gã. Có lẽ vì trong vũng tối nên ông lão không nhận được gã cũng nên.

Gã dừng lại. Ông lão nhìn chằm chằm vào mặt gã như cố nhận ra chút gì quen thuộc

Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
136C*BY.T/DPDC

nhưng không biết vì sao lão quay mặt đi nơi khác. Gã biết đó là ông Năm, ngày trước đập xích lỏ ở vũng này — từ lúc gã và Cầm mới dọn đến. Gã hơi mừng vì biết rằng ông Năm sẽ cho gã biết rõ những gì đã xảy ra trong những ngày gã không có ở đây. Gã dang háng rồi cất tiếng:

— Tôi muốn hỏi một người đàn bà.

— Là ai?

— Là Cầm, ở cái nhà này ngày trước.

Ngừng một lát, như để nhớ ra điều gì, ông lão nói:

— À, cái con nhỏ vợ của thằng gì ở tù đó chứ gì. Nó đi lâu rồi. Nó đâu còn ở đây.

— Bây giờ ông ở nhà này?

— Nó đi, nó bảo tôi coi chừng nhà dùm nó, nhưng rồi lâu quá không thấy nó trở lại.

Ngừng một phút, ông lão tiếp:

— Tôi nghe người ta nói hình như nó có chồng giàu lắm, sang lắm nên về cái xóm nghèo này làm gì. Gã nhận ra cậu nói có vẻ mỉa mai pha một chút trách móc của ông lão mà gã cũng nghe hờn nao nao. Gã muốn nói cho ông lão biết chính gã là thằng chồng của « nó » đã ở tù xong, về đây, nhưng chẳng rõ vì sao gã lại thôi.

Lúc này gã mới tin những ý tưởng của gã là đúng. Gã đứng chết lặng ở đó — trước mặt ông lão — không nói thêm được nửa lời. Gã mệt như cả thề xác.

Ông lão nhìn gã có vẻ nghi ngờ:

— Ông là ai?

— Tôi không là ai hết,

Ông lão lại ngạc nhiên:

— Sao không là ai hết?

Gã im lặng. Sự im lặng làm cho ông lão khó chịu và sợ sệt. Nhưng nhìn kỹ gã thì ông lão cũng bớt lo vì chắc hẳn, gã không phải là lính kiểm tặc hay công an giả dạng.

Gã run lên. Không biết dói hay vì tức giận cho lòng dạ của người đàn bà đó mà gã run lên? Có lẽ cả hai.

Gã ngồi xuống, lưng dựa vào một gốc cây trướng cá đối diện với ngôi nhà của gã. Ông lão đứng gần bên gã như định nói một điều gì thì gã lại lên tiếng:

— Ông không nhận ra tôi à?

— Không!

— Đâu còn ai biết tôi, đâu còn ai nhớ tôi. Bây giờ chắc tôi không phải là tôi nên người ta không nhận ra dung diện của tôi.

Gã nói một hơi, trong lúc ông lão ngơ ngác, không biết gã nói gì, không biết gã có điên hay không?

Trong đêm vắng khuya, một tiếng động nhỏ cũng, gây thành âm thanh chát chúa hưởng chi là hai người đang nói chuyện với nhau. Dù rất khe song vẫn tạo được sự vang động. Vì thế, con chó từ trong chạy ra chực sủa nhưng tự nhiên nó chỉ hực hực trong cồ họng. Gã nghe thấy tiếng con chó quen thuộc lắm, Gã nhìn kỹ nó rồi đưa bàn tay gầy dẹt lên vẫy vẫy nó lại. Gã liền tưởng đến bàn tay vẫy vẫy của một người đàn bà ở bên kia hàng rào kẽm gai. Con chó mình xếp ve đi hết muốn nài nghe nhưng vẫn liến lại gần gã.

— « Mi-nô ! Mi-nô ! »

Con chó vẫy đuôi một cách yếu ớt. Nó kê sát mõm vào người gã hực hực lên mấy cái rồi sủa một tràng thành tiếng.

Gã lại kêu :

— « Mi-nô ! Này Mi-nô ! »

Nhưng con chó hình như không nhận ra một hơi hám nào quen thuộc đối với nó, nên nghe gọi nó càng sủa thêm.

Ông lão nhìn gã từ cái ngạc nhiên này đến cái ngạc nhiên khác.

Gã lấy làm buồn và tủi thân vì tất cả đều không nhận biết gã, đều xa lạ một cách tàn nhẫn đối với gã.

Gã vội đứng dậy và bước đi. Ông lão lấy làm lạ nhìn gã mà không nói một lời.

Gã lăm lăm trong bóng tối. Gã thấy nuối tiếc những ngày còn trong lao xá. Bây giờ không còn ai là bạn của gã. Ai nấy đều trở thành xa lạ, nghi kỵ. Gã buồn thật nhiều. Gã muốn trở về trại giam nhưng biết làm sao.

Gã không còn đủ sức để lên những bước nặng nề đến nhà thẳng bạn quen ngủ đờ nên gã ueue oải loạng choạng.

Ra đến đầu ngõ, gã quy xuống bên đồng gạch vụn. Mắt gã nhắm lại và thiếp đi lúc nào không hay.

Khi gã mở mắt thì thấy một người con gái ngồi bên gục đầu vào hai đầu gối cơ rờ. Gã ngồi dậy, lấy tay vỗ nhẹ vào vai nó. Nó ngừng đầu nhìn lên gã :

— Gì thế ?

Gã nhìn nó :

— Không nhà sao ?

— Còn ông ?

Gã không nói thêm, đưa mắt vào ngõ tối như cố nhìn vũng tối dày đặc đó để tìm ra hình ảnh người vợ năm xưa. Gã không tin là Cầm đã đi nơi khác, có chồng giàu sang. Gã quay lại người con gái :

— Ở đâu ?

— Ở đây !

— Sao tôi không biết ?

— Tôi cũng không biết ông !

Nói rồi nó lại nhìn gã thật lâu. Gã cũng nhìn nó, nhìn gần sát mặt nó.

— Có biết Cầm không ?

— Là gì của ông ?

— Vợ tôi.

Mặt nó lừ ra, có lẽ ngạc nhiên hay vì gì không rõ, rồi môi nó vênh lên như khinh bỉ :

— Còn lâu ! Ông mà là chồng của nó à ?

— Thật mà !

— Sao tôi không thấy ông bao giờ.

— Cầm còn ở đây không ?

— Chớ đi đâu. Nhưng mà nó « đi khách » không có ở nhà đâu.

— Bao giờ về ?

— Không biết ! Có khi bốn năm giờ sáng mới về, có khi hai ba ngày không chừng. Nó có lệ thuộc ai đâu mà phải giờ giấc.

Làm gì ông hỏi kỹ quá vậy.

Gã không thềm nói nữa. Nó cũng ngồi yên. Giây lâu nó lại kiểm chuyện :

— Mấy giờ rồi ông, ha ?

— Không biết. Khoảng hai ba giờ gì đó là nhiều.

Nó ngáp dài :

— Buồn quá ! Chán bỏ mẹ !

— Gì mà chán ?

— Ông là chồng của nó thiệt sao ?

— Dối cô làm gì.

— Tôi chán giùm cho ông đó.

Gã gục đầu xuống hai đầu gối cơ rờ như người con gái đó. Sương đêm chờ lạnh vào ngõ hẻm. Gã và người con gái đó không nói thêm một lời. Hai người cùng thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn, chập chờn đầy ma quái.

Gã giật mình vì những tiếng ồn ào. Gã mở mắt thì thấy ánh sáng của ngọn đèn « pin » chiếu thẳng vào mặt người con gái bên cạnh. Gương mặt tái nhợt, không biết vì sợ hãi hay vì bệnh hoạn.

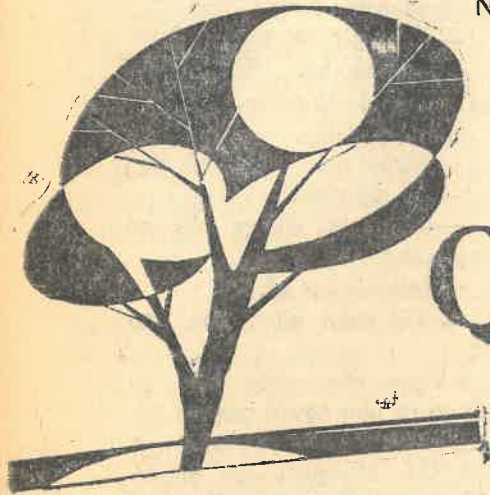
Gã vẫn thần nhiên khi nghe tiếng của người cầm đèn « pin » :

— Mời hai người lên xe.

Con nhỏ còn vụng vằng chứ gã thì vẫn thần nhiên. ★ ●

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1330/BY.T./B.P.D.C.

MỘT LOÀI THẢO MỘC
CÓ HƯƠNG THƠM, LÀ
NGUỒN LỢI CỦA NHIỀU
NGƯỜI



QUẾ

* Hàm-Anh

Ở Việt-Nam từ Bắc vào Nam quế rải rác ở đâu cũng có ít nhiều duy quế ở Trung-Việt tốt hơn cả, là vì quế mọc vào nơi ôn đới, khí hậu phong thổ hợp với tính chất nó, song cũng lại chia làm ba nơi hơn kém khác nhau:

Quế Thanh-Hóa tốt nhất, Quế Quỳ, Quế Quảng.

Quế Thanh Gọi quế Thanh vì quế sản xuất ở tỉnh Thanh-hóa. Ngay trong tỉnh Thanh-hóa cũng chỉ có mấy nơi là có quế tốt: quế ở Bù-dọc, Bù-kha tốt vào hạng nhất, quế ở Bu-ta-leo tốt

vào hạng nhì, rồi đến quế ở tổng Trịnh-vạn.

Ở xã La-kê (Hoa-bông) và châu Thường-xuân cũng có quế nhưng chỉ được liệt vào hạng ba.

Quế rừng là quế mọc hoang trong rừng ở các khe đá. Khi tìm được thì thấy nhiều cây mọc đã lâu năm, đến gần thấy hương thơm xông ra, hoặc thấy lá rơi ở trên mặt đất mới biết.

Có cây già đến một trăm năm, cây càng già, vỏ càng gầy, chất càng tốt, rất quý.

Quế Thanh dầu lâu năm mấy cũng không bao giờ vỏ nó già

QUẾ

bằng vỏ quế Quỳ. Quế Thanh mọc ở núi đá chắc, nên thịt cũng chắc sắt lại, hương vị đậm đà.

Ở các vùng có thổ nơi hợp với quế, dầu quế trồng cũng có phần tốt hơn quế các nơi khác, nên người ta lưu tâm đến việc khuyến khích nghề trồng quế.

Thế nào là quế tốt

Thanh quế nào da ngoài sù sù như da cây khế, lòng trong nhẵn nhụi màu son, hương như hương Tô-hợp, nước như nước đường phen, vỏ ngoài trơn không có vành ngang và ít vết là quế tốt.

Quế pha nước trắng như nước gạo để trong, gọi là bạch quế hay quế sữa thì rất quý và tốt. Quế pha nước như nước chè tươi pha lợt, tốt thứ nhì.

Quế uống thấy bốc rồi hạ ngay cũng là quế tốt.

Xưa kia ta có những thứ quế tốt mang sang cống nước Tàu, thứ đó gọi là ngọc quế.

Bình thường một cây quế lấy được 100 đến 250 phiến.

Quyền lợi của người tìm được quế

Xưa kia ai tìm được quế chỉ phải khai rồi tự bóc lấy đem bán. Hồi Pháp thuộc, có một ông quan Châu mắc nợ nhiều tìm được một cây quế tốt, các chủ nợ đòi không trả, họ mới kiện đến quan Sứ, ông này đứng ra bán giúp, từ đó mới thành ra cái lệ quế đem bán đấu giá.

Rồi sau, ai tìm được quế phải trình quan Châu, quan Châu trình về tỉnh, Tỉnh mới cử ra một hội đồng để định ngày bán.

Quế rừng thường mọc ở núi cao, nơi rừng rậm, đã hiểm trở lại xa xôi, nên bóc quế về là một sự khó khăn. Dân làng ở địa phương phải canh gác cẩn thận sợ bị kẻ gian bóc trộm.

Thiết phiến xong, hội đồng đóng dấu và kiểm số mỗi hạng bao nhiêu, lập thành biên bản giao trả cho chủ nhân.

Khi quế khô rồi, thì quan Châu làm giấy trình tỉnh để định ngày bán đấu giá. Trước khi bán đấu giá, các quan tỉnh phải chọn lấy

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

Dũng midol

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BY.T/DPDC

những phiến tốt không tì vết để cung tiến nhà Vua.

Quế Quảng Quế ở Quảng Nam, Quảng Ngãi gọi là quế Quảng. Phú Tam-kỳ, huyện Tiên-phước và Quế-sơn thuộc tỉnh Quảng-Nam là những nơi sản ra quế. Quế ở đất cứng có hai thứ, quế mọc hoang trong rừng và quế vườn.

Ở Quảng Ngãi, ba tổng có quế: Sơn-thọ, Sơn-đông và Sơn-thuận.

Đông bào Sơn cước ở hai tỉnh Quảng-Nam và Quảng Ngãi đều có trồng quế. Họ trồng quế ở các nơi núi cao. Quế mọc chậm, cây nhỏ, đến bốn năm mười năm mới được ăn hoa lợi, nên có câu :

« Mọi trồng quế cho cháu »

Quế mọc lâu năm, da thịt nó chặt chẽ khí vị đậm đà, mọc ở đất xốp, thì thịt quế cũng xốp.

Khi hậu ở hai tỉnh Quảng đã nóng lại nhiều mưa, mùa đông mưa rào, mùa xuân ít mưa, cho nên đất ẩm thấp quế ưa, dễ mọc.

Quế tốt xấu, cũng tùy ở phong thổ khí hậu. Quế mọc ở đất có nhiều mầu, cứng và sâu, thì quế sẽ có nhiều dầu, nóng và cay hơn quế mọc ở đất nhiều đá và khô

khan. Quế ở Trà-my được tiếng tốt vì đất mát và sâu.

Quế chia ra nhiều hạng :

Quế vườn Quế thảo
quế chi
quế cái
quế đậu
quế biển

Quế rừng : quế thảo
quế kép
quế thanh
quế cái

Quế làm thành thanh cũng gọi là quế thanh, chứ không phải là quế Thanh Hóa.

Thứ quế nào da mịn, vị ngọt là quế tốt. Nhưng có thứ quế dầu ít da thơm mà uống vào cũng công hiệu.

Cách trồng quế

Trồng quế có 3 cách :

Chiết cành mà trồng.

Ương hột lấy cây con mà trồng.

Lấy cây non ở rừng mà trồng.

Cách chiết cành — Cách chiết quế như cách chiết cành cam, tháng 9 chết, thán g giêng cắt đem trồng.

Chọn những cây to lớn mà chiết, gần chỗ nách thân cây bóc lấy một tấc tây, lấy đất trộn phân đắp vào chỗ đó, song đắp lui, quá lên một chút, lấy mảnh buồm bọc lại, buộc thật kỹ, phải tưới nước luôn, để đó ba tháng cho vỏ cây cắt đi ấy, nảy rễ ra, xét xem có thề cắt ra trồng được, thì lấy dao sắc cắt cho khéo kéo hư cành vỡ đất, gãy rễ.

Những người sành việc trồng quế nói rằng : trồng cách này thì quế mỏng không được tốt.

Cách trồng bằng hột

Làm đất. — Trước hết phải làm đất cho nhỏ. Dùng phân bò khô trộn với cát cho nhiều, hốt luống như luống rau diếp tây, dạch ngang từng hàng cách nhau độ 40 phân, sâu chừng hai phân.

Chọn giống. — Lấy những hột chín đen bo vỏ nát đi, đem ngâm nước, hột chìm thì lấy, hột nổi thì bỏ, lấy nước vôi đặc rửa cho hết rớt, rồi lấy tro và cát trộn đều mà ủ trong một hai ngày, nhớ phải trộn luôn cho mát hột, kéo thối nát hư cả.

Sau cùng đem rửa nước vôi, trồng ngay thì tốt.

Gieo giống. — Gieo hột giống cách nhau một hột, lấy đất bột lán phân và cả cát nhỏ lấp lên

trên chừng một phân tây. Chỗ nào gieo giống rồi, lấy rạ phủ qua một lần mỏng trên mặt. Bên trên làm giàn che lá cho khỏi ánh nắng và mưa dông. Hàng ngày sáng hay tối dùng bình tưới nước một lần. Chừng 10 ngày, có khi đến 15 ngày, hễ thấy mầm nảy lên khỏi mặt đất, thì cắt lớp rạ mỏng đi, để mầm mọc lên khỏi bị hư hỏng, và hàng ngày phải chăm tưới nước.

Chừng hơn hai tháng bỏ thêm đất bột vào gốc. Khi thấy đất ở dưới gốc cây mịn chặt, phải xới lên. Mỗi khi thấy cây tốt lên một ít thì phải cho thêm đất bột vào chừng hai hay ba phân tây. Được một năm mới đem ra trồng nơi khác,

Khi đó cây đã lên cao chừng 30 phân tây rồi. Lấy cây đem đi trồng nơi khác phải cần thận, đào lấy một bầu đất to cho khỏi chạm vào rễ, thì cây mới sống được.

Cách bóc quế — Cây quế cứ để đứng mà bóc cho khỏi hư vỏ, lột từng khoanh tròn cao độ 0,4

Khi bóc quế, trước hết, người ta lột sát gốc độ hai tấc sát mặt đất, đợi chừng một tháng mới lột cả cho dễ. Bóc về tháng hai, tháng ba, và tháng tám, tháng chín. Khi bóc phải bóc một vành cao 0,4 ở gốc trước tiếp bóc một vành ở

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/8Y.T./DPDC.

phố buồn



Hôm nay tôi về thăm Đà giang
Cánh cũ hình như quá vỡ vàng
Mưa phủ bao trùm lên phố vắng
Như buồn đưa tiễn Lệ sang ngang

Gió thổi lạnh lùng ! mưa bay bay
Buồn lên giá lạnh thoáng bao ngày
Từ hồi em đã sang sông lạnh
Phố xá buồn tênh ! vắng bóng ai.

Đường phố mưa đây ! ngập lối đi
Buồn lên ánh mắt ! ước mong gì
Từ dạo người yêu theo pháo cưới
Ta buồn, phố cũng chạnh lâm-ly !

NGUYỄN-LÊ-ĐỨC-HUY

(Đà-nẵng)



CÁT BỤI

* Hal Borland

VŨ MINH THIỀU dịch

TÔI gọi ông ta là Danh Lịch. Tên thật là gì, điều đó không đáng kể. Ông ta người cao, mảnh khảnh, mặt sưng xầu, trạc năm mươi tuổi. Hồi đó, tôi mười hai. Ông sống trong một ngôi nhà nhỏ, sơn trắng, gần các cồn cát. Còn chúng tôi ở cách đó chừng vài cây số, trên cánh đồng cỏ khô và cứng. Tôi cảm thấy ông ta yêu tôi lắm vì tôi yêu các cồn cát, còn ông đối với các cồn cát, ông đều đương đến sùng bái. Thường tôi hay đánh ngựa đến

chơi nhà ông. Chúng tôi đi bách bộ đến cồn cát lớn nhất gần nhà ông. Chúng tôi ngừng ở đây, nói chuyện hoặc chẳng nói chuyện gì cũng được. Cồn cát này đẹp vô kể, hạt cát lóng lánh như vàng, đây đó mọc vài bụi cỏ, về mùa hạ xanh mướt một màu. Đứng trên đỉnh cồn, nhìn xa được mấy cây số. Hàng ngày ta có thể trông thấy khói đoàn xe lửa chạy cách xa đó hai mươi lăm cây số về phía bắc. Về buổi chiều, nếu trời trong sáng, người ta trông rõ cả được về phía tây mờ mờ núi xanh biếc

ở cách đó có cả trăm cây số hiện ra ở chân trời.

Một buổi kia, ngồi ở cồn cát ông bảo tôi, để vốc cát rơi lọt qua khe tay :

— Xưa kia, cát dồn lại thật cao, tưởng như có thể đưa mình lên đến trời được. mặc dầu dẫm dưới chân, cát vẫn trôi tuột đi như thời gian trôi chảy. Còn nắm giữ một vốc cát trong khe tay cũng chẳng được.

Ông mỉm cười và nói tiếp :

— Hai năm có phải dài không cháu ? Bác muốn nói về cháu đó.

Tôi trả lời :

— Hai năm nữa, cháu mười bốn tuổi.

Ông cúi đầu và nói :

— Và cháu còn bao nhiêu năm nữa kể tiếp nhau. Cháu sẽ làm gì ?

Tôi trả lời là không biết.

Ông nói :

— Chẳng có gì lạ, có biết bao công việc đợi ta khi ta còn trẻ. Nhưng cháu nên nhớ điều này : việc gì ta cũng có thể làm

được cả. Không có hàng rào nào ngăn trở ta được, sao cũng có cách vượt qua... hoặc ta đi vòng quanh vậy.

Ông thở dài và vuốt ngực sau cơn ho. Sau câu chuyện, chúng tôi đi từ từ về nhà. Ngôi nhà này chính tay ông làm lấy, cả đồ đạc trong nhà cũng do ông chế tạo. Tôi hỏi xem ông có phải là thợ mộc không.

Ông trả lời :

— Không phải, nhưng bác đừng phải nằm ở dương đường một năm trong một gian phòng như sơn trắng và ở đó năm liền giường, bác đã phác họa trong trí ngôi nhà và tất cả đồ đạc. Rồi bác đến đây và tự xây cất nhà này.

Tôi không hiểu tại sao ông Danh Lịch phải nằm ở dương đường. Sau tôi hỏi lại mẹ tôi mới biết ông ta mắc bệnh lao.

Một buổi về mùa thu năm đó tôi hỏi tại sao ông không nuôi gia súc.

Ông trả lời :

— Bác tính nhằm là nuôi gia súc phải săn sóc mất công. Có

ngựa của bác, thôi đành vậy. Bác phải săn sóc nó vì nó cần thiết cho mình. Tất cả điều mong ước của bác là ngôi nhà nhỏ này. Cách đây một năm rồi, các bác sĩ có bảo bác chỉ sống được hai năm nữa thôi. Sống như thế này, số tiền bác còn đủ nuôi mình hai năm. Nếu sống cách khác đâu còn đủ tiền trong sáu tháng nữa. Mười tám tháng qua thật dễ chịu hết sức.

Những ngày đầu mùa đông thật êm dịu, nhưng một buổi kia về tháng hai bỗng có bão tuyết nổi lên từ chiều và kéo dài suốt đêm. Vào lúc rạng đông có người gõ cửa chúng tôi. Đó là ông Huy-Lâm ở cách chỗ chúng tôi một cây số. Ông đến báo tin thằng Rốp con ông bị đau nặng lắm. Thằng bé bị cảm lạnh nhiễm phổi, suốt đêm sốt li bì và thở rất khó khăn.

Ông nói :

— Tôi muốn đến nhờ xem có ai có thể đi gọi giầy nói mời bác sĩ đến hộ tôi không ? Tôi biết vào lúc bão táp như thế này thật không phải lắm, nhưng tôi không biết nhờ ai.

Gia đình ông Huy-Lâm đến đây vào mùa xuân và từ đó gặp rủi ro luôn. Ngựa họ cũng không có. Trước có hai con, đến cuối

mùa hè cả hai đều ốm rồi lăn ra chết. Tất cả gia đình hình như chỉ sống về đậu trồng ở vườn.

Mẹ tôi hỏi tôi có thể đi gọi điện thoại được không, ở kho hàng Vũ-độ cách đây hai mươi cây số, và cách nhà ông Danh-Lịch mười cây. Tôi bằng lòng đi : tôi biết tất cả các ngọn đồi trong vùng như sờ tay vào túi. Tôi chiến đấu với gió mới tới được nhà xe đê buộc yên ngựa. Mẹ tôi xếp chăn mền và mang tất cả các thứ thuốc men còn trong nhà đến nhà ông Huy-Lâm. Tôi cưỡi con Sóc-ty đi gọi điện thoại.

Bao thời mỗi lúc một mạnh và mãi hai giờ sau tôi mới tới nhà ông Danh-Lịch. Tôi đã nghĩ nên đi thẳng đến Vũ-độ, nhưng người thấy mũi gỗ cháy trong lò, tôi xuống ngựa vào nhà.

Ông Danh-Lịch nằm ở giường.

Ông hỏi tôi :

— Cháu đi đâu trong cơn bão này ?

Tôi kể rõ câu chuyện và cho thêm củi vào lò. Ông vội đứng dậy mặc quần áo. Giữa lúc này, cơn ho lại nổi, ông phải ngồi nghỉ một lúc. Rồi ông ra mở tủ lấy mấy chai thuốc, bỏ vào một chiếc túi, khoác thêm một áo dạ dày. Tôi hỏi ông định đi đâu.

— Bác đến nhà ông Huy-Lâm

PHONG-DHU
Đường **NEUROTONIC** BỔ ỨC
Tăng cường trí não
ST5 DVT 20-11-63

Tôi cản ông :
— Nhưng cháu đi tìm bác sĩ
bây giờ.

Ông bảo :
— Hai giờ nữa bác sĩ cũng chưa
đến được. Thằng bé đã bị xưng
phổi. Tất cả những bệnh về phổi
bác đều hiểu biết. May ra bác có
thề cứu nó. Bao cực thật, nhưng
không trở ngại nào ta không
vượt qua được. Cháu buộc yên
ngựa giúp bác được không ?

Hai phút sau chúng tôi nhảy
lên ngựa, ông Danh-Lịch trở lại
con đường, tôi vừa qua và tôi
thì tiến về phía Vũ-độ. Bác sĩ
hứa đi ngay vì bão đã ngớt.
Ông ấy đến nhà chúng tôi vào
lúc quá trưa. Tôi dắt ngựa ông
vào chuồng cho nghỉ và buộc
yên một con ngựa khác. Khi tôi
kề về bệnh thằng Rốp, ông lắc
đầu :

— Ít hy vọng lắm, nhưng ta
đã đến đây, ta sẽ đến thăm nó,
dù là chỉ đến chứng thực nó
chết nữa.

Chúng tôi đến nhà ông Huy-
Lâm. Rốp không chết. Con sốt
đã rút và thằng bé ngủ yên. Bác
sĩ thăm bệnh Rốp và bảo ông
Huy-Lâm :

— Nếu con ông sống được,
đó là nhờ ông Danh-Lịch đến
kịp thời.

Rồi ông kéo ông Danh-Lịch ra
nói chuyện riêng. Hai người nói
nhỏ. Cuối cùng tôi nghe thấy ông
Danh-Lịch nói :

— Thưa bác sĩ, một hai tháng
có nghĩa gì : Cuộc đời đã tàn tạ
và mỗi mặt so với một mầm non
đầy tương lai hứa hẹn có đâu
đáng kể.

Ông ho và vuốt ngực, rồi ngồi
xuống.

Khi chúng tôi đi cả rồi, mẹ tôi
mời ông Danh-Lịch ở lại đây
một đêm.

Ông trả lời :
— Xin cảm ơn bà nhiều lắm, tôi
cần phải về. Tôi xem có lẽ cũng
chỉ còn đủ thời giờ về đến nhà tôi
thời.

Bác sĩ và ông Danh-Lịch đi về
phía mặt trời lặn.

Mẹ tôi nói :
— Ông ta ốm lắm.

Về đến nhà, một giờ sau ông
chết.

Người ta chôn cất ông ở
cát. Một tảng đá lớn đánh dấu
nơi an nghỉ ngàn thu của ông.
Nhưng thỉnh thoảng, cát lại xô
dịch và năm sau vào mùa thu
khi tôi đến chốn cũ, tôi tìm mà
không thấy tảng đá. Thời gian
qua, cát đã phủ kín mất mộ
của ông.



* Nguyễn-Uỷ

(tiếp theo P.T. 145)

S A U một thời-gian im hơi
lặng tiếng, hình như một vài ủy-
ban Trung-Ương Đảng Bộ V.N.
Q.D.Đ. bắt đầu tái lập để hoạt-
động trở lại, nhưng một cách hết
sức dè-dặt và hầy còn rời-rạc.
Một buổi tối thứ Bảy, một người
bạn rất thân đến nhà trọ rủ
Tuấn đi Bờ Hồ chơi. Hai người
ngồi trên ghế đá trông dưới gốc
cây phượng. Người bạn hỏi
Tuấn :

— Anh có quen với ai ở Sài-
gòn không ?

Tuấn nghĩ một lúc rồi bảo :

— Có một người bạn học

cùng lớp ở Qui-nhon, hiện giờ
làm công chức sở Bưu-điện Sài-
gòn. Có một người nữa, bạn
đồng hương, hiện làm trợ-bút
một tờ báo lớn.

— Anh vô Sài-gòn tiếp xúc
với hai người đó được không ?
Thử đặt một cơ-sở kỳ-bộ V.N.Q.
D.Đ. ở Sài-gòn, rồi anh trở về
Hà-nội liền.

— Đi Sài-gòn thì được.
Nhưng còn việc tiếp-xúc với hai
người bạn đó sẽ có kết quả gì
không, tôi không dám chắc.
Người bạn làm bưu-điện, thì lúc
còn học ở Qui-nhon, đã tỏ ra là

một trong những đứa nhát gan nhất và sợ Tây nhất. Còn cái anh trợ-bút báo Công-Luận thì, hợ may... Trong vụ lễ Truy-diệu cụ Phan-Chu-Trinh, hẳn cũng háng hái... Nhưng hiện giờ mình không thể bảo-đảm gì cả. Đã mấy năm rồi mình không gặp hẳn,

— Không hề gì. Anh cứ đi Sài-gòn một chuyến xem. Thử tiếp xúc, và đo-dẫm tình-hình, rồi sẽ liệu.

— Hôm nào đi ?

— Hôm nào cũng được, tùy anh.

— Đề tôi sắp đặt công việc học-hành của tôi xem sao đã. Thời-khóa-biểu của tôi tháng này năng lắm. Nhưng tôi có thể đi một tuần lễ.

Hôm sau, người bạn của Tuấn đem đến trao Tuấn 50\$ (1) và hai người thì-thăm trò chuyện rất lâu. Rồi một buổi chiều, vào lúc 5 giờ Tuấn xách chiếc va-li nhỏ ra ga xe lửa mua vé tàu suốt Hà-nội — Sài-gòn.

Tàu-suốt (Train-express) đi đúng hai đêm hai ngày, chỉ ghé

những thành-phố lớn. 7 giờ tối ngày sau tàu đến ga Saigon. Tuấn xuống một khách sạn gần ga, đường Amiral Roze (2) đưa giấy căn-cước cho người bồi khách sạn ghi vô sổ, rồi chàng đi tắm.

Trở lên phòng thay đồ đặc xong, Tuấn ra đi, ghé ăn qua loa trong một tiệm cơm « các chú » nơi góc đường, rồi đi bách bộ xem bộ mặt thành phố Sài-gòn ban đêm

Sài-gòn rộn rịp hơn Hà nội nhiều. Thoạt tiên Tuấn đề ý đến hai đêm khác nhau giữa hai thủ đô : Sài-gòn có quá nhiều tiệm ăn, tiệm café, xe mì, hầu hết là của « các chú » và tiệm nào cũng đông đặc khách hàng, Ngoài ra còn các hàng quà vật của phụ nữ bình dân ngồi bán đầy các lề đường

Dân chúng ngồi ăn ngoài đường đông đảo và vui vẻ tự-nhiên. Trái lại, ở Hà-nội, các tiệm ăn rất hiếm, các hàng quà vật rất ít. Cả phố hàng Lọng, chỉ có một tiệm ăn lớn của Hoa Kiều : Nam Kinh từ lâu.

(1) 50\$ hồi 1930 giá trị bằng 2000\$ năm 1930

(2) Nay là đường Trương-công Định.

PHONG-PHÚ

Quảng **NEUROTONIC** *BỔ ỨC*
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63

Phố hàng Bông, hàng Gai, dài từ chợ Cửa Nam xuống đến chợ Cầu Gỗ, và phố Cầu Gỗ xuống đến bờ sông, không có một tiệm ăn nào cả. Trước kia, năm 1929 có tiệm ăn « Việt Nam » ở phố hàng Bông, do Việt Nam Quốc Dân đảng mở ra làm nơi kinh tài bí mật nhưng sau bị đồ bễ và bị đóng cửa luôn. Phố hàng Da, hàng Cốt, Nhà Hỏa, cũng thế. Phố hàng Đào từ Bờ Hồ lên đến chợ Đồng Xuân, qua phố hàng Giấy, lên phố hàng Đậu, hàng Than, cũng chẳng có một tiệm ăn. Chỉ có phố hàng Cân có vài tiệm bán Chả Cá, phố hàng Nón dọc nhất một tiệm phở « Nghi Xuân ».

Trừ một phố hàng Buồm mà đa số cửa hàng là của Hoa Kiều, có hai ba tửu lâu lớn, còn hầu hết các phố phường Hà-nội đều vắng bóng các tiệm ăn, tiệm rượu, tiệm cà phê. Không kể thỉnh thoảng một vài quán cơm bình dân ở ngoại-ô.

Theo Tuấn, có lẽ tại vì người Hà-nội thích ăn cơm trong gia đình, không ưa đi tiệm. Chỉ khổ cho người các nơi đến Hà-nội phải ở khách sạn, tìm được chỗ ăn thật là cả một vấn-đề. Có lẽ tại vì phong-tục ngoài Bắc là tránh những nơi

« tửu-điểm trà đình », cho nên trừ những trường-hợp thật đặc-biệt, còn thì không có cảnh tượng ăn-uống tự-do thường-trực ngoài phố như Sài-gòn.

Hà-nội thời Tiền-chiến, là một kinh-đô cổ-kính, nơi « nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long », hãy còn giữ đại-cương những nét truyền thống của Nho-phong. Sài-gòn khác hẳn, dù là Sài-gòn 1930, lúc Tuấn từ Hà-nội vào, ngỡ-ngác giữa cảnh rộn-rịp thường xuyên như tự cảm thấy mình thất lạc vào một nơi hoàn-toàn xa-lạ.

Quen nếp sống thường ngày ở Hà-nội, Tuấn đến Sài-gòn và đi xem phố-xá cũng mặc áo veste và đeo cravate. Tuấn cảm thấy khó-chịu ngay vì chung quanh mình công chúng mặc toàn áo bà-ba, hoặc sơ-mi trần, cho đến cả các cô thiếu-nữ 19.20 tuổi đi ngoài phố cũng mặc áo bà-ba, khác hẳn với Hà-nội. Tất cả đều ngó Tuấn với cặp mắt tò-mò, Tuấn ngỡ-ngác, ngỡ-ngạc như một người ở tỉnh lần đầu tiên bước chân lên đô thị Sài-gòn. Sáng hôm sau để tránh khỏi thiên-hạ đề ý đến mình, Tuấn mặc sơ-mi trần, không đeo cravate, ra đường gọi xe kéo xuống nhà giầy-thép, như một người thường dân Sài-gòn.

Đến Bru-điện, hỏi Thầy N,

người ta chỉ qua phòng « colis postaux » (Bưu-kiện) ở bên hông. Tuấn sang phòng này, may mắn trông thấy ngay N., người bạn học cũ ở Qui-nhon. Đầu tiên N. bỡ ngỡ hỏi :

— Ủa, Tuấn, đi đâu đây ?

Tuấn bảo khỏe, sợ người ngoài nghe :

— Minh ở Hà-nội mới về hôm qua, muốn gặp N. nói chuyện chơi.

N. cười gượng :

— Ủ. Nhưng bây giờ « mỗa » đang bận việc. Đề chiều nay được hông ?

— Được.

— « Toa » vô Sài-gòn, ở trọ nhà ai ?

— Ở khách sạn Hồng Hoa, đường Amiral Roze.

— Vậy thì chiều nay, cơm nước xong, độ 8 giờ « mỗa » chờ « toa » trước cửa ga xe lửa. Nhớ hỉ ! Rồi bọn mình đi ra hóng mát ở Pointe des blagueurs, tha-hồ nói chuyện. Nhớ hỉ !

— Pointe des blagueurs ở đâu ?

— Chỗ cột cờ Thủ-Ngũ ngoài bờ sông.

Đúng 8 giờ tối, Tuấn kêu xe kéo ra bờ sông, tìm đến chỗ Pointe des blagueurs. (1) Tây và đằm ngồi ăn uống đông nghẹt. N. dắt Tuấn đi dọc theo bờ sông. Sau những câu chuyện hàn-huyên, Tuấn kể lại cho

N. nghe về vụ khởi nghĩa thất bại của V.N.Q.D.Đ. Tuấn dò ý-tư của người bạn học cũ, thấy anh ta tỏ vẻ rất khâm phục Nguyễn-thái-Học và các đồng-chí của Học trong V.N.Q.D.Đ. N. nói hăng lắm, khác hẳn lúc học ở Qui-nhon. N. cá-tụng Nguyễn-thái-Học và Nguyễn-thị-Giang, « hai nhà anh hùng xứng đôi vừa lứa » đã ghi tên trong Lịch-sử Việt-Nam.

Tuấn khắp-khởi mừng thầm, hỏi N. :

— Thí-dụ bây giờ có một chi-nhánh V.N.Q.D.Đ. ở Sài-gòn đây, anh có tham dự khô g ?

N. trở mắt ngó Tuấn :

— Không ! « Mỗa » làm vậy họ bỏ tù « Mỗa » thấy mẹ !

Tuấn cười :

— Vậy sao anh khen Ngu,ễn-thái-Học với Nguyễn-thị-Giang dữ vậy ?

— « Mỗa » khen họ nhưng « Mỗa » không làm như họ được, vì « Mỗa » còn phải lo giữ cái nồi gạo của « Mỗa » chớ.

Tuấn cười :

— Nếu vậy thì thôi.

Đề N. khỏi nghi-ngờ về nhiệm vụ bí mật của Tuấn, chàng nói tiếp :

— « Mỗa » hỏi đũa « toa » cho vui thế thôi, chớ tụi mình còn con nít quá, làm gì được đại-sự như Nguyễn-thái-Học !

(còn nữa)

(1) *Bây giờ là tiệm ăn « Ngân đình » của Hoa kiều.*



KỂ NỐT CÂU CHUYỆN
TÌNH YÊU NĂNG
HƠN NGẠI VÀNG

(tiếp theo P.T. số 145)

★ *Diệu-Huyền*

CHIỀU chúa-nhật, chiếc xe con cóc của ông Tú nhay cà-tùng cà-tùng trên xa lộ, vừa quẹo ra đường đi Suối Lồ-Ồ, thì bà Tú hỏi ông Tú :

— À, Minh ơi, chừng nào Minh mới kể nốt cho em nghe

câu chuyện Anh-Hoàng Edouard VIII bỏ Ngôi Vua để theo người yêu ?

Ông Tú đang lái chiếc xe trứ danh của ông sát bên lề đường để tránh đoàn xe nhà binh GMC 12 bánh lù lù từ đằng xa tiến tới

hụi bay vàng trời. Đoàn xe qua khỏi, bà Tú nói tiếp:

— Kề cũng là một chuyện hừ hữu dấy chứ, Minh nhỉ! Đang làm một vị Đế-Vương ngồi chễm chệ trên một chiếc Ngai Vàng tôn nghiêm nhứt và có uy tín nhứt trên hoàn cầu, mà quyết định thoái vị, nhường Ngai cho người em, để đi theo tiếng gọi của tình yêu, đó đâu phải là một việc mà ai làm cũng được!

— Vì thế nên, ông Tú nói, quyết định của Nhà Vua đã gây ra những luồng dư luận vô cùng sôi nổi. Dĩ nhiên dư luận chia làm hai phe: phe thủ cựu, và phe trẻ. Phe Thủ-cựu trách nhà Vua sao lại nhất định đòi cưới một người đàn bà Mỹ, bà ấy đã hai lần ly dị với hai đời chồng? Một người đàn bà như thế có đáng làm Hoàng-hậu nước Anh không? Nhưng phái trẻ và giới bình dân lại hoan nghênh nhà Vua đã có can đảm đập đổ một tập quán cổ hủ, sống theo quan niệm mới, và mở cho nước Anh một kỷ nguyên mới của tự do và trẻ trung.

Bà Tú cắt lời ông Tú:

— Em cũng đồng ý với phái

trẻ, em hoan nghênh ông Vua đó.

— Khốn nỗi, phái chống đối tuy ít hơn nhưng có thế lực hơn. Trước nhất là chính phủ của Vua. Ông Baldwin, Thủ tướng, kịch liệt phản đối nhà Vua đã lựa một người đàn bà ngoại quốc không xứng đáng với uy tín của Triều-đình và Vương-quốc Anh. Các bạn hữu riêng của Vua cũng không hiểu tại sao Vua có thể yêu và đòi thành hôn với bà Simpson? Edouard VIII trả lời cho tất cả mọi người rằng: « Bà Simpson là người đàn bà lý tưởng mà trái tim của Trẫm đã chờ đợi lâu nay. Trẫm chỉ yêu một người đàn bà đó mà thôi. »

— Kề cũng lạ, Minh nhỉ. Biết bao nhiêu công chúa trẻ đẹp sac nhà Vua không yêu? Lại chọn làm hôn-tượng một người đàn bà đã hai lần ly dị, mà nhan sắc rất tầm thường, không có gì hấp dẫn, tính nết kiêu căng, không được diệu hiền! Chả trách có nhà văn Pháp nào đó đã nói: « Trái tim có những lý lẽ mà lý trí không thể hiểu được ».

— (*Le coeur a des raisons que la raison ne connait pas...*) Nhưng



Quận Công Windsor và phu nhân
(hình chụp năm 1939, 3 năm sau lễ cưới)

PHONG-PHU

Phong

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63

lý lẽ của nhà vua là lý lẽ của Tình yêu, còn Chánh phủ, và nhất là vị Giáo - chủ Giáo-hội Anh-quốc thì có những lý lẽ về chánh trị, và tôn giáo mà nhà vua không thể thắng nổi. Hồng-Y Giáo Chủ ở Canturbury, Cosmo Gordon Lang, phủ nhận mọi cuộc hôn phối của nhà vua với một người đàn bà ly dị, mặc dầu Edouard VIII có ý định cưới bà Simpson làm người vợ thường, không tôn làm Hoàng-hậu (marriage morganatique). Bà Simpson cũng bằng lòng làm vợ Vua với tư-cách một phụ-nữ bình dân thôi, không có tham vọng làm Hoàng hậu (épouse morganatique). Toàn thể Hoàng gia Anh, Triều-đình, chánh phủ, giáo-hội, đều quyết-liệt phản đối. Nhưng đa số dân chúng và nhất là giới trẻ, thì nhiệt-liệt ủng hộ nhà Vua. Tại Thủ đô London, dân chúng biểu tình rầm rộ trước Điện Buckingham, Ca Quốc thiều Anh và dâng những biểu-ngữ rất táo bạo như :

— *We want Eddie and his missus !*

(Chúng tôi chịu Eddie và bà của chàng !) Eddie là tiếng gọi

thân mật tên Vua Edouard VIII.

Hàng nghìn người đạp xe máy chạy khắp thủ đô với tấm biển đeo trước ngực :

« *God save the King from Baldwin* »

(*Xin Chúa phù hộ Vua chống lại Baldwin*) Baldwin là tên Thủ tướng chánh phủ.

Hoặc những biểu ngữ dang qua các phố :

« *The King is right. Baldwin is wrong* »

(*Vua có lý. Baldwin nói bậy !*)

Ở Hạ - nghị - Viện, Winston Churchill lãnh tụ phe đối lập, tìm lời bào chữa cho nhà vua và công kích chính phủ và Giáo hội. Dư luận các báo cũng rất xôn xao và chia ra 2 phe phản đối và ủng hộ. Cho đến ở Mỹ, viện Gallup mở cuộc phỏng vấn toàn quốc, thì ngay ở Baltimore là quê hương của bà Wallis Simpson, kết quả là 54 phần trăm ủng hộ Anh hoàng cưới bà Simpson, còn 46 phần trăm phản đối.

Ngày 6 - 12 - 1936, Hồng Y Giáo chủ ở Canturbury gửi tờ thông-tư cho tất cả các giáo đường ở Anh quốc và các nước



Dân chúng London biểu tình ủng hộ Edouard VIII

Liên Hiệp Anh, ra lệnh phải đọc kinh cầu xin Chúa soi sáng trí óc của nhà Vua.

Winston Churchill đề nghị trước Hạ nghị Viện rằng nên để nhà Vua đi ra khỏi nước Anh trong thời gian vài ba tháng, để cho dư luận êm dịu trở lại, thì liền bị hầu hết Hội nghị la ó rùm beng, kẻ huýt còi, người đập bàn, đập ghế. Một ông Nghị đồng đặc bảo : « Dân chúng toàn quốc mỗi ngày mỗi xôn xao náo động, không còn nhẫn nại nữa. Gần cuối năm, mà việc buôn bán bị ế ẩm, vì dân chúng chỉ lo bàn tán việc hôn nhân của nhà Vua, chẳng ai còn thiết sắm sửa lễ Noel và tân niên. Nếu nhà

Vua không quyết định nay mai, thì chắc chắn nước Anh sẽ bị một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng ».

Thế rồi ngày 10-12-1936 vua Edouard VIII ký giấy thoái vị, nhường ngôi vua cho người em ruột, Albert, niên hiệu George VI, tức là cha của Nữ Hoàng Elisa beth hiện tại.

Chiều hôm ấy Hạ-nghị-Viện nhóm đông đủ một phiên nhóm đặc biệt trong Lịch sử nước Anh. Thủ tướng Stanley Baldwin long trọng tuyên bố :

— Một thông điệp của Hoàng Thượng, tự tay ngài ngự-bút.

Toàn thể nghị viện đều im lặng. Thủ tướng Baldwin cúi đầu

NEUROTONIC BỔ ĐỨC
 378 BYT 50-11-42

làm lễ tam khấu trước Sắc-chỉ của nhà Vua, có đóng ấn đỏ của nhà Vua, và chứng chạc đọc bản thông điệp như sau đây :

« Trăm, Edouard VIII, Quốc Vương nước Anh, nước Irlande, và các nước Liên-Hiệp-Anh ở Hải-ngoại, Hoàng-đế các vương quốc Ấn-độ,

« Do sắc chỉ này, tuyên cáo cùng toàn thể thần dân được biết rằng Trăm đã quyết định thoái vị về phần Trăm cũng như về phần các con cháu của Trăm. Trăm muốn rằng Sắc chỉ thoái vị này có hiệu lực ngay tức khắc. Ký tên ; Edouard VIII ».

Xong rồi, một giờ sau, khi trời đã tối, dân chúng thủ đô London tụ họp đông nghẹt trước Điện Buckingham và toàn thể nước Anh, cũng như toàn thể Thế giới đều lắng tai nghe tiếng nói cảm động và trầm trầm của Anh hoàng Edouard VIII nói mấy lời từ biệt như sau :

« Xin các bạn hãy tin tôi khi tôi nói với các bạn rằng tôi tự cảm thấy không thể nào gánh trách nhiệm nặng nề và làm tròn bổn phận quốc-vương nếu không có sự giúp đỡ và ủng hộ của người đàn bà mà tôi yêu.

« Tôi đã quyết định thoái vị, một quyết định nghiêm trọng nhất

trong đời tôi, — bởi vì tôi thấy nó tốt đẹp, hơn cả đối với tất cả mọi người. Em tôi, với những đức tính quý báu, có thể kế vị ngay từ bây giờ. Em tôi có hạnh phúc tuyệt vời, mà các bạn đều biết, và tôi không được diễm phúc ấy, là có một gia đình đoàn tụ đông đủ vợ con...

« Cầu nguyện Chúa che chở các bạn. Cầu nguyện Chúa che chở Tân Vương ! ».

Ngày hôm đó, Tân Vương Georges VI, tặng cho cựu Hoàng Edouard VIII, người anh thoái vị, chức « Quận Công Windsor ». Và 5 giờ sáng hôm sau, 12-12-1936, Quận Công Windsor từ gia Điện Buckingham. Một mớ hành lý để trong chiếc xe Buick đen, ông âm thầm ra đi, đơn độc, với một người tài xế..

Chiếc xe con cóc của ông Tú bà Tú cũng vừa đến Suối Lò Ô. Đờ xe trên khoảng đất trống, ông Tú nắm tay bà Tú lần theo đường mòn, bước xuống con suối nhỏ chảy róc rách giữa hai ven đồi. Đi một khoảng xa, tìm được nơi thanh vắng, hai người ngồi xuống cỏ xanh, bên giòng nước mát, nhìn mặt trời hoàng hôn chìm dần xuống một biển mây.

Bà Tú hỏi ông Tú :

— Rồi kết cuộc tình sử của ông Vua đó như thế nào, hả Minh ?

Ông Tú chầm thuốc hút, chậm rãi đáp :

— Quận Công Windsor xuất dương khỏi nước Anh, đến trọ cùng với người yêu, Bà Simpson, ở nhà một người bạn, gia đình tỷ phú Rothschild, ở gần Vienne, thủ đô nước Autriche (Áo).

Hai người muốn làm lễ cưới ngay tại đó. Nhưng được tin lễ lên ngôi của George VI sẽ cử hành ngày 12 tháng 5, 1937, Quận Công Windsor muốn nán đợi đến sau ngày đó, qua tháng 6, sẽ làm lễ cưới bà Simpson, để được có đông đủ Hoàng-gia tham dự. Nhưng rồi ông lại thất vọng. Hoàng-gia đã quyết định đề cử người em út của Quận Công được Quận - công thương nhất, là Công tước de Kent, đại diện Hoàng-gia đề dự đám cưới. Nhưng chính phủ và Giáo-hội không tán thành, và làm đủ cách để cản trở sự tham gia ấy.

— Ô, sao lạ thế ? Sao tào nhẩn thế ?

— Chính phủ tuyên bố rằng, sự Hoàng-tộc tham dự đám cưới của cựu Hoàng Edouard sẽ làm quảng cáo cho ông, và không có lợi cho tân-vương George VI và Hoàng-

Hậu. Lý do chính trị : nên để cho dân chúng quên cuộc tình duyên lãng-mạn, quá tốt đẹp, của cựu Hoàng và người yêu của ông. Cuốn phim tình sử ấy sẽ làm lép mắt hạnh phúc gia đình đang đoàn tụ vui vẻ của tân vương.

Bà Tú nổi giận phê bình liền :

— Dã man ! Phong-kiến !

— Còn Giáo-Hội thì cho rằng cuộc hôn-nhân đó không theo đúng Luật pháp của Đạo Thiên Chúa. Hồng y Giáo-chủ Gordon Lang ra lệnh cho Triều đình và chính-phủ không được cử đại diện chính thức tham dự lễ cưới. Hơn thế nữa ông cấm tất cả các vị Linh-mục Anh không được làm phép cưới cho quận công Windsor và bà Simpson, bất cứ ở đâu. Nhưng có một vị linh mục nhất định không tuân lệnh ông. Đó là Linh mục Anderson Jardine, cai-quản giáo-đường Saint Paul ở Darlington (Anh quốc) người đã được tiếng là « vị Linh mục của người nghèo. Quận-Công Windsor và bà Simpson định làm lễ cưới ở Lầu-dài Candé ở tỉnh Touraine (Pháp-quốc) ngày 3 tháng 6 năm 1937 Linh mục Anderson được Quận Công Windsor mời sang đây để chủ lễ. Lễ xong, Linh mục trở về Anh liền bị Hồng-y giáo chủ trục xuất ra khỏi giáo hội Anh, và ra lệnh

cấm ông không được hành giáo bất cứ ở nơi nào trên các lãnh thổ của Liên Hiệp Anh. Sau cùng Linh mục phải di-cư sang Huê-Kỳ, với bà vợ của ông, nơi đây hai ông bà sống trong cảnh vật chất gần như khốn-đốn.

— Hiện nay nay cặp vợ chồng Windsor còn yêu nhau như lúc đầu không?

— Các báo Mỹ gọi Quận Công và Nữ Quận Công Windsor là « đôi Roméo và Juliette trứ danh nhất in the world ». Hiện nay Quận công đã 70 tuổi, và 30 mười năm sau cuộc gặp gỡ lịch sử của hai tâm hồn kỳ dị nhất và lãng mạn nhất trên thế giới, đôi loan phụng của Hoàng gia Anh vẫn còn hát say sưa bài ca ái tình ru-dương của buổi ban đầu. Họ ở Paris và mỗi năm họ về nước Anh một lần để thăm lại Quê Hương.

Ngày 3-6-1956, nhân dịp lễ kỷ niệm 20 năm hôn phối, các nhà báo phỏng vấn Quận-công

Windsor, ông không ngần ngại trả lời liền :

— Tôi không tiếc gì cả. Nếu ngày nay tôi phải lựa chọn lại giữa tình yêu và ngại vàng, tôi cũng chọn tình yêu như 20 năm trước.

Bà Tú ném một hòn sỏi xuống giếng nước trong, và nói :

— Em rất phục tình yêu thủy chung như nhứt của những người bị gia đình, tập quán, tôn giáo... hất hủi. Ít nhứt họ cũng chứng tỏ cho loài người thấy rằng họ biết sống đời sống tinh thần cao quý của họ, và họ biết khinh rẻ những cái tầm thường của thế tục, dù cái tầm thường đó tên là « chiếc Ngai Vàng ».

Bỗng dưng, như cao-hứng, bà Tú và ông Tú ôm nhau nằm lăn trên cỏ xanh, hôn nhau say mê...

Trời đã tối, chiếc xe con cóc chở cặp tình nhân của Văn nghệ, chạy cà-từng cà-từng trên đường xa lộ về Sài Gòn...



● ĐA TÌNH THỂ LÀ CÙNG

Ông Juan Belmonte một trong những anh hùng đấu bò của Tây ban Nha, 90 tuổi, làm chủ một nông trại lớn cách Séville 80 cây số, đã uống độc dược quyết sinh vì đôi mắt quá đẹp của một thôn nữ làm công trong trại.

vọng tình chim

Như con chim vào Nam tìm nắng ấm
Rặng rã mười năm tôi biệt Miền Trung.
Ai-Vân ơi, thương nhớ đã không cùng
Đèo quanh quất mây lưng chừng vách núi
Huế kỷ niệm, có người em Thành-Nội
Còn đợi dò Thừa-Phủ ngóng ai xa?
Sông liêu Hương-giang lộng ánh trăng ngà
Đêm Bến-Ngự sầu thơ buồn gác trọ.

Đất Quảng thân yêu, một thời tuổi nhỏ
Mẹ thêm cơm, con thiếu áo, lòng đông
Nà bên sông năm tháng nước xuôi dòng
Vách nửa lung lay tựa nổi, thổi mạnh
Ép lửa sàn khó ngăn chiều bắc lạnh
Chiều chẵn nào xưa nổi rét khuya đông
Bao mồ hôi của mẹ tưới trên đồng
Thân lúa vẫn như thân người thiếu máu..

Buổi tôi về thăm quê hương yêu dấu
Tang-Mùa-Đông lạnh lẽo nước sông Hàn
Ơi Thu-Bôn, Cầm-Lệ, Ơi Trường-Giang
Sông lịch sử lại đi vào thăm sử!

Tôi trở lại với niềm đau cố xứ
Bến sông chiều Vĩnh-Điện hắt hiu mưa
Muốn đi lên nhưng sóng vọng đôi bờ
Nguồn với biển trở thành xa cách quá
Mẹ trên kia giữa ngày đông tháng giá,
Giữa hoang tàn, đổ nát, giữa nguy cơ
Thấy gì đâu, chỉ nút chần, mây mờ
Lòng gọi mãi tên làng xưa : Trung-Phước !

Muôn tạ Huế thăm người em thuở trước
Đèo Ai-Vân đá lấp, nước trôi cầu.
Tôi hỏi mình rất khẽ: ta về đâu?
Và run rẩy: đông này sao lạnh thế!

Không gặp mẹ. Vẫn xa người xứ Huế
Loi lên đường như một cánh chim hoang
Đã mười năm chưa mỗi bước lang thang?
Bước có mỗi chân muốn dừng, chưa được.
Tốt-hiện-hữu phải bèo mây kiếp trước?

TƯỜNG-LINH

CHUYỆN CON TEM

TỪ BONG BÓNG CÁ
ĐẾN CON TEM PHẢI
TRÊN HAI THẾ KỶ

★ Nhi - Dân

MUA con tem, dán vào thư bỏ vào thùng để nó ra đi trên con đường muôn dặm là chuyện không phải ngẫu nhiên... Phải đặt ra nó, và phải mấy thế kỷ mới thành một nề-nếp.

Sai người ta làm « nhận đưa tin » đến cho mình tất nhiên phải trả công, đó là lý căn bản. Do đó có chuyện lạ, là xưa kia, thư gửi đi, người nhận phải trả tiền, người gửi không cần biết tới, lúc đưa thư cho phu trạm, phải nói rõ thư nói gì—và nếu người phu trạm muốn biết gì thêm, không được giấu kín. Sở dĩ có chuyện trái ngược thế vì thời ấy người ta quan niệm, có làm xong việc mới trả tiền—rằng bắt trả tiền trước là « mất dạy ».. và bảo rằng người nhận được những lời thăm viếng, chúc tụng mà lại tiếc tiền không trả vài đồng công là chuyện đáng khinh, đáng ghét...

Cũng có một đạo người ta toan trả tiền trước nhưng lại gặp

chuyện những phu trạm bắt lương-bạc tiền rồi huỷ thư đi, có hỏi, thì nói thư lạc mất...

Thế rồi bàn qua, tính lại, « con tem » vẫn người nhận thư phải trả.

Tuy nhiên, nếu là hợp lý thì cũng có chỗ đáng lo, nhất là đối với các danh nhân thời bấy giờ.

Đại văn hào J. J. Rousseau đã la hoảng : « Đến nước này thì phải sạt nghiệp thôi ! Cả vạn thư gửi đến tôi—mà của ai biết không ? — của những kẻ ăn không ngồi rồi khắp Âu Châu và Pháp, nói những chuyện viển vông vô ích, lại còn bắt tôi phải trả lời nữa... »

Ông Mirabeau kể chuyện Từ tước Avenal đã tuyên bố không đủ tiền nhận các thư từ gửi đến chúc tụng ông vào những ngày đầu Tam-dân nghị hội.

Lệ chung là thế, nhưng cũng có hạng người được hưởng ngoại

CHUYỆN CON TEM

lệ : Đó là mấy ông quan Tòa.

Trên các thùng thư công cộng, có lời yết thị như sau :

« Thư từ bưu kiện gửi các Chương lý Tòa án phải trả tiền trước, vì các ngài không chịu nhận mà phải trả tiền. Nếu không trả tiền trước thư không được Tòa xét thì chịu lấy... »

thứ tổ con tem ngày nay

Người có sáng kiến đầu tiên là Bá tước Vellayer. Ông đã nhận thấy có một số người không đủ sức trả tiền lúc nhận được thư. Nữ công tước Longueville cũng đã thắc mắc tại sao Bưu điện không thu tiền trước ? Tại sao lại buộc người gửi phải khai báo, có khi phải nói ra những bí mật với một người không có quyền được biết ?

Công chúa em ông Hoàng Condé một hôm đưa cho nhà tài chánh Fouquet, một cái bong bóng cá cò và góp ý kiến với ông này nên dán da bong bóng lên giấy đóng chong lên một con dấu của nhà vua để giá « 2 xu », tức giá tiền đi của một phong thư và đem ra bán cho dân chúng. Họ sẽ dùng mảnh giấy này để niêm thư. Ngoài ra, đặt khắp Ba lê nhiều thùng thư để ai cũng có thể xử

dụng mà khỏi bị ai biết mặt hay tìm hiểu nội dung thư như trước. Như thế, quốc gia sẽ thu thêm vào cho công quỹ, và hơn nữa không còn những mối lo âu như lâu nay.

Ý kiến này được Bá tước Vellayer chấp thuận. Cái băng niêm thư ra đời...

Nhưng kiếp sống không được mấy ngày.

hết da bong bóng cá đến con dấu

Cái băng không sống lâu vì nhiều lý do : Trước hết bong bóng tỏa ra mùi khó ngửi. Lê thứ hai là lá thư nằm trong túi anh phu trạm, mất mát hay là bị khai, hoặc chậm trễ v.v. không ai biết đến. Chính ông Henry Bishop, « Tổng giám đốc » Bưu điện thời ông Cromwell ở Anh vào năm 1661 đã nảy ra nhận xét trên. Và lại cũng theo ông, lấy gì làm bằng có là thư có dán cái băng ? Và nếu có thì ngày nào ? Tiếp theo sáng kiến của Bá tước Vellayer, con dấu lại ra đời. Dấu đóng trên mọi bưu kiện; có mang con số ngày bỏ thư vào thùng... Nhờ đó, anh phu trạm không còn dám để chậm trễ nữa. Trách nhiệm của nhà bưu điện đã có ranh giới rõ rệt, thư tín bảo đảm được bí mật,

Người đầu tiên tuyên bố sáng kiến thứ hai này là ông Bishop. Một thời gian người ta cho ông là cha đẻ ra nó nhưng sau đó có người lại nói con dấu đóng vào thư có từ một thế kỷ trước. Một thương gia nọ ở Alep đã viết cho Léonard de Vinci, nhà danh họa Ý, một lá thư ngoài bì có đóng dấu của bưu điện. Truy nguyên người ta mới biết người đặt ra con dấu là một người Thụy Sĩ.

Từ đó, lối dùng dấu được kiện toàn lần mãi cho đến gần ngày Cách mạng Pháp.

● **những bước đầu tiên**

Ở Pháp sau ngày Cách mạng, còn rất nhiều địa phương chưa có phòng bưu điện tiếp phát tờ tin hằng ngày.

Ở thôn quê, hầu hết, mỗi tuần chỉ phát một lần là nhiều. Mãi cho đến năm 1832, mà một hội đồng thành phố nọ ở miền Nam Pháp còn nhận xét: « Phát thư hàng ngày không có lợi ích gì — 8 ngày một lần cũng vừa đủ. »

Tuy nhiên, nền văn minh càng

tiến, xe lửa ra đời mở rộng việc giao thông liên lạc, đi sâu vào các nước và cả các hang cùng ngõ hẻm, đã « thức tỉnh » ngành bưu điện và đưa lần đến việc dùng con tem.

Đảo Sardaigne hẻo lánh của Ý — mỉa mai thay — lại đi tiên phong trong việc dùng tem. Lần đầu tiên ở đây đã phát hành bì thư có in tem mặc dù thời ấy, bì thư chưa được thông dụng.

Nước Ý dựa theo sáng kiến này, đưa ra một loại bưu thiếp do Bưu điện phát hành. Hình tem in trên góc, họa hình một người lính cỡi ngựa, miệng thổi còi. Bên cạnh có giá con tem.

Giá tem lại tùy theo xa gần mà cao thấp chứ không theo nặng nhẹ như ngày nay, từ 15 xu (centisème) đến 25, 50 xu v.v.. Ngoài ra, mỗi lần gửi, đương sự phải chịu thêm một khoản tiền nữa để Bưu điện đóng thêm con dấu chứng nhận lá thư đã chịu tiền chuyển đi.

Đề bảo vệ nguồn thu, vua Victor Emmanuel Đế nhất đã ra một chỉ dụ khá hay:

— Người nào bị bắt quả tang

mang thư không dấu Bưu điện sẽ bị phạt tiền hay bị xử đánh nếu không đủ bằng cứ chứng minh rằng không thể mua được bưu thiếp (Vì nơi ở không bán) và trình đóng dấu tại Bưu điện

— Người nào mang nhiều thư, trong người cũng phải chịu hình phạt ấy.

— Người nào chỉ mang một thư, và lúc bị bắt đủ bằng cứ chứng minh mình chuyển thư giúp cho một người khác vì có việc cần thiết và gấp rút thì được phép đi cho xong việc, nhưng nhà chức trách phải ghi rõ tên tuổi, nơi sinh của người đưa thư cũng như nơi gửi và địa chỉ người nhận thư. Sau đó, Bưu điện phải mở ngay cuộc điều tra.

● **Trung quốc không nhường bước**

Ở Trung quốc, cũng theo chân Ý áp dụng lối « giấy có con niêm » phát hành trên toàn lãnh thổ rộng lớn một loại giấy trắng có in hàng chữ: « Chỉ trả ba đồng (đồng tiền Tàu) lá thư sẽ đi khắp quốc gia — Biên mới đón ngăn được »

Một loại giấy khác màu xanh lại nói:

« Với giá 10 đồng (đồng tiền



Rowland Hill, người đòi cho giới bình dân được quyền sử dụng thư từ với phương pháp giản tiện rẻ tiền

Tàu) lá thư sẽ băng qua biên, vượt hết núi non ».

Tuy nhiên, con tem như ngày nay vẫn chưa ra đời. Vào năm 1811, một công ty hàng hải Ê-cốt dùng những con niêm nhỏ dán lên thư... Theo Gustav Schenk, đây là lối bắt chước theo ông W. Pitt, người đã bắt dân Anh quốc đội mũ phải đóng thuế... bằng cách dán vào mũ một con niêm thuế.

PHONG-THU

Dùng **NEUROTONIC** *Bổ óc Tăng cường trí nhớ*

375 BYT 20-11-65

con tem
ra đời

Người đặt ra con tem trước kia là một người Ê-cốt tên James Chalmers. Ông là một chủ nhà in kiêm tiệm bán sách, vừa chủ trương tờ tuần báo « Dundee Chronicle »

Thời ấy một nhà xuất bản ở Luân Đôn ông Charles Knight, bắt chước theo ông Vellayer, đã dùng những băng có chịu thuế trước

Con tem 1 penny màu đen lịch sử, phát hành năm 1841, một ước mơ của các nhà sưu tập tem thư.



đề gửi báo đi các nơi. Ông Chalmers dựa theo cách này mới đặt ra con tem, vừa thay thế cái băng vừa chịu được thuế mà còn dùng được cho nhiều việc khác ngoài việc gửi báo. Vào ngày tháng tám năm 1834, ông James Chalmers in ra con tem. Tem không có cạnh như ngày nay mà là một hình tròn như con dấu, cắt riêng ra từng con, sau lưng có bôi keo.

Con tem chính thức ra đời.

Mặc dù sáng kiến hay, trong 4 năm trời chính phủ Anh không chịu công nhận. Năm 1838, một người Ê-cốt khác, ông Rowland Hill đã cho ra một cuốn sách nói về việc canh cải ngành Bưu điện đòi hỏi phải có một phương pháp giản tiện rẻ tiền để giới bình dân được quyền sử dụng một việc thư từ, một việc mà lâu nay chưa phổ cập đến họ vì quá đắt.

Nhân ảnh hưởng sâu rộng cuốn sách này, ông Chalmers liền chuyển tới Ủy ban điều tra của bưu điện mấy mẫu tem của ông và đề nghị phát hành ra thị trường, qua các trạm bưu điện thành thị, thôn quê. Ai dùng bao nhiêu cũng được chỉ cần cắt ra từng con, thấm nước miếng dán vào phong thư hay bưu kiện, và bưu điện sẽ dùng con dấu có đề ngày để đóng lên trên đề

Đề nghị của ông được đưa lên thảo luận ở Nghị viện năm 1839, và được chấp nhận. Giá tem thống nhất là 1 penny (tiền Anh) Một cuộc thi được tổ chức để họa Con tem đầu tiên. Người trúng giải, là ông William Wyon với mẫu bằng đồng có hình Nữ hoàng Victoria. Tem 1 penny màu đen, 2 penny màu xanh và sau đó, tem 1 penny màu vàng sậm đỏ—phát hành lần đầu vào năm 1841.

một con tem : 120
ngàn đô-la.

Suốt cả 100 năm, từ ngày con tem đầu tiên ra đời, giới sưu tập tem trên khắp thế giới đều ước ao tìm cho ra con tem 1 penny màu đen lịch sử năm 1841.

Một hôm có bà Gmeiner ở Carinthie (Áo) loan báo bà có một lá thư đề ngày 20-2-1839, có con tem—không phải con tem quý giá kia, mà là của Áo, giá 1 kreutzer (tiền Áo quốc). Lá thư của bà Egarter, vợ ông « chủ sự » bưu điện ở Spittal (Carinthie) gửi cho con gái, nàng Konstanzia.

Con tem này là do sáng kiến riêng của chồng bà... Ông dán lên thư một thứ con niêm chứng tỏ thư có trả tiền và đóng lên bằng một con dấu.

Con tem này khá đẹp. Con số 1 màu đen nằm trên nền có sọc màu rỉ sắt đục, và một chữ thập có 2 chữ O P tức Bưu điện Áo quốc bằng màu da đen. Tem này không những là xưa nhất, và khuôn khổ mẫu mực nó còn truyền lại đến ngày nay mà còn là một tác phẩm khá tinh vi về kỹ thuật khắc hình trong khoảng từ đầu thế kỷ 19.

Hơn thế nữa, lại in bằng 3 màu, nét tinh tế, đã chứng tỏ tài bộ và óc thẩm mỹ của nhà khắc hình vô danh đã làm ra nó đầu tiên.

Có lẽ ngày nay chỉ còn con tem này thôi. Người chị cô Konstanzia cũng có nhận một lá thư thứ hai của em làm việc tại Bưu điện Spittal cho biết sáng kiến của cha không được chính phủ thừa nhận, nhưng tiếc thay phong bì của lá thư lạc mất nên không biết con tem của Bưu điện, thay thế tem

PHONG-PHÉ

Đúng **NEUROTONIC** *BỔ ỨC*
Làm cường trí nhớ

575 BYT 20-11-65

của ông chủ sự ra thế nào, đẹp hay xấu hơn. Chỉ riêng con tem đầu tiên còn giữ lại rất kín đáo suốt một thế kỷ và về sau lưu lạc thế nào lại lọt vào tay bà Gmeiner.

Tiếng đồn vọng ra các nơi. Có người trả giá đến 120.000 đô-la nhưng Chính phủ Áo quốc cho là Công sản quốc gia nên đã giành mua được.

Tem của Chalmers, phát hành chậm đến 2 năm sau không thể gọi là con tem đầu tiên được, nhưng nếu xét sâu hơn, ông Egarter (Áo) cũng chưa có thể là

★ BÉ CÁI LẪM

Nhân một cuộc tập trận, tướng Patton giận ai không biết, xách xe Jeep chạy như giông trên bãi sa-mạc Californie.

Thình lình ông thẳng gặp bên một cột giầy thép, và trên đầu cột một người đang cặm-cụi sửa giầy.

— Hãy trụt mau xuống, Patton hét lớn.

Chàng thanh-niên nhìn ông Tướng trong bộ võ-phục uy-nghi và trả lời:

— Thưa, tôi đang bận sửa giầy...

— Tôi ra lệnh cho anh hãy trụt xuống!

Chàng thanh-niên ngo-ngát chẳng hiểu ất-giáp gì, phát trụt xuống, đến trước mặt vị thượng-quan và quỳ cả cái chào căn bản.

Tướng Patton càng tức giận nổi gân xanh ở cổ, dẫn từng tiếng:

— Đầu anh không nón, cổ anh không cà-vạt, sơ-mi anh nhăn nhó, quần anh cuốn lại như cái mỡ nút chai. Anh là một sự nhục nhã cho quân-đội. Tôi cho anh rũ tù cho anh biết tay... Vậy tên anh là gì? và đại-đội anh? Patton vừa nói vừa rút cuốn sổ tay ở túi trên ra.

Chàng thanh-niên bị cự, không tỏ vẻ sợ hãi, bình tĩnh trả lời:

— Thưa Đại-Tướng, tôi tên là Joe Johnson. Tôi thuộc về Đại-đội của Công-ty Điện-Thoại ở Californie. Vậy bây giờ xin Đại-Tướng đi lừng lình của Đại-Tướng mà phạt.

Patton càng tức giận xám cả mặt, nhảy lên xe và chạy như bay trên sa-mạc Californie.

người có sáng kiến đặt ra con tem trước tiên. Có lẽ ông đã bắt chước sáng kiến của Lorenz Koschier (Nam tư) người đã đề nghị với Chính phủ Áo vào năm 1836 (tức 6 năm trước Chalmers) cách dùng tem để gửi thư. Một lẽ thứ hai, tem của ông Egarter chỉ có ra một con 1 Kreutzer rồi chết. Chính phủ Áo quốc bác bỏ tem của Egarter nhưng không thấy đưa loại tem nào ra cụ thể thay thế.

Do đó, có thể công nhận anh chàng Ê-cốt Chalmers là thủy tổ con tem ngày nay.

(còn một kỳ nữa)

MỘT TÀI LIỆU LỊCH SỬ
LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC RỜI
PHỦ CHỨA CỦA QUỐC-CHỨA
NGUYỄN PHÚC CHU (1691-1725)

CHỨA CHU RỜI PHỦ

★ Dương Xuân Nguyên

BẦY giờ đã mấy ai nghĩ đến làng Bíc-Vọng, một làng nằm cạnh sông Bồ thuộc xã Quảng-phú, quận Quảng-Điền, tỉnh Thừa-Thiên, mà ngày nay đã được chia ra làm hai giáp Đông, Tây vì diện tích khá rộng của làng này. Nhưng xưa kia, cách đây hơn 250 năm, một sự-kiện lịch-sử khá quan-trọng của nước nhà đã diễn-biến trên phần đất này mà chẳng hề được các sử-gia ghi chép rành mạch. Từ ngày hưng-thịnh đến phút suy-vong của triều-đại vua chúa xa xưa đã để lại những gì trên mảnh đất làng quê-khách này hình như cũng chẳng lưu lại được gì trong lòng người dân Việt khi mà đất nước thuở ấy cũng đắm chìm trong thảm-

cảnh qua-phân, Bắc, Nam ly-tán. Có còn lưu lại chẳng là một vài di-tích mang lấy danh từ lịch-sử khá rõ-rệt, đủ để chứng minh sự-kiện này, mà ngày nay dân làng cũng xem như quá quen thuộc nên chẳng buồn đề ý mà cũng chẳng có dư thì giờ đâu để mà tìm hiểu. Năm tháng chồng-chất lên nhau, những danh từ « Ao Phủ, Mộ sủng, Ba trại, Tàu tượng, Miếu Bến Đồn... » ở làng này, đã biến thành những địa-danh thường như trăm ngàn địa-danh khác.

Trong một tài liệu lịch-sử đặc-biệt (Thần-Chung xuân Nhâm-Thìn) có ghi như sau :

« Quốc-chúa Nguyễn-phúc-Chu (nhằm đời thứ 7 của nhà Nguyễn).

CHÚA CHU RỜI PHỦ

nổi nghiệp Chúa từ năm 1691 đến năm 1725. Trong năm Nhâm-Thìn (1712) có hai việc quan trọng nhất là việc dời Phủ Chúa và dời ấn Tông-trấn.

Việc dời Phủ Chúa

Đời Chúa trước tức là Chúa Nguyễn-phúc-Trần (1687—1691) dời Phủ Chúa về làng Phú-Xuân, tức Huế ngày nay. Khi Chúa Nguyễn-phúc-Chu lên kế nghiệp vẫn đóng tại Phú-Xuân, sửa sang Phủ Chúa lại rộng lớn hơn trước.

Nhưng đến năm Nhâm-Thìn (1712) Chúa Nguyễn lại hạ lệnh dời Phủ Chúa ra làng Bác-Vọng, thuộc huyện Quảng-Điền, Thừa-Thiên.

Vì sao có sự dời Phủ Chúa như thế? Chánh sử không thấy nói. Còn theo tài liệu ngoại sử, sở dĩ Phủ Chúa dời ra Bác-vọng vì Phủ ở Phú-Xuân thường hay bị lụt. Mấy năm trước nước sông Hương dâng to, sự đi lại khó-khăn. Muốn tránh nạn lụt ngập nên Chúa Chu cho dời tạm dinh thự ra làng Bác-Vọng.

Lại có truyền thuyết cho biết chúa Nguyễn-phúc-Chu rất sùng bái đạo Phật, thích địa lý, nên nhờ một vị Hòa thượng giỏi khoa địa-lý xem một chỗ đất đóng đô tốt hơn Hòa thượng xem được làng Bác-vọng nên chúa Nguyễn mới dời Phủ Chúa về đó. Việc này không có tài liệu nào khác nữa, chỉ là câu chuyện truyền khẩu, không lấy gì chứng chắc. >

Hiện nay, vùng đất lịch sử này chẳng còn để lại dấu vết gì ngoài các danh từ đã nêu trên. Nhưng các mô sùng, miếu Bến Đồn thì hãy còn. Đặc biệt là ngôi miếu nay thuộc địa phận làng Hạ-Lang giáp ranh làng Bác-vọng. Miếu nằm ngay cái bến sông, theo khẩu truyền xưa kia cạnh bến này có đồn quân của Chúa Nguyễn đóng nên được gọi là Bến Đồn, và Miếu Bến Đồn cũng do đấy mà có tên

Sự tích Miếu Bến Đồn

Theo truyền thuyết thì sau khi chọn Bác-vọng làm nơi thiên đô, của triều Chúa Nguyễn phúc Chu, vị Hòa thượng giỏi khoa địa lý

CHÚA CHU RỜI PHỦ

đã đề nghị với Chúa Nguyễn lập nhiều ngôi miếu chung quanh vùng đóng đô để hộ trì phủ Chúa được yên ổn. Tại làng Hạ Lang, thuộc xã Quảng phú, quận Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên, giáp ranh làng Bác vọng, hiện nay còn hai ngôi miếu lịch sử ấy. Một ngôi gọi là miếu Bến Đồn ở về phía Tây nam làng Bác-vọng, hướng mặt về Nam, Miếu này thờ vị Thiên-y A-Na Thánh mẫu hình như đề làm vị Thần hộ mạng cho chúa tộc được bình an sức khỏe. Trong miếu có thờ thần-vị khắc chạm theo lối cổ, sơn son thếp vàng. Một ngôi khác gọi là

miếu Bà Vãi ở về phía Tây-Bắc làng Bác-vọng, quay mặt về hướng Bắc. Phía trước có hồ bán nguyệt. Trong miếu có bài vị thờ đức Tây-cung giao-trì vương-mẫu, ở đó có một bà vãi ở hương khói, nên tục gọi là Miếu Bà Vãi.

Ngày nay dân làng Hạ Lang vẫn bảo-tồn hai ngôi miếu này. Họ vẫn hương khói thường xuyên và hằng năm có tế lễ. Nhưng khi có người khách lạ đến hỏi họ miếu này là miếu gì và thờ ai, thì họ chỉ biết trả lời rằng «miếu của làng để thờ thần linh».



* KỶ PHÙNG ĐỊCH THỦ

Một nữ minh tinh tâm sự với anh chàng phụ trách ánh sáng, khi sắp sửa quay phim:

— Từ ngày tôi biết thể nào là ái tình, tôi không muốn lấy chồng nữa.

— Y như tôi. Từ ngày tôi biết uống rượu, tôi không còn thấy khát là sao cả.

PHONG-PHÚ

Đông **NEUROTONIC** **BỔ ỨC**
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 28-11-69

PHONG-PHÚ

Đông **NEUROTONIC** **BỔ ỨC**
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 28-11-69

khoảng tối

MAC THE NHÂN (Nha Trang)

Bơ-vơ trong khoảng tối
Trời không một ánh sao
Đường đi trăm, vạn lối
Tôi đang bước ngã nào

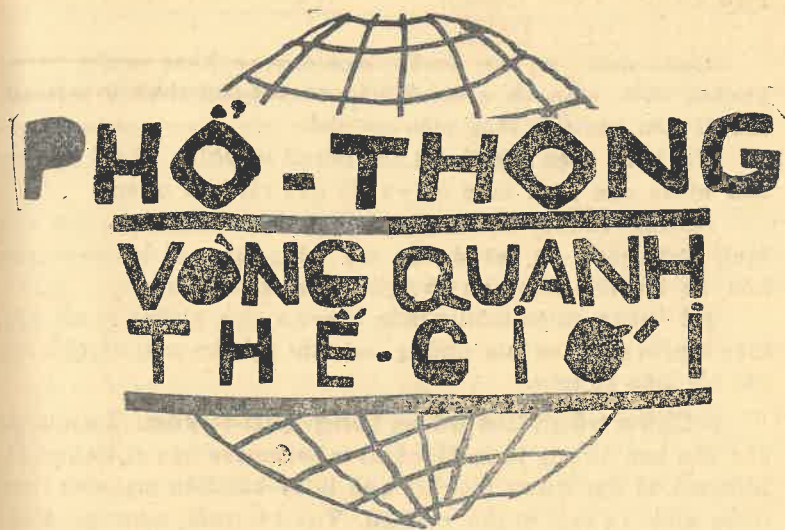
Ở đây không phương hướng
Không có đích đũa chân
Đã nhiều lần tôi bước
Nhưng sao vẫn ngại ngần

Đã nhiều lần tôi thét
Cho tiếng nói lảng-lảng
Có ai hay, ai biết
Cùng tôi một bước chân

Rồi đêm vẫn là đêm
Vời cô-đơn sầu-mộng
Tâm-hồn tôi ghi thêm
Một bước đi vì « Sống »

Tôi sẽ dọn con đường
Cho người sau khỏi lạc
Giữa rừng hoang bát-ngát
Đường đi sẽ độc phương

Cho người sau khỏi lạc
Như đêm tối hôm nay,
Tôi đi tìm ánh sáng
Lạc bước lạnh vai gầy !



✱ HOA KỲ : S. O. S. nhân loại sẽ sỏi đầu hết
trội vào khoảng hai thế kỷ tới đây. — Bác sĩ James
W. Burks, một chuyên viên về các chứng bệnh ngoài da ở
Memphis vừa tuyên bố là hầu hết nhân loại sẽ bị sỏi đầu đến
nhấn trơn không còn sợi tóc nào cả trong thời gian không
đầy một hoặc hai thế kỷ tới đây.

James W. Burks cũng cho biết chứng sỏi đầu là một chứng
gia truyền và có thể giải thích được nguyên nhân là do ngày
nay tóc chỉ có giá trị hoàn toàn « trang trí » đến không ích lợi
gì cho con người nữa.

Cũng trong « khuôn khổ » chứng sỏi đầu, một hãng sản
xuất dược phẩm Hoa-Kỳ vừa tuyên bố đã thảo hoạch được
những kết quả hoàn toàn tốt trong việc điều trị một vài
chứng sỏi đầu đặc-biệt do bệnh hoạn gây ra. Đây là một chất
kích thích tổ có tên là *dichlorisone*. Thuốc đã từng được thí
nghiệm cho những người lông tóc rụng hết sau thời kỳ bệnh
hoạn, cả cho những người rụng từng mảng tóc trên đầu.

Cuộc điều trị với thuốc *dichlorisone* hàng ngày trong khoảng thời gian từ 4 tới 6 tuần có thể làm cho tóc mọc lại, sau đó dần các thứ lông trên cơ thể.

Tại bệnh viện Jewish ở Long Island người ta đã thí nghiệm cho nhiều con bệnh nam nữ và kết quả rất khả quan.

Nhưng thuốc *dichlorisone* cũng có vài bất tiện: làm cho bệnh nhân thèm ăn, và do đó lên cân, làm rối bộ phận tiêu hóa, có khi làm mất ngủ và ngứa ngáy khó chịu.

Để hoàn thiện môn « thần dược » cho những vị sỏi đầu, hiện người ta đang làm những cuộc thí nghiệm mới để chế ngự các bất tiện kể trên.

★ **Chữa bệnh lùn bằng từng-quả-tuyển.** Tại trường của Đại học đường John Hopkins ở Baltimore bác sĩ Robert M. Blizzard đã đạt được một kết quả lạ kỳ khi điều trị cho một thiếu niên 14 tuổi bị lùn từ nhỏ. Tuy 14 tuổi, nhưng thiếu niên kia mới chỉ cao bằng một bé con 8 tuổi. Cách đây hai năm, cuộc điều trị bắt đầu. Thiếu niên lùn được chích những chất kích thích tố lấy ở từng-quả-tuyển người chết.

Người ta ước chừng thiếu niên nọ có thể cao tới 1th,50 trong khi nếu không được điều trị, cậu ta chỉ có thể cao tối đa là 1th,20 mà thôi!

Cũng điều trị với chất kích thích tố nói trên, một cậu bé 7 tuổi chỉ cao 76 phân đã cao thêm được 19 phân sau 15 tháng điều trị. Hiện có 13 trẻ em Mỹ khác đang được « thí nghiệm ». Chương trình này được đặt dưới sự bảo trợ của Viện Quốc gia chuyên trị các bệnh biến hình Mỹ, do bác sĩ Blizzard điều khiển.

Theo bác sĩ Blizzard, điểm khó khăn nhất trong việc chữa bệnh lùn là số « cung » từng-quả-tuyển không thể đáp ứng nổi số « cầu ». Mỗi trẻ em điều trị bệnh lùn phải cần từ 200 đến 300 từng-quả-tuyển, nhưng không thể có hoài hoài được. Người ta cũng không thể dùng từng-quả-tuyển của loài vật vì không hiệu nghiệm. Các nhà bác học vẫn chưa chế hóa được các kích thích tố cùng loại.

Để có sẵn từng-quả-tuyển điều trị các bệnh nhân lùn người ta đã thiết lập một ngân hàng từng-quả-tuyển để xin các thân nhân người mới chết cho phép mổ lấy từng-quả-tuyển của người quá cố để dành sẵn cho việc điều trị bệnh lùn.

★ « **Vải** » hút dưỡng khí— Nếu một người được thả xuống biển trong một cái thùng cao 2th, rộng 1,th50 làm bằng chất *Silicone*, người đó thể có đủ khí trời để thở và nước ngọt để uống nhờ chất silicone đó và sống mãi mãi!

Bác sĩ Walter L. Robbs, một chuyên gia tại Trung tâm nghiên cứu Điện học Hoa Kỳ, đã tuyên bố như trên.

Phát minh của Walter L. Robbs là chất Silicone, một chất giống như những miếng plastic hoặc phim ảnh. Nó là một thứ vải trong như kính, được lấy ra từ tinh chất của cao su, có đặc tính hút dưỡng khí ở trong nước mà không cho nước thấm qua.

Trong thùng Silicone, dưỡng khí cho đọng lại thành nước ngọt.

Trong cuộc họp báo mới đây, bác sĩ Robbs đã trình bày trước cử tọa một cái hộp bằng chất Silicone trong đựng một con chuột bạch, thả trong một bồn nước có cá vàng. Chất Silicone trong suốt cho cử tọa thấy rõ chuột sông bình yên trong đó sau nhiều giờ ngâm trong bồn cá.

Những cuộc thám hiểm đáy biển, sẽ được giúp ích rất nhiều nhờ phát minh này.

Hiện bác sĩ Robbs đang tiếp tục nghiên cứu việc áp dụng chất Silicone trong việc kiến tạo tiềm thủy đình, để tiềm thủy đình có thể rút ngay dưỡng khí trong nước biển vào tàu để nuôi sống các thủy thủ, khỏi phải nổi lên để hút dưỡng khí nữa!

Cuộc nghiên cứu khác cũng được mở ra để áp dụng chất Silicone trong bệnh viện: làm lồng nuôi hài nhi thiếu tháng, nuôi các bệnh nhân cần dưỡng khí, các bệnh nhân truyền nhiễm.

● **ĐỨC : tai nạn xe hơi do cái bàn thắng.** —

Một bác học Đức đã quả quyết rằng tai nạn xe hơi xảy ra là do cái... bàn thắng ! Ông là một giáo sư một trường chuyên nghiệp ở Berlin đã dùng nhiều hình và phim ảnh để chứng minh nhiều tai nạn xe cộ xảy ra là do quan niệm sai lạc trong cách mắc bàn đạp hơi và bàn đạp thắng trên các xe hơi.

Theo ông, tài xế đã phải xử dụng chân trái cách khác thường làm khi muốn bước nhanh hoặc ngừng lại khi đi bộ.

Còn một nhận xét nữa, như sau : Muốn thắng xe lại người lái xe phải di chuyển chân phải từ bàn đạp hơi sang bàn đạp thắng. Như vậy, phải mất nửa giây, tương đương với một đoạn đường dài 14th nếu xe đang chạy với tốc độ 100 cây số/giờ. Còn phải cộng thêm « một giây hoảng hốt », trong khi đó những phản ứng tự nhiên của con người đều bị hủy bỏ.

Vi vậy, theo bác sĩ Everding, chúng ta cần phải tìm một giải pháp cho hợp với phản ứng tự nhiên của con người. Ông đề nghị thay các bàn đạp cũ bằng một loại bàn đạp khác có bánh xe chạy bằng bi.

Người lái xe đặt chân lên bàn đạp đó, co về phía sau là thắng, và đẩy về phía trước là nhấn thêm hơi cho xe phóng nhanh lên. Với loại bàn đạp này, chân người lái xe sẽ có những cử động tương tự khi đi bộ, và nhờ vậy, theo Everding, có thể làm giảm bớt những tai nạn.

● **ANH : « Sherlock Holmes » bằng..sắt !** — Sở Scotland Yard vừa tậu một cái máy điện tử trị giá 1 triệu rưỡi quan đặt tên là « Sherlock Holmes » để dùng vào việc điều tra kẻ gian. Nhà « thám tử máy » này có thể ghi nhớ bằng ghi đặc điểm của hàng trăm ngàn phạm nhân hiện đã được Cảnh sát biết tên, biết mặt.

Khi có vụ phạm pháp xảy ra, hình dáng và hành động của các thủ phạm lập tức được trao cho « Sherlock Holmes ». Và chỉ một lát sau nhà Thám tử máy của chúng ta gọi ngay được tên thủ phạm trúng boong.

Tuy thế « Sherlock Holmes » vẫn chưa thể tìm kiếm và phân

tách đầu tay can phạm. Các kỹ.sư điện tử đang tìm cách bỏ khuyêt cho « Sherlock Holmes » yêu diêm này.

● **Ngân hàng của phái đẹp** Một ông chủ ngân hàng người B.Cốt đã sáng kiến mở tại khu phố thương mại sầm uất nhất Edimbourg một chi nhánh ngân hàng.. dành riêng cho phụ nữ.

Tường sơn màu kem, thảm dày gắn chặt xuống nền nhà, âm nhạc nhẹ dịu, ánh sáng mờ ảo, ghế bọc nhung xanh. Ông Alexander David, người chủ ngân hàng giàu sáng kiến ấy đã thành công ngoài sức mong đợi. Các nữ thân chủ của ông ta đều đông như kiến, vì ngoài những tiện nghi, họ còn được tự do « ngồi lê đôi mách » bên một ly cà phê mà khỏi phải trả tiền.



* **MỘT ÔNG SÀNH ĐIỀU**

Hội họp xong, anh em ngồi tán dóc. Đề tài chính : « Ái tình Ông Adrien Hébrard 68 tuổi, nói :

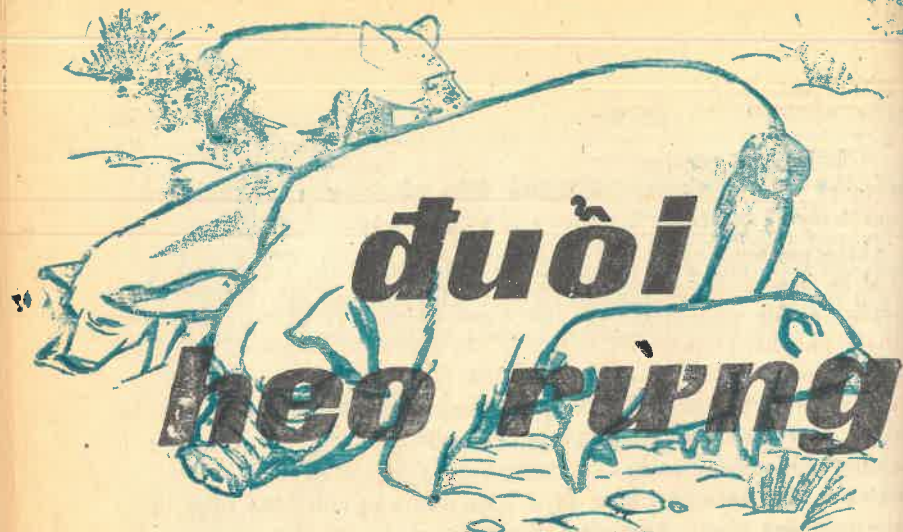
— Tôi biết ba cách yêu một người đàn bà : trước hết vượt qua họ, rồi đến hôn họ... Còn cách thứ ba nhưng... nhưng tôi quên mất.

* **VỐ VẦN**

— Đây ! anh trông thấy chưa ? Tro của anh tôi..

— Trời ơi ! ông ta chết rồi sao ? Và sao lại hỏa thiêu !

— Không phải đâu. Anh ấy nhất như lợn ấy, không đi lấy được cái gạt tàn thuốc.



Hoàng Tân A

MỖI năm vào tháng một, tháng chạp heo rừng thường về phá nương rẫy. Tháng này khoai sắn đã có củ. Nếu để sơ hở một đêm thì nương sắn tan tành vì đàn vô lại kia xúi trốc hết cây và ăn củ. Heo rừng thích ăn sắn lắm! Một đêm heo rừng đến hàng trăm con chứ không phải ít.

Miền rừng này, người ta trồng trọt mỗi người mỗi rẫy quanh quần dưới sườn núi. Người ta trồng trong cái rẫy chừng hai, ba sào ấy nào khoai, sắn, nào ớt, thuốc lá rau rán. Đời sống dân miền rừng chỉ trông cậy vào ngần thứ ấy. Heo phá đi, đời sống họ thiếu thốn chật vật. Thành thử mỗi đêm dân

làng chia ra từng toán, canh giữ heo rừng, để bảo vệ đời sống.

Heo rừng hung bạo vô cùng. Mười người chưa chắc đánh chết. Chỉ có biện pháp tốt nhất là đào hầm thật sâu để bẫy. Rồi dùng dao mác đâm chết.

Nương rẫy thường ăn giữa một rừng cây, đường vào là một lối nhỏ được khai quang. Heo không bao giờ đi trên đường. Nó lủi trong bụi, gai gốc. Heo rừng thường đi từng đàn. Chủ vườn đào vài cái hầm thật sâu chừng ba thước quanh rẫy. Miệng hầm lót tấm màn có rải lá. Hầm bao giờ cũng ở cạnh chỗ rậm rịt nhiều lá cỏ.

ĐUỔI HEO RỪNG

Dân làng chỉ việc đợi heo trong rừng ra để ví sao cho nó chạy quanh rẫy để sập hầm.

Hôm nay trời tối như mực. Anh Lại ăn cơm xong, quần một điều thuốc lá nằm ngửa trên phản hút thuốc phi phi. Hôm nay Anh theo đoán xóm Thượng. Anh đã dò xét kỹ, sẽ có Sim trong đoàn này. Anh cười thầm và tưởng tượng những hình ảnh mờ ảo kéo đến trí óc anh một cách lộn xộn. Mọi chuyện chẳng ra sao. Không có ý nghĩ gì ngoài sự lao lung của tưởng tượng. Lại cười, nhắm mắt sung sướng. Vâng, Sim đẹp mặn mà. Anh đã thấy các thiếu nữ dưới tỉnh. Họ đẹp, nhưng có cái gì giả tạo. Sim có duyên một cách tự nhiên. Có lẽ bây giờ Sim đang rửa chén bát. Phèn la, mớ đồ dòn ở nhà Hội chủ xóm Thượng. Bây giờ nghỉ chút đã, Sim chưa đi đâu. Lại nghĩ nên đi chậm nhất. Khi tiếng mõ kết thúc.

Đường đến nhà xóm Thượng quanh quanh chân đồi nên đường nghiêng nghiêng. Lại đi với cái thân xiêu xiêu về phía tay phải. Nhờ quen đường, nên Lại đi không nhìn trước nhìn sau. Đêm

rừng u tịch. Buồn bã. Xa, thú rừng rống lên từng hồi như muốn xé tan màn đêm. Các loài côn trùng cùng tấu lên bản trường ca bi ai bất tận. Ánh mắt của Lại qua màn đêm không có gì thay đổi. Lại cố giữ tâm trí yên tĩnh để nhận thức rõ ràng ý nghĩa của tiếng vang. Mỗi âm thanh đối với Lại là cả một bài ca xưng tụng ái tình. Tất cả đều có ý nghĩa đối với tâm trạng của Lại. Hoặc buồn hoặc vui, những trạng thái xúc cảm ảnh hưởng đến tâm tư chan chứa tình yêu của Lại. Nghĩ đến ngày mai, Lại mỉm cười tin rằng sẽ đẹp. Tuy không biết nó đẹp như thế nào!

- Ăn chi mà ăn dữ vậy?
- Mặc trết với «O» nào rồi đó!
- Đi một mình không buồn sao?

Anh Lại mỉm cười không trả lời nhiều câu hỏi xô bồ như vậy. Anh hạnh diện về nụ cười duyên của mình. Thấy Lại làm rave nghiêm cả sân người rộ lên cho anh làm bộ. Thật ra anh đảo mắt tìm Sim có không. Thấy Sim đứng khuất bên cây bưởi, dưới ánh trăng lù mù, Lại mỉm cười lần nữa, sung sướng. Nhà ông Hội chủ làm toàn

MANG

NEUROTONIC

BỘ OC
Tăng cường trí não

575 ĐYT 20 11-63

gỗ mít. Ngôi nhà đẹp có tiếng. Mọi người đi đuổi heo hôm nay rồi làm ba khóm nói chuyện nhảm. Khóm phụ nữ, khóm thanh niên khóm đứng tuổi; tất cả gần hai mươi. Ông Hội chủ ngồi vắt chân chữ ngũ, hút thuốc nhìn trăng. Đôi mắt ông mơ màng. Ông dang háng và nói trong họng vì miệng bận ngâm điếu thuốc.

-- Hôm nay quyết đòi lão tướng trong Khe Nu. Ôi! được, ăn không hết đâu mấy chú.

Tất cả trả lời bằng tiếng cười. Có nhẹ thôi, hương hoa rừng thơm ngào ngạt. Lá bưởi rơi là đà. Sim trong bộ bà ba đen, ngược mắt nhìn trời không nói. Nàng biết Lại đang nhìn mình. Nàng cảm thấy cái gì chạy rần rần trong người Sim nhận thấy một ý tưởng hay bay thoáng qua trong trí. Hãy tiến về chỗ Lại đi. Nhưng Sim cho rằng như vậy thiên hạ dèm pha. Trong phút giao động tâm tư, Sim nhận chân bốn phận con gái của mình (Có thể là bốn phận không nhỉ?)

Trăng sáng dần, màu lá bạc úp hơi sương. Ông Hội chủ

đánh một hồi mõ báo hiệu giờ khởi hành.

Đoàn người thấp thoáng men theo đường mòn tiến vào các rẫy bên sườn đồi. Nhờ có cảm quan đặc biệt, họ đi không ngập ngừng mặc dù đường hư hỏng và hai bên cây rậm, tối mù mịt.

Dây rẫy mà đoàn xóm Thượng canh phòng, đuổi heo năm sát một mảng ruộng lúa. Cây cối không cao thành thử ánh trăng xuyên qua, chiếu sáng mờ mờ xuống cảnh vật. Đoàn người ngồi rải rác ba người một, im lặng. Giữa cảnh trời cao rộng, rừng núi hoang vu, con người cảm thấy thân phận nhỏ bé của mình. Vì vậy bao giờ mỗi người đều cần đến một an ủi riêng, một hình ảnh của nội tâm để sống. Những kẻ yêu nhau nhận thấy rằng, chính lúc này họ cần nhau. Tâm trạng của Lại và Sim trải qua một biến động. Muốn đến gần nhau nhưng một sức mạnh nào đó ngăn cản họ. — Hình như, Lại nghĩ, có một cái gì ghì chặt anh xuống bùn cơ. anh đưa tay phát mấy cái vào đùi như trả thù. Lại ngồi với hai thiếu niên. Sim ngồi với hai thiếu

nữ khác bên khóm sim già. Họ cách nhau chừng hai mươi thước.

Trong lúc mọi người triển miên theo ý nghĩ riêng. Có thể là cảnh lúa chiêm chín vàng. Có thể nghĩ đến người vợ ru con ở nhà. Có thể nghĩ đến đứa con của mình đang xông pha ngoài chiến địa..

Bỗng có tiếng bác Phò: Heo! heo! Đuôi! đuôi!

Cả đoàn dồn về phía bác. Lại cảm gậy nhảy phóc dậy, không chạy. Hai chú nhỏ cùng ngồi cũng vậy. Lại giương mắt nhìn quanh. Một con heo lù lù rẽ chùm cây chỗi chung ra. Lại kêu giạt: «Này Sim! Này Chua! Đây này! Heo! heo!» Sim nghe rõ tiếng Lại kêu chạy lùi về phía ấy. Lại dục: Chạy theo tôi! Heo đây này». Lại cảm gậy đập không vào bụi cây chạy theo con vô lại. Sim tiến gần đến: «Heo đâu anh Lại?» — «Đằng kia kia» Lại vừa nói vừa chỉ xuống lùm lau thẳm thấp. Cả hai cùng chạy dưới màn đêm. Họ chạy theo con vật khốn nạn. Không kể những cây, gai, dây chằng bước chân, họ chạy bắt kê đường lối. Con heo đằng trước là đối tượng duy nhất. Là kẻ chỉ đường! Hay kẻ

lạc đường là chính hẳn, Sim không biết gì hơn ngoài việc chạy theo Lại. Họ nhảy ra tảng đá, vấp vào rễ cỏ thụ, vượt qua con suối nhỏ đến đó con vật nhảy ủa biến dạng. Lại, Sim tiếp tục chạy, theo chỗ nào rớt át, là chỗ con vô lại đã tuôn qua. Cả hai cúi đầu lên qua một lùm cây mây, Áo Lại rách vì gai mây. Sim bò theo sát Lại. Trước mắt họ là một cái rẫy, mọi vật ngủ yên. Bước tới mấy bước., đánh xịch một cái. Cả Lại lẫn Sim, thế con heo, rớt xuống hầm: Bức màn che gãy, lá, đất mùn rớt xuống phủ lấy hai người. Ánh trăng mờ mờ xuyên qua nhánh cây chiếu xuống hầm. Đôi trai gái cách nhau gang tấc nằm co quắp. Sim nằm như con cuốn chiếu. Trên đầu nàng lá lấp đầy. Thấy vậy tưởng đó là một vòng trồng khoai ủ lá.

Lại tỉnh trước, cảm thấy đau nhiều xương xóc gãy hết, nói thầm một mình: «May quá». Người ta bất cứ gặp một rủi ro nào thường kêu lên «May quá» như tự an ủi. Lại cố ngồi dậy, không được, mỏi và đau khắp cả người. Lại chưa thấy được Sim.

PHONG-PHÚ

Đường **NEUROTONIC** **BỔ ỨC**
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-65

PHONG-PHÚ

Đường **NEUROTONIC** **BỔ ỨC**
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-65

nằm sau lưng mình. Con mắt Lại có đom đóm mà dưới hăm mù mịt. Ngược mắt nhìn lên, trăng mờ phảng phất rung rinh. Tấm mành dậy hăm không sụp, đó là điều may mà Lại nhận thấy đầu tiên.

Có tiếng thở dồn dập, Lại co chân choài mình quay cõ nện lui. Sim mắt lim dim. Lại cầm tay Sim lay mạnh. Sim từ từ mở mắt, la rú khóc òa. Một cái gì ón lạnh chạy qua trí óc Lại chạy xuống xương sống truyền ra tứ chi. Lại run sợ.



AN MÀY MANG HUY CHƯƠNG

Một chú ăn mày thường theo dõi một thực khách nọ tại một tiệm ăn sang ở Ba lê. Ông này lúc nào cũng đeo trên ngực một bội tinh vào hạng khá. Anh chàng liền mua một bội tinh đồng loại ghim lên ngực và một hôm bước vào :

— Thưa ông bạn, chúng ta đều được quốc gia tưởng thưởng như nhau... nhưng không lẽ cũng như ông mà tôi lại ngửa tay xin ông miếng bánh thì nghe nó ngược ngược khó chịu làm sao ấy...

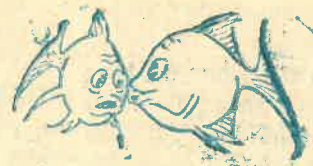
Tất nhiên ông kia không thể làm nợ được... « Ông bạn quý » được ăn bữa no say và nhận chút tiền « xe pháo » khá lớn.

Rồi đây ăn nói làm sao với xóm làng. Sim chỉ biết khóc. Lại không nói gì với Sim cả. Dưới hăm tối om. Lại ngồi nghiêng nghiêng chống tay mặt xuống đất. Sim nằm co thút thít. Ánh trăng mờ đục chập chờn. Xa xa có tiếng mõ gọi về...

Ngày mai, đoàn xóm mừng heo sập hăm. Không ngờ, họ phải vót đôi trai gái yêu nhau từ lâu...



CÁ



THÁNG TƯ

* Trần-Việt-Quang

ĐỒI với người Đấp danh từ Poisson d'Avril đã trở thành thông dụng từ một bậc trí thức đến những người bình dân, từ một tín đồ của Thiên Chúa giáo tới một người ngoại đạo, ai ai cũng đều có thể hiểu một cách khái quát hai chữ Poisson d'Avril dùng để chỉ những trò vui cười, thường dùng trong ngày mồng một tháng tư. Họ hay phao lên một tin vịt hoặc bịa đặt ra một câu chuyện động trời, bố trí, sắp đặt cho có vẻ là một sự thật, để lừa phỉnh nhau, mua vui trong ngày đầu năm kỷ nguyên cũ.

Chắc có nhiều bạn muốn biết thêm : Tại sao lại có thành ngữ Poisson d'Avril ? Xuất xứ của danh từ này đã dựa theo những

phong tục tập quán của người dân nhiều miền khác nhau trên đất Pháp.

Những người dân chài dọc theo bờ Manche, Địa-trung-Hải và Đại-tây-Dương có liên tưởng đến nghề nghiệp chài lưới khi giải thích do lai của thành ngữ « Cá tháng Tư ». Họ nhận thấy rằng ở một vài địa phương mùa cá vẫn theo thông lệ cổ-truyền bắt đầu vào ngày mồng một tháng 4, mặc dầu kết quả chẳng được là bao nhưng những người dân chài không chịu cạnh cãi. Đề điều cợt cá tháng tư không chịu đớp mồi hoặc tránh xa tay lưới của các ngư phủ quá bảo thủ đó, họ đã khai sinh ra thành ngữ cá tháng Tư. Về sau này hề gặp những người quá ngây thơ, dễ tin, hoặc hay thả mồi bắt bóng, người

ta tặng ngay cho cái danh từ Cá tháng 4.

Nhiều văn sĩ và học giả khác lại nghĩ rằng Cá tháng Tư xuất hiện vào cuối thế kỷ XVI vào thời kỳ mà năm mới không bắt đầu vào ngày mồng 1 tháng 4 nữa.

Năm 1564, Charles IX vua nước Pháp trong khi ngự tại điện Roussillon ở Dauphiné đã ban hành một đạo dụ dời ngày đầu năm mới qua ngày mồng 1 tháng Giêng.

Vì có sự thay đổi đó nên ngày mồng 1 tháng 1 đã trở thành một ngày vui mừng chung : người ta tổ-chức những cuộc hội hè đình đám, gửi quà biếu và tặng phẩm để chúc mừng năm mới.

Từ đó ngày mồng 1 tháng 4 chỉ còn là một hình ảnh mờ của thời đại cũ. Người ta thường gửi lời chúc tụng bông đùa tới những ai còn luyến tiếc ngày 1 tháng 4, chưa quen với ngày đầu năm mới. Họ thường gửi tặng nhau những gói quà giả hiệu, những lời hứa hẹn hào-huyền để trêu chọc cho vui.

Theo lời các Cựu giả kể lại thì : vào tháng 4 mặt trời cũng không gặp Cung Tinh Ngự nữa nên các nhà Chiêm-tinh-học đã căn cứ vào thần tượng đó để khai-sinh ra thành ngữ Cá tháng Tư.

Một vài người lại cho rằng thành ngữ trên đây xuất phát vào thời Louis XIII. Vua Louis Thập Tam bị cầm tù tại Nancy, thủ đô xứ Lorraine. Ông đã qua mặt những tên ngục tốt một cách dễ dàng, vượt ngục và bơi qua sông Meurthe, đứng vào ngày 1 tháng 4 để trở về nước Pháp.



Sự kiện này đã nhắc cho người xứ Lorraine là người ta đã cho dân Pháp một con cá để giữ gìn. Từ đó danh từ Cá tháng Tư cũng được phổ biến rộng rãi.

Muốn biết rõ tại sao lại có thành ngữ Poisson d'Avril.

Poisson : dịch thông thường là Cá nhưng theo các tín đồ thiên-chúa-giáo ngày xưa thì đó là một biểu hiệu tượng trưng thông dụng nhất mà ai cũng phải biết.

Theo Tu-sĩ Martigny thì không hiểu vì sự tình cờ hay sự sắp đặt thiêng liêng mà chữ Poisson d o tiếng Hy-Lạp ICHTHUS có nghĩa là Cá lại có 5 chữ đầu của

5 tiếng : Iésous, Christos, Theou, Uios, Sôtês (ICHTHUS) có nghĩa là Jésus Christ Fils de Dieu, Sauveur.

Thật là lạ kỳ và huyền diệu khi tìm thấy một danh từ đã nói lên được tên của Chúa Jésus Christ và đặc tính thiêng liêng Cứu-Thế. Theo những lời giải thích cổ-truyền thì người ta đã gọi Chúa Jésus Christ là Cá vì trước kia Chúa Cứu-Thế cũng là người và loài người cũng ví như một con cá đang bơi trong lòng Đại-dương. Hơn nữa cá đã gần gũi và giúp ích rất nhiều cho Jésus và các nhà truyền giáo Cơ-đốc khi họ sống cuộc đời ngư phủ. Cá vì thế đã tượng trưng cho Đức Tính Cứu-Thế

April do chữ Aperine có nghĩa làm ở. Theo kỹnguyên cũ thì tháng 4 là tháng mở đầu năm mới, tháng mà trái đất nảy nở ra các loại cây, tháng mà chim chóc tung bồng ca hát và nhà văn hào Victor Hugo đã ca ngợi với tất cả vẻ đẹp nên thơ, tháng mở đầu cho một mùa xuân mới giữa thiên nhiên và trong lòng nhân thế. Theo ông Guitard thì chúa Cứu-Thế tới vào đầu tháng 4 giữa mùa xuân mới ấy và bị những người ngoại đạo bắt, họ đem ra

xét xử từ tòa án này qua tòa án khác, dẫn từ Caiphe tới Pilate để chế riếu người. Nhưng các tín đồ vẫn một lòng tin tưởng và mỗi khi nói tới tên Christ là dân chúng không quên quỳ xuống để tỏ lòng tôn kính. Họ đã bị ngoại đạo ngược đãi nên đã chọn một danh từ khác thay thế cho tên chúa Cứu-Thế danh từ Ichthus là Poisson do năm mẫu tự đầu của 5 tiếng Iésous—Christos—Theou—Uios—Sôtêr (Jesus Christ Fils de Dieu Sauveur) để đánh lừa những người ngoại đạo bạo tàn.



Từ đó thành ngữ Poisson d'Avril được phát sinh chăng ? Người ta thường kể lại nhiều câu chuyện về Cá tháng Tư.

Ngoài những câu chuyện thông thường để đánh lừa con trẻ như bảo chúng đi tìm một sợi giây để buộc gió, hoặc tìm cái gậy một đầu, có một vài mẫu chuyện điển hình tại nước Pháp và nước Anh :

Tại miền Cologne trên đất

Pháp có một nghị sĩ, anh ruột của nghị sĩ quận Bavières, một hôm tới quận Valenciennes và tuyên bố sẽ thuyết giáo vào ngày mồng một tháng 4 tại nhà thờ chính. Dân chúng kéo tới dự rất đông. Ông nghị bước lên diễn đàn, chào cử tọa, làm dấu rồi hét lớn lên như sấm : « Cá tháng 4 » đề rồi rút lui êm ru giữa sự ồn ào của tiếng kèn, tiếng trống và tiếng người tới dự lễ.

Bên Anh Cát Lợi cũng đã xảy ra một câu chuyện về « Cá tháng 4 » làm chấn động dư luận không

ít. Ngày 31 tháng 3 năm 1864, Evening Star tuyên bố rằng sáng ngày mồng 1 tháng 4 sẽ khai mạc một cuộc triển lãm lừa đẹp nhất thế giới tại sở Canh Nông Irlington.

Sáng mồng 1 tháng 4, dân chúng kéo nhau tới xem triển lãm nhưng chỉ thấy phòng không vắng vẻ, im lặng như tờ và khi họ biết là những con lừa đẹp nhất thế giới ấy lại chính là những kẻ nhẹ dạ hay tin, tò mò đến coi triển lãm lừa thì đã quá muộn rồi.



★ VÀO CỬA TỰ DO

Ông Sapeck, chủ nhiệm tờ nhật báo « Anticoncierge » là một tay lờng gạt bịp bợm có tiếng, nhưng được cái là không gì nguy hại đến ai và còn làm cho thiên hạ thích nữa. Làng bịp bợm có nhiều tay cừ, nhờ học đòi theo ông mà làm ăn nên nổi lắm.

Một hôm ông Sapeck đi ngang một hãng buôn lớn, thấy có tấm quảng cáo cũng lớn :

« Vào cửa tự do. Tại đây muốn gì đều được thỏa mãn. » Ông Sapeck vào, chọn một số hàng đáng giá rồi lại bàn giấy ông chủ :

— « Ở đây, muốn gì được nấy, vậy xin ông cho tôi tiền để trả mấy món hàng này ».

HỌA THƠ XUÂN NHẬT SAU NGÂM của NGUYỄN-VỸ

(xem PT từ số 143)

Trong số Tất Niên có bài thơ « Xuân Nhật Sầu Ngâm » mà tác giả thân ái mời các bạn làng thơ bốn phương « họa chơi... cho đỡ buồn ».

Tòa soạn đã nhận được rất nhiều bài họa, chúng tôi xin lựa những bài xuất sắc nhất, đăng lần lượt trong mục này.

Số 144 vừa qua, vì sự sơ xuất, số thứ tự của những bài họa đã ghi lộn. Thay vì bài thứ 6 lại ghi là thứ 1. Xin bạn đọc bỏ chính đùm cho.

P. T.

22

Nâng chén rượu Xuân giải sự đời
Ngâm ngùi thâm cảnh khắp nơi nơi.
Trách ai chung sống chia phe đảng
Xót kẻ riêng than giọt lệ rơi !
Giặc già bốn phương sanh kẻ sống
Rừng binh tám hướng ngán eo ôi !
Từng phen vận nước đen rồi đỏ
Mà kiếp dân lành chỉ khổ thôi !

LỆ-THU
(Saigon)

23

Thay Rồng tạo loạn Rắn ra đời,
Thế pháo bom gầm khắp mọi nơi !!
Cổ-vị túi đầy càng cứ bám !
Tham-quyền mặt nạ vẫn chưa rơi.
Tự-do, dân-chủ ! à, như thế !
Cách-mạng, cộng-hòa ! đó ! hơi ơi !
Mười mấy xuân qua mùi củi đậu !!
Hò hào đoàn kết ! rứa thì thôi !

THANH-CƯỚC

(5, Hàn-Thuyên — Phan-Thiết)

24

Xuân nữ năm xưa ngự cõi đời
 Đêm ngày hương nhụy tỏa muôn nơi !
 Giang sơn Nghiêu-Thuấn dân hiền hậu
 Đất nước hoằng kim dạ thanh-thời
 Thành-trị thanh-bình tươi đẹp quá
 Xuân Tình lộng lẫy thể nhân ơi !
 Chừ đây bình địa phong ba nổi
 Rừng Rắn ngàn năm chỉ thể thôi !

LƯƠNG-TRỌNG-MINH

(Giáo-sư Trung-Học Bồ-Đề — Qui-nhơn)

25

Thấy tết năm nay muốn trốn đời
 Trốn thần bom đạn dạo muôn nơi,
 Nồi da Nam-Bắc còn tang tóc
 Nấu thịt thăng dân máu lệ rơi,
 Cách mạng ông trời làm bão tố
 Quê hương mười tính nghĩ than ôi !
 Chạy mờ mẫn mả là sao trốn ?
 Rừng, Rắn vây mình chán lắm thôi,

LÝ-MẬT

(Đalat)

26

Mây thăm trời Xuân phủ chợ đời
 Gió reo tang tóc khắp muôn nơi
 Non sông nghiêng ngửa nhà xiêu đổ
 Đất nước điêu linh máu lệ rơi
 Thảm họa miền Trung chua xót lắm
 Chiến tranh Nam Việt đắng cay ôi !
 Hỡi ai gây rối ! ngừng tay lại
 Chết chóc nhiều rồi ! Hãy nghỉ thôi !

VĨNH-NGUYỄN

(Rạch giá)

27

Tết đến làm chi chất tuổi đời
 Sống nghe than oán khắp cùng nơi
 Nước non chia xẻ dân ly cách
 Chúng tộc tương tàn máu đỏ rơi
 Đông thảm thiên tai gây đói lạnh
 Xuân buồn chiến họa khổ ai ôi !
 Giáp Thìn thay đổi chưa yên ổn
 Ất Tỵ rồi đây cũng thể thôi,

ĐỨC-TRỌNG

(Kiên-binh)

28

Tết đến đưa chen dạo chợ đời
 Chao ôi ! Lửa đạn khắp muôn nơi
 Trời Nam loạn lạc dân điêu đứng
 Đất Bắc âm thầm máu thấm rơi
 Nhân tạo lắm trò gian ác quá
 Thiên tai nhiều nỗi đắng cay ôi !
 Thù nhà bao quản chôn vùi hận
 Vặn nước cam đành xót dạ thôi.

TÁNH-HẢI

(Phật-Học-Viên Nha-trang)

29

Giữa mùa Xuân loạn, khóc thương đời,
 Chiến cuộc lan tràn khắp mọi nơi
 Tách tạch vang trời trảng súng nổ
 Âm ầm dậy đất loạt bom rơi
 Thấy phơi gò nòng là bao kẻ
 Máu chảy rạch ngòi thấm lắm ôi !
 Nhìn thấy lê dân đang thống khổ
 Đau lòng chỉ khóc, khóc mà thôi.

ĐIỀN-LINH

(Hội-thánh Tin-lành An-nhơn)

BÌNH-DẠM

30

Tết đến làm chi chán mớ đời !
 Nợ nần chưa hết mắc nhiều nơi
 Thằng cu không áo toan làm loạn
 Con đi đòi quần muốn lệ rơi !
 Bạc mượn nghĩa ân chưa chất quá

Tiền vay cát cò đi chao ôi !
Rồng đi vận mạng nhiều đen tối
Sợ Ty về đây cũng thế thôi.

BÙI XUÂN TRỌNG
(Trường Sông-cầu Phú-vân)

31

Tết đến quên xuân gấm sự đời,
Non sông khói lửa ngập nơi nơi.
Sa trường biên ải gào bom đạn,
Thành thị thôn quê máu lệ rơi.
Đoàn kết diệt thù đâu chẳng thấy ?
Xuống đường chia rẽ chán chường ôi !
Giáp Thìn năm cũ đầy ly loạn,
Ất Ty năm này cũng thế thôi.

DUY-SƠN
(Thiếu-úy Trần-Xuyên KBC. 3035)

32

Xuân sang như gọi nỗi lo đời.
Tai họa tràn lan khắp mọi nơi.
Tài-sản trẻ già mưa lụt cuốn,
Thị-thành t'ôn xóm máu xương rơi
Non sông phân cách buồn chi xiết,
Nòi giống tương tàn thảm lắm ôi !
Thống-nhất hòa-bình mong đợi mãi
Rắn về thêm sợ cần gà thôi.

NGUYỄN-ĐĂNG-THUYỀN
(Vinh-Hiền — Thừa-thiên)

33

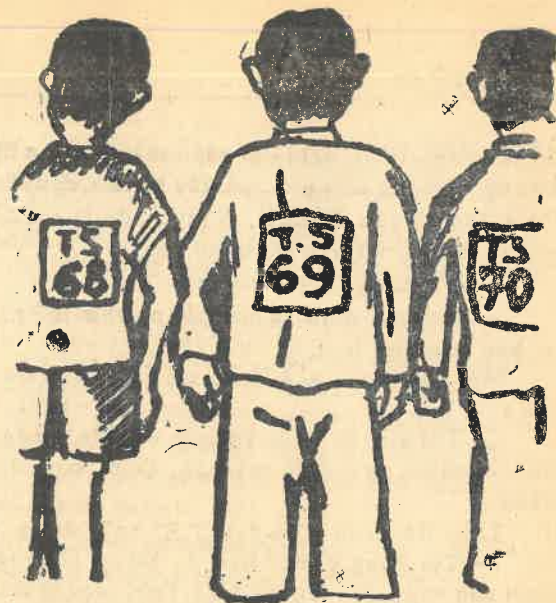
Xuân về những tưởng sẽ yêu đời,
Nhưng khổ sao mà thấy khắp nơi.
Ngắm cảnh tương tàn lòng sắt lại,
Nghĩ người tác chiến lệ tuôn rơi.
Diệt thù cửa miệng xem ra phết
Cứu quốc ngoài môi thấy hơi ôi !
Mười mấy xuân rồi còn kéo mãi,
Chỉ thẳng bán nước sừng thân thôi.

TAM.BÁT
LÊ-QUỐC-TRINH

người

từ

69



(xem tiếp P.T. 145)

HỒI KÝ CỦA NGUYỄN-VỸ ● HỒI KÝ CỦA NGUYỄN-VỸ

BẮT đầu từ giữa tháng 11 ta, anh em T.S. đã bàn chuyện chơi Tết và ăn Tết. Tôi nhớ cái Tết đầu năm 1945 có nhiều chuyện lý thú hơn cả. Hôm 20 tháng 11, anh em cử một « Ủy-ban lo Tết » Năm ấy có điều đặc biệt hơn mấy năm trước là trong trại có nhiều anh em Cao-đài mới đến, phần đông là Cao-đài Quảng Nam và Quảng Ngãi, bị Tây bắt sau khi ông Hộ pháp Phạm.Công-Tác ở Tòa thánh Tây-Ninh bị đày qua Madagascar vì phong trào thân Nhật và ủng hộ Cường-Đê.

Ủy ban lo Tết gồm 6 người : 1 anh Cao đài, 4 anh Cộng Sản, và tôi. Anh em cử tôi làm Trưởng Ban, vì lý do tôi không theo đảng phái nào cả. Anh em đã biết tôi là người quốc gia độc lập, nên tin vào thái-độ hoàn toàn vô tư của tôi. Anh em cộng sản đông hơn, chiếm 3 phần tư số T.S. nên họ để cử 4 người vào Ủy ban. Hôm sau tôi mời « Ủy ban lo Tết » nhóm họp riêng trong phòng ăn để thảo-luận về chương trình tổ-chức. Lúc khởi

đầu chương-trình nghị-sự, toàn thể Ủy ban đều đồng-ý về đại-cương. Nhưng nửa giờ sau xảy ra câu chuyện cãi cọ giữa 4 anh Cộng-sản và anh Cao-đài. Nguyên do là cái đề-nghị vẽ một bức phong để bài trí sân khấu rạp hát.

Tôi, T.S. 69, hỏi Ủy-ban :

— Anh em định vẽ bức phong như thế nào, ? Ai có ý kiến gì hay, xin cho biết.

Một anh Cộng sản Nghệ-an, T.S. 102 dơ ngón tay lên xin nói ;

— Tôi xin đề nghị vẽ một bản đồ Đông Dương thật lớn bít cái phong, va quét màu đỏ. Giữa bản đồ vẽ một ngôi sao vàng.

Liền đó, anh Cao-đài, T.S. 125, đứng dậy :

— Tôi đồng ý một bản đồ Đông Dương, nhưng thay vì ngôi sao vàng, ta nên vẽ Mặt Trời mọc ở Phương Đông chiếu tia sáng vào.

Bốn anh Cộng sản nhao nhao lên, công kích đề nghị của anh Cao-đài. Anh Cao-đài cũng cương quyết bảo vệ lập trường « Mặt Trời mọc » chống lại ý kiến « ngôi sao vàng ».

Để chấm dứt cuộc khẩu chiến ấy, tôi can thiệp :

— Theo ý tôi, bức phong chỉ nên có tính cách tượng trưng ngày Xuân trong lao tù, thế thôi. Không nên ngụ ý nghĩa chính trị hay đảng phái. Hai ý kiến vừa rồi đều hay cả, nhưng chỉ hay riêng theo quan điểm mỗi người. Vậy tôi xin anh em hãy nghĩ một bức vẽ khác chỉ hàm ý nghĩa Ngày Xuân của Tổ-quốc, Ngày xuân của Việt nam, và nhất là Ngày Xuân của một bầy con của Việt nam bị nhốt trong lao tù.

Sau khi bàn cãi sôi nổi, toàn thể Ủy ban tán thành ý kiến của T.S. 69: một bản đồ Việt nam màu vàng và một câu chữ đỏ : « Một Mùa Xuân Hy-Vọng ».

« Ủy ban lo Tết » để cử thêm nhiều anh em vào, thành lập hai tiểu ban : Tiểu ban Ca kịch, và Tiểu ban làm Tiệc.

Tiểu ban Ca Kịch lo soạn hài kịch ngắn (saynètes) để diễn đêm 30, tuồng cải lương để diễn đêm mồng 1, tuồng hát bội đêm mồng 2, và kịch dài xã hội đêm mồng 3. Có ca nhạc

thường xuyên, đệm vào trong các entr'actes của mỗi đêm. Ngoài ra, Tiểu ban Ca nhạc còn tổ chức các trò chơi, giải trí khác, trong 3 ngày xuân : Cờ người, đá bóng, thi Thơ, v.v..

Tiểu ban làm Tiệc lo đủ đồ ăn đặc biệt trong 3 ngày Tết, có cả các thứ bánh địa phương (Bánh Tò Quảng Nam, bánh Tét Quảng Ngãi) v.v..

Tôi phân công cho Trần công Khanh, T.S. 68, chỉ huy việc xây dựng một rạp hát trong sân tù, sau rào sắt. Sân khấu cũng được trang hoàng có mỹ thuật, với tất cả những phương tiện khiêm tốn mà chúng tôi cố gắng tạo ra. Tất cả bao nhiêu mền, chiếu, của chúng tôi đều bị sung công để che « buồng tài tử » và kết phong, che rạp, làm ri-đô, y như sân khấu một rạp hát ở ngoài, không kém mảy.

Ban Ca-Kịch qui tụ được số khá đông anh em « tài tử », tuy không chuyên nghiệp, nhưng có tài năng đặc biệt :

— T.S. 11, (tên là Lương) giáo viên, người Nghệ-an, 27 tuổi, đóng các trò Hề giỏi nhất, rất hấp dẫn, làm cho khán giả cứ ôm bụng cười mỗi khi anh hiện ra sân khấu.

— T. S. 40 (cô Hồ-tùng-Mậu) cựu Đại-Tá Quân-đội Trường-giới-Thạch, cựu giáo sư trường Hoàng-phổ (Wanpoa) Cựu Bí-thư của Hồ-chí-Minh. Trú-danh về môn qui thuật.

— T.S. 20, Khương-hữu-Tài, Giáo sư, ký giả, người Quảng-Nam, đặc biệt đặt tuồng Hát bội. Anh soạn ra vở tuồng Sơn-Hậu và đào tạo một số anh em T.S. làm đào kép. Anh thủ vai Tạ-ôn-Đình, hay tuyệt.

— T.S. 12, anh Lắm, Giáo-viên, Quảng-Nam. (Năm 1945, Việt-Minh nắm chánh quyền, anh làm Công-an trưởng Quảng Nam), Soạn tuồng Cải lương, Cải trang ra phụ-nữ, để đóng vai đàn bà. con gái, có : T.S. 60, T.S. 102, với búi tóc giả, chiếc Kiếng Vàng (bằng tre nhuộm nghệ), son (giấy bao nhang đỏ ngâm nước) phấn (phấn học trò) áo « Lemur ». do anh em tự may lầy, mặc vào cũng có eo, có ngực, giồng y hết các cô tiểu thư tân thời.

— T.S. 27, T.S. 100, đóng những vai Công-Chúa, đẹp và duyên dáng « không kém Nam-Phương Hoàng-Hậu ».

— T.S. 68, Trần công Khanh, đóng vai đàn bà chữa, cái bụng mang bầu bự-sư, hai môi thè-lè, ăn nói chanh-chua thiệt là tức cười.

— T.S. 69 đóng vai Thầy bói, Văn sĩ nghèo,

— T.S. 72 đóng vai Quan Huyện, ông chánh Tổng.

— T.S. 102 Trần-đình Tri, đóng vai ông cò, ông Tây, v.v...

Về âm-nhạc, anh em T.S. có làm ra 2 đờn nguyệt, hai mandolines, một đờn cò, và một ông sáo, do anh em nhạc-sĩ tự làm lấy với gỗ, và nứa, da bò. Nhạc sĩ là anh Phua, T.S. 32. (Nghệ an), anh T.S. 25 (Hà Tĩnh). T.S. 66 (Huê). Thôi Sáo, có T.S. 11, Lương, hay tuyệt.

Anh em T.S. hát toàn những bài do một vài anh em tự đặt ra: T.S. 69, T.S. 1, Bùi công Trừng (Giáo-sư ở Moscou về, bị bắt tại Tân Gia - Ba Năm 1945 làm Thứ trưởng Bộ Kinh-tế chính phủ Hồ-chí-Minh, Hà-nội). Đây là một bài làm theo điệu « Ce n'est qu'un Au-revoir » của T.S. 69, được anh em dùng làm bài hát thường xuyên :

*Ngày xuân anh em chúng ta
Cùng nhau cất lời chào mừng ca hát
Hát lên cho ta cùng vui
Vì ta dự biết
Buồn rầu vô ích
Hát lên cho ta cùng say
Vì ta biết rằng
Gần ngày tự do.*

*Đời ta lao lung giống như
Đàn chim nhốt lồng ngày ngày riu rít
Hát lên cho ta cùng vui...*

Nói đúng ra, phải đặt ra những bài như thế để anh em « lên tinh thần » trong mấy ngày xuân, chứ sự thật chúng tôi không có gì đáng vui cả. Nhất là sau những đêm vui chơi tung bừng não nhiệt, anh nào anh nấy nằm chèo queo trên

giường, buồn nảo nuột, buồn thâm thía, buồn chảy nước mắt, buồn rí ra những tiếng thở dài, thở ngắn...

Trong cơn buồn ấy, T.S. 69 có đặt ra một bài hát mà nửa đêm có đôi anh cao hứng, trông lúc mọi người nằm im lìm thao thức, nhớ nhà, nhớ quê, hát lên với giọng buồn rầu thâm :

*Buồn ôi !
Buồn sao hết hiu,
Buồn thiêu,
Buồn tê tái thấm trong tâm hồn,
Cơn buồn
Ai oán thế lương !*

*Nhìn quanh,
Màn sương trắng pha
Rừng xanh,
Buồn ngao ngát nhớ trông quê nhà,
Trăng tà,
Bát ngát cô liêu.*

Trong lúc đang buồn bã sau cuộc vui náo nhiệt ấy, bỗng nghe tiếng trống điểm canh, tiếng mõ lóc cóc...lóc cóc... của mấy người lính Ra-đê ở bốn góc chòi canh, có người quá cảm xúc cảnh thế lương của tù tội, khóc lên nức nở giữa đêm khuya.

Nhưng cũng có anh nghe tiếng khóc, lại điếm vào một tiếng cười, một chuỗi cười rưng rợn lạnh lùng trong đêm thắm,

Tôi đứng đĩnh bò dậy, tìm đèn giường của Cha Huê (Linh Mục ở Hà Tĩnh bị Tây bắt vì tội thân Nhật, theo phong trào Cường Đê), già trên 70 tuổi, T.S. 165, Tôi định muốn tìm Cha để nói chuyện cho đỡ buồn. Nhưng ông Cồ-Đạo đang ngồi im lặng trong đêm tối, lăm lăm tụng kinh cầu nguyện Chúa.

Tôi lặng lẽ trở về giường, nằm khóc một mình.

(còn nữa)

vào tình yêu

THANH-HỮU



Trời ban vị ngọt môi mềm
Mắt xanh lên với con thuyền ra khơi
Mén da thơm ngọt đời đời
Tương lai bừng nở hoa trời thênh thang
Tình yêu mở ý Thiên Đàng
Ngực trai hùng tráng phồng căng vị trời.

chia biệt

MẶC-TƯỚNG

Bây giờ trời mông bao la
Mùa xuân vĩnh thê trên tà áo bay
Tóc xanh lớp gió sầu đời
Bến sông chia biệt bước người tràng giang
Cánh xuân theo gió về ngàn
Trên giong cô quạnh sóng lang thang sầu



Đàn bà có một sức khỏe dẻo dai và sống lâu hơn đàn ông. Tại sao? Có lẽ vì chính tại nơi người đàn bà sự sống đã được thai hình và phát triển

TRONG cuộc sống, đàn ông vẫn được coi là biểu hiệu của sức mạnh và đàn bà thì tượng trưng cho cái gì mềm yếu. Đàn ông thuộc phái khỏe, đàn bà thuộc phái yếu là quan niệm phổ-thông từ cổ chí kim, tự đông sang tây. Nhưng...

Khi dự tính đưa một người lên không gian người ta nghĩ ngay rằng phi-hành gia đầu tiên

đàn bà khỏe hơn đàn ông

*NGUYỄN-KIM-HẠNH-DZUYÊN

ây phải là một đàn ông. Nhưng các nhà bác học lại cho rằng phi hành gia không-gian thứ nhất ấy « nên » là một đàn bà, cho nó hợp lý.

Các nhà thông thái nghĩ như vậy không phải chỉ vì người đàn bà có tâm thần bé nhỏ và nhẹ, đỡ nặng nề và choán chỗ trong một phi thuyền mà mỗi kí-lô hoặc mỗi tấn khối thể tích tăng thêm lại làm tăng thêm rất nhiều phí-tồn; cũng không phải chỉ vì phụ nữ có một hệ thống điều hòa nhiệt-

lượng hoàn bị hơn người đàn ông khiến họ chịu đựng khả quan những nhiệt-độ thái quá mà chính vì đàn-bà, khi được đưa vào một môi trường khoa-học, hình như lại có một khả năng đặc biệt lướt qua được những nguy hiểm chết người, đàn bà có một « khí giới bí mật » chống lại những cuộc « tấn-công » về vật chất và tinh thần.

Một nhà chuyên môn về bệnh tim đã tiết lộ rằng : đàn bà mới chính là phái khỏe !. Tất cả những cơ-quan thích-nghị với ngoại-giới của đàn bà đều hoàn-bị hơn của đàn ông. Đàn bà chịu đựng những đau đớn lúc bị mổ xẻ một cách rất bền bỉ và có sức tự vệ dẻo dai đặc biệt đối với đa số bệnh tật.

Theo các y-sĩ, trước những việc nguy-hiểm hãi-hùng xảy ra, đàn bà thường bình tĩnh hơn đàn ông. Họ kiên nhẫn chịu đựng tất cả những vất vả đau đớn với một vẻ quả-cảm đặc biệt, nhất là khi gia đình họ lâm nguy.

Trong những bản thống kê của các nhà thương trị bệnh thần kinh người ta cũng ghi nhận rằng số đàn bà mắc bệnh

điên ít hơn đàn ông.

Đàn bà cũng ít tự sát hơn đàn ông.

Các bà lại sống lâu hơn các ông ! Dẫu rằng các bà thường hay đau yếu hơn khươn quanh năm, nhưng lại rất dẻo dai chịu đựng những cơn bệnh nguy kịch, trừ bệnh đái đường.

Nghiên cứu những lý do ghi trong phiếu khai tử người ta khám phá rằng : trong số 64 lý do thường gây nên cái chết, kể cả tai nạn, bệnh tật, án mạng và tự sát — thì có tới 57 lý-do-tử thường giết đàn ông nhiều hơn đàn bà. .

Nguyên do

Người ta đã đề ra nhiều công phu hầu tìm hiểu và cắt nghĩa hiện tượng « âm thịnh dương suy » trên đây. Những người dễ dãi phát - biểu ngay rằng : đàn ông mau tàn cuộc đời hơn đàn bà là vì cuộc sống xáo - động quay cuồng của thời buổi văn minh vật chất này đã lôi kéo đàn ông vào những cơn lốc mru sinh và trắc táng.

Nhưng lý luận trên đây đã sụp đổ khi linh mục dòng Tên cha Francis Madigan cùng với một nhà xã-hội-học làm cuộc

kiểm điểm sau đây sau đây :

Hai ông quan-sát và ghi nhận mức «sống dai» của 37.000 tu sĩ nam nữ. Trong khoảng 50 năm kết quả là tỉ số sống lâu của những nữ tu-sĩ đối với nam-tu-sĩ hơn được 0,1 năm và tăng lên đến 5,8 năm. Sự tăng-già ãy cứ lên mãi theo một đường cong đều. Nên nhớ rằng các nam nữ tu-sĩ được quan - sát đều được sống trong những môi trường nhân - sinh giống nhau : nếp sống tu-viện. Như vậy những nam - tu - sĩ sống không «dai» bằng những nữ - tu-sĩ không phải do ảnh hưởng của một nếp sống vội - vàng, cực nhọc, điên loạn, trắc táng..

Các nhà sinh - vật - học cắt nghĩa hiện tượng « âm thịnh dương suy » như thế này :

Trước hết họ cho rằng nguyên do chính của hiện tượng ãy, sự sống dai và sức bền bỉ của quý bà, là những «nhiệm sắc thể». Chất đó chứa đựng những vi-bào gia truyền mà tiếng Pháp gọi là gènes - Genès là vi-bào chứa đựng tất cả những gì được di truyền từ người cha cho đến đứa con thí dụ như màu da, khuôn mặt tinh tinh, tài năng. .

Ở người nữ có nhiều nhiệm

sắc-thể hơn người nam.

Ngay từ buổi thai hình, một thai-bào-đực đã dễ bị tấn công bởi những bệnh hoạn gia truyền, trong khi những bào-thai cái hình như được che chở khỏi những bệnh hoạn ấy.

Cái nhà sinh-vật học cũng rất chú trọng đến sức dẻo dai bền bỉ của phụ nữ trong thời gian họ mang bầu. Ngày xưa những trường-hợp đẻ-bị-chết thường xảy ra nên mức sống-dai ở đàn bà chỉ hơn ở đàn ông phần nào. Ngày nay những nguy hiểm chết-người-khi-sanh-nở hầu như rất ít xảy ra, mức sống dai của phụ nữ có thể coi như gấp đôi mức sống của đàn ông. Đó là điều ghi nhận ở lứa tuổi 25-44.

Bác-sĩ Jeremiah Stamler, chuyên về bệnh tim, tại một bệnh viện ở Chicago, cho rằng có thể căn cứ vào bệnh đau động-mạch-dai-tim để cắt nghĩa sự bất đồng giữa mức sống-dai bền-bỉ giữa nam nữ. Bệnh ãy phát ra nơi phái nam 5,6 lần hơn nơi phái nữ, trong lứa tuổi 25-45, tức là thời kỳ sanh nở của phụ nữ. Quá thời kỳ ãy, số phụ nữ đau động-mạch-dai tim lại tăng lên. Ngay trong lứa tuổi 25-45, những bà nào

không bao giờ có bầu vì tuyệt đường-sản-đục cũng dễ mắc chứng bệnh kể trên. Những sự kiện trên đây đưa đến kết luận trong thân thể người đàn bà, thai nghén và bệnh hoạn có liên hệ chặt chẽ với nhau.

Tri kết luận trên đây, người ta còn tìm hiểu nguyên nhân thực sự của hiện tượng « âm thịnh dương suy ». Và người ta tiến đến chỗ nghiên cứu những hạch-sinh-đục. Có hai loại : hạch sinh-đục-đực (testosteron) và hạch sinh-đục cái (oestrogène). Hai loại hạch này có cấu tạo phân tử gần giống nhau về phương diện hóa học. Trong cơ thể đàn ông hay đàn bà đều có cả hai thứ hạch sinh-đục đực và cái nhưng với tỷ-lệ không đồng đều.

Những hạch-sinh-đục cái có tính chất trầm lặng dịu dàng và ở thời kỳ phát động xuân-tình của phụ-nữ chúng ảnh hưởng đồng đều và tăn-mác đến khắp thân thể, trái lại những sinh-đục đực thì có tính kích thích mạnh làm cho mạch máu đập nhanh và hơi thở dồn dập. Chính vì vậy mà người đàn ông tự « tiêu xài » mau hơn người phụ nữ.

Các nhà chuyên trị bệnh

tim đã khám phá ra rằng bệnh này luôn phát khởi ở đàn ông và ở những phụ-nữ đã hết thời sinh-nở. Nguyên nhân thông thường của bệnh này là số mỡ tan trong máu lên đến một tỷ lệ quá lớn. Người ta thử thách cho bệnh nhân một chất rút từ hạch-sinh-đục-cái và kết-quả rất tốt đẹp : đa số khỏi bệnh. Trái lại nếu dùng hạch-sinh-đục đực thì kết quả sẽ trái ngược.

Tại bệnh viện Michael Reese ở Chicago, nữ bác sĩ Ruth Pick dùng gà để thí nghiệm. Bà cho gà mái và gà trống ăn một thức ăn có nhiều chất mỡ để gây một lượng mỡ tan trong máu khá nhiều. Ít lâu sau bà mổ gà để khám nghiệm : gà mái có những động-mạch-đại tim nhẵn nhụi bình thường gà trống thì có những động-mạch-đại-tim bị vệt phồng bầm tím. Nếu trộn vào thức ăn của gà trống một ít hạch-sinh-đục cái thì về sau khi khám nghiệm sẽ thấy động-mạch-đại-tim của chúng trở lại bình thường không còn những vệt nám nữa. Phải chăng ở con người những hạch-sinh-đục cũng gây nên hiện tượng như trên ?

Thực vậy, tại Mỹ và Anh

người ta đã dùng hạch sinh-đục-cái để chữa bệnh đau tim cho rất nhiều người và kết quả đã cứu được một số lớn.

Tuy nhiên sau khi chữa khỏi bệnh tim, những hạch sinh-đục cái lại gây nên một hiện tượng thứ yếu không « hấp dẫn » một chút nào : sự nữ-hóa đàn ông!

Người đàn ông đã được chữa bệnh bằng hạch-sinh-đục cái thầy mình cứ một mỗi, uể oải, lươn - khươn... như ốm nghén, râu ria cứ thưa thớt dần và mềm mãi đi!... Chỉ Chi mày ông đầu hói là sướng thầy tóc cứ mọc lên mãi, dài thành mái tóc thể!

Mặc dầu những người được điều trị bằng hạch-sinh-đục cái nếu « đi lại » với đàn bà vẫn có thể có con như thường nhưng càng ngày họ càng thầy mình « hệt » là đấng nam nhi! Họ thầy rừng rưng trước người đẹp bằng xương bằng thịt. Nếu không mặt hần cảm hứng đực-tình thì ít ra họ cũng luôn luôn bị ám ảnh bởi niềm sợ hãi rằng « nó » sẽ mất

đi chắc chắn tuy chậm chạp.

Do đó các nhà bác học lại phải cặm cụi tìm cách tách rời hai đơn chất trong những đơn chất cấu tạo hạch sinh-đục cái : một đơn chất có tính chữa bệnh tim và một đơn chất có tính nữ hóa con bệnh.

Ngoài ra theo bác sĩ Edward Henderson, hạch-sinh-đục cái mà phụ-nữ sản xuất dư thừa trong thời kỳ mang bầu còn có tác dụng loại ra khỏi máu một số vi trùng và những vật cặn bã có hại cho cơ thể.

Về vấn đề đàn ông, đàn bà phải mạnh, phải yếu, bác sĩ Louis Kabz, thuộc bệnh viện Michael Reese đã nói :

«Đàn ông là những sinh vật mỏng manh nhưng có khả năng tập trung tất cả sức mạnh để tiêu xài trong khoảnh-khắc. Còn đàn bà mà có sức bền-bỉ dẻo-dai và sống lâu hơn đàn ông, có lẽ... cũng vì chính nơi thể-xác họ mà sự sống được tahi hình và phát triển.

★ ●



● TÀI KINH DOANH

Một cô nọ mua một quả trứng đã điều, bỏ vào ổ gà nhà, rồi nói với hàng xóm :

— Tôi muốn cho nó biết chỉ có nó là tệt thốt: Thiên hạ còn hơn nó nhiều... Có lẽ xem người lại gần đến ta, nó sẽ cố gắng hơn.

GIẢI TAO - ĐÀN BẠCH - NGA 1965

Theo lời yêu cầu của nhiều bạn ở Hải ngoại, chúng tôi xin đăng lại những điều kiện tham gia giải T.Đ.B.N. 1965:

* Thẻ-Lê

I. — Trong mấy năm đầu, Giải Tao-Đàn Bạch-Nga chỉ tặng riêng về bộ môn thơ. Về sau, Giải Tao-Đàn Bạch-Nga sẽ có thể mở rộng và có thể tặng cho các bộ môn Văn-nghệ khác, do quyết định hậu lai của Tao-Đàn Bạch-Nga.

II. — Thơ dự giải phải là Thơ Việt-Ngữ và sáng tác theo đúng chủ trương trong Tuyên ngôn của Tao-Đàn Bạch-Nga.

Đại cương bản tuyên ngôn ấy như sau đây :

a) Về nội dung : Thơ Bạch-Nga là tiếng Thơ thuần túy, thanh tao, cảm thông với Loài Người và Vũ-trụ, bao quát dĩ vãng, hiện-tại và tương-lai. Không chú trọng nhiều về tình cảm cá nhân riêng biệt của thi-sĩ. Không chấp nhận các lối thơ giả-tạo, uỷ-mị, bại hoại, suy đồi — Xu hướng về mục tiêu tư-tưởng và tình cảm trong sạch, cao siêu.

b) Về hình thức : các thẻ thơ Bạch-Nga vần liền, liền tẻo vần ôm, từ 2 chữ đến 12 chữ, hoặc số chữ không hạn định.

Riêng về Giải Tao-Đàn Bạch-Nga, không nhận các thẻ thơ Đường luật bát cú, ngũ ngôn, tứ-tuyệt, lục bát, ca trù, hoặc lối thơ phóng túng, không vần, không điệu.

III. — Mỗi nhà Thơ dự Giải chỉ được gửi mười bài Thơ chưa xuất bản, hoặc đã xuất bản trong năm 1964-1965.

IV. — Thi-phẩm dự giải phải đánh máy sạch-sẽ hoặc viết tay thành 5 bản, chữ thật rõ ràng, dễ đọc, không được sửa chữa, thêm bớt, xóa bỏ.

Đánh máy hay chép tay, đều phải dùng giấy khổ 21 x 27, và viết một mặt.

V. — Tác giả có thể ký tên thật, hoặc bút hiệu. Mỗi tác giả chỉ được ký một bút hiệu mà thôi. Tác giả phải ghi trong thư xin dự kèm với tác phẩm :

Tên họ và địa chỉ rõ ràng của tác giả.

Có thể ghi thêm về nghề nghiệp, nhưng không bắt buộc.

VI. — Các Thi-nhân Việt-Nam ở hải-ngoại đều được dự giải.

VII. — Thư và tác phẩm dự giải, Xin gửi bảo đảm đến : Ông Nguyễn-Thu-Minh, Thư ký Thường-Trực Tao-Đàn Bạch-Nga, Tại Tòa-soạn Tạp-chí Phò-Thông, 233 Phạm-ngũ-Lão Saigo n.

VIII. — Ngày bắt đầu nhận tác phẩm dự Giải 1-12-1964 Kỳ hạn cuối cùng là ngày 1-5-1965.

IX. — Kết quả sẽ được công bố trong Tạp-chí Phò-Thông vào ngày 1-11-1965, Kỳ-niệm Đệ Thất Chu-niên Phò-Thông Tạp chí.

X. — Nhân viên Tao-Đàn Bạch-Nga không dự giải.

* Giải thưởng

I. — Có 3 giải :

một Giải-Nhất : 10. 000 đồng

một Giải-Nhì : 8. 000 đồng

một Giải-Ba : 6. 000 đồng

II. — Tao-Đàn Bạch-Nga sẽ xuất bản ba thi phẩm trúng giải in chung thành một tập thơ : «Giải Tao-Đàn Bạch-Nga 1965». Mỗi tác giả trúng giải sẽ được tặng riêng 50 quyển đặc-biệt để biếu các bạn hữu.

Sàigòn, ngày 1-11-1964

Chú ý : Những bạn trúng giải có thể gia nhập, hoặc không gia nhập vào Tao-Đàn Bạch-Nga.

Thẻ lệ của T.Đ.B.N. không có bắt buộc điều đó, cũng như chính nhân viên của T.Đ.B.N muốn ở trong T.Đ. hoặc rút ra khỏi T.Đ. là hoàn toàn tự-do theo ý muốn.



NUỚC MẮT THỊ THÀNH

TRUYỆN NGẮN

★ Mãn-Hương

TH Ể là một lần nữa Tuấn lại lang thang. Chàng xoay cốc café — bàn tay gầy guộc chạm xuống miệng ly, trán mắt nhìn buổi chiều chết.

Cơn mưa đầu mùa buồn. Tuấn muốn yên tĩnh để nghĩ những gì chàng nghĩ — nhưng không. Tiếng động cơ vẫn ồn ào rền. Người và người vẫn sống bình thản như không có việc gì xảy ra.

Quán cà phê đông, dân lao động bữa bãi vắng tục chưởi thề.

— Đ.M. trật con số chứ không ông lãnh mười ngàn, tức thật.

— Mày tức bằng tao không? tao dư có một số mà mất trăm ngàn.

— Đ.M. đánh thì đánh tước đi, chết cho chết luôn — cứ mãi dây dưa thế này dân khổ.

— Đ. M. nay thả bom Bắc Việt, mai bích kích nhả vào Pleiku; lát tí nữa Qui Nhơn — oanh tạc Bắc Việt lần thứ ba. Thật là đời mặt kiếp, sinh ra đủ chuyện.

Tuấn không chịu nổi những đối thoại lộn xộn và sự khua động của chần lỵ. Chàng đứng dậy về căn gác mới thuê ở cổng số 6.

Thu mình trong bóng tối, mắt nhìn ra vũng lầy. Đầu óc chàng đang quay lại cuốn phim bão lụt miền Trung. Người chết, ruộng vườn không còn, nhà cửa trôi phăng. Chính mắt chàng chứng cảnh quê hương. Nhiều làng, nhiều thị xã ngày xưa có vẻ trù phú nay thay vào những khối bùn mênh mông tro bụi. Gia đình chàng cũng chịu số phận ấy.

NUỚC MẮT THỊ THÀNH

Chàng vào đây với sự mất mát và sự mất mát vô kể đó là tình yêu thương. Vàng, một trong những yếu tố quan trọng của cuộc sống chàng đều mất cả.

Dầu bễ làm đổi thay cảnh vật. — Những khuôn mặt 18 bị thời cuộc nhồi trí lẫn xác. Đêm cũng như ngày mọi người dân đều gánh cái cảnh đạn bom — thị thành toàn máu và nước mắt.

Những đứa trẻ thơ ngây nếu không bị tan xương nát thịt thì lâm vào cảnh lạc loài côi cút.

Những mẹ hiền nếu không bỏ lại bầy con thơ, thì trên nét mặt héo hắt, lòng đau vô kể gục đầu bên xác con yêu.

Tuấn càng nghĩ càng đau nhói con tim.

Chính tuổi chàng, cái tuổi thanh niên đang căng đầy nhựa sống — có ngờ đâu lại mang thương tích thời đại. Chiến tranh, đạn bom làm tan nát thị thành. — Những thằng trai gục xuống mang theo nhiều uẩn khúc.

Thị thành vắng bóng những chàng trai thay vào đó những máu và nước mắt.

Nhà cửa cháy rụi, ruộng vườn tan hoang. Bao nhiêu công trình xây bằng máu dựng bằng xương nay trở thành tro bụi — mỗi ngày càng tăng thêm con sông máu.

Tuấn rùng mình ngồi dậy đốt thuốc. Đêm về khuya gió đầu mùa buồn lạ, cái buồn vạn kỷ của thời sơ-cò.

Tuấn nghĩ đến thân phận mình, cái thân phận một thằng người sinh ra đã nằm trong khói lửa, lớn lên trong khói lửa và chính khói lửa đã để lại cho thế hệ chàng mang nhiều vết sẹo lịnh hờn.

Mảnh đất này tan hoang nứt nẻ và chính nó đang chôn thêm thương nhớ tủi sầu. — thành quách tiêu điều, phố phường hoang địa, mỗi ngày thêm con số tử thi, mà sự ngộ nhận vẫn còn tiếp diễn.

Bao nhiêu tai biến đã làm Tuấn bán khoán. Chính sự bán khoán đó là những gì thắc mắc hôm nay. Chàng tự hỏi :

— Ai là người sẽ hướng dẫn thế hệ này tiến hóa, khai thác tài năng để vun trồng mảnh đất quê hương ?

— Ai là người đã đưa thể hệ này dật lùi ? để thể hệ này mang tàn phế của « ngô nhận chiến tranh »

Chàng đã nhìn thấy sự đã tâm của đồng đôla ném ra để đòi lấy máu da vàng. Hải hươc than, què hương ơi!

Đói khổ lan đây — mỗi ngày mỗi gục ngã trước sự phi lý mang danh từ con sông hay nguyệt trang dưới hình thức này hay hình thức khác.

Tuấn sờ soạng tìm góí thuốc, chàng ngáp dài vì nhiều đêm không ngủ, Chàng đưa tay củ soát gương mặt — dù trong bóng tối chàng cũng dự biết : mắt chàng sâu hóm và hai má tấp vào.

Chàng lại nhớ đến Nhung người con gái có nhiều cảm tình đặc biệt với chàng. Tuấn quen Nhung trong trường hợp khá ly kỳ— nhưng đối với chàng đã gặp nhiều ly kỳ rồi, nên giữa Nhung và chàng là một chi tiết trong đời tài hoa của chàng.

Nhung người Bắc. Đẹp, dễ thương. Nàng đang theo năm thứ hai đại học sư phạm, vừa đúng hai mươi tuổi.

Nhà nghèo. — Một mẹ hai em. Vì lo học và dạy, kiếm tiền nên Nhung bị đau phổi. Có nhiều ngày chàng phải dạy thể cho nàng. Nghệt thay Tuấn cũng bị đau óc vì bị đánh nhiều ở trong tù và hiện tại phải thức đêm viết đề sống.

Tuấn nhớ rõ 15 tây tháng hai Nhung tìm đến thăm chàng, trong lúc Tuấn đương nằm chèo queo và nhịn đói đã một ngày rưỡi.

Nhung biết tách chàng : đói không nói, đau cũng kêu, kỳ đời lắm.

— Anh Tuấn, Nhung muốn nói với anh một chuyện, anh đồng ý không ? Tuấn cười mệt nhọc : Nhung cứ nói. Nàng nhìn Tuấn mỉm cười — thôi, Nhung không nói nữa đâu. Bây giờ anh dùng quà với Nhung, chiều nay anh phải đi Ciné với Nhung. Tuấn đang suy nghĩ cuộc đời, nên không chú ý lời nói của Nhung.

Nhung nắm tay chàng dựng dậy. Anh, em muốn nói với anh một chuyện — anh cho phép không ?

Tuấn nhìn vẻ đẹp thánh thiện của Nhung và nói : Thôi em à, đời anh chỉ trắng tay — Nàng nghe muốn khóc và nhìn thẳng vào chàng : em gần ra trường rồi, anh lo gì — chúng mình sẽ sống

đề bù lại những gì mất mát của anh của em đã bị khói lửa, chiến tranh hủy hoại,

Tuấn yên lặng. Nhung ngồi sát bên gục đầu vào vai chàng. Đôi má trắng mịn của Nhung làm Tuấn ngây ngất rồi dang tay ra ôm nàng : thượng đế là đây, em cũng là đây. Nhung mừng trong tiếng khóc. Chiều lên, gió ngàn năm réo gọi—ở đây, hai con người trẻ mơ tương lai.

Tuấn không ngờ chưa đầy nửa tháng mà tai biến đã xảy ra cho Nhung. Mẹ nàng chết trong lúc về thăm người Dì của nàng ở Qui-Nhơn. — Bị đạn bắn bom thả, hai bên áp chiến, thể là xong một mạng người.

Vì quá đau khổ nên bệnh phổi của nàng càng nặng. Trong lúc túng quẫn, Tuấn không biết làm sao (?) đành đưa Nhung vào nhà thương thí Hồng Bàng. Thế là chàng phải gánh lấy trách nhiệm và tự nhủ : Đời là một tai nạn.

Tuấn thiếp đi trong cơn mệt nhọc. Bỗng tiếng khóc đau đớn làm chàng thức dậy—thì ra đám tang. Tuấn nằm bầm, lại có người chết. Chàng thì tay trên lan can. Tiếng chị Hoàng (người chủ phố) vọng lên :

— Cậu Tuấn biết ai đấy không ?

— Dạ không.

— Cậu Quân Trung ứ đấy mà, vừa tử trận hồi 5 giờ chiều — tội thật, mới 24 tuổi. Tuấn yên lặng nhủ mà nhìn hàng bạch lạp sáng găng gương trong cơn gió ở trên chiếc quan tài đỏ. Chàng nghĩ đến cái huyết ba tấc sẽ đặt khối thịt xuống. Rồi tiếng khóc, rồi người mẹ gục bên năm mồ. Rồi báo chí sẽ đăng : « một Trung-ứ đã dũng cảm đáp lời sông núi » mà hải hươc thay đó là sự ngộ nhận của con sông.

Trời bừng sáng, còi xe lửa rú lên—Tuấn đứng nhìn từng toa chở đầy binh sĩ, chàng cảm tưởng như họ đang đi vào vùng tử địa.

Kèn đám ma réo gọi buồn bã như khóc linh hồn lần cuối — âm thanh của những con người thân thuộc vang lên nức nở trong khu phố thị thành. Tuấn không chịu nổi cảnh này, bỏ ra đi và tự nhủ : thị thành hôm nay nhiều nước mắt.

Âm thanh đau khổ còn vang dội trong đầu chàng — Chàng nghĩ đến Nhung có lẽ bây giờ đang lên cơn nhức nhối. Chàng mỉm cười qua khói thuốc Bastos. — Xa xa tiếng súng vang rền dội lại.

Đô thị thức giấc mang bộ mặt hàng ngày. Tuấn tự nhủ : thị thành sẽ còn nhiều máu và nước mắt.



Một trong những bức hình cuối cùng của Cựu Hoàng Farouk. Trong hình này, cựu hoàng chụp chung với Irma Capece Minutolo, một nữ ca sĩ thành Naples, người mà ông vẫn thường giới thiệu là vợ ông tại những nơi ăn chơi ở thủ đô La Mã

KHOÀNG một giờ khuya đêm thứ Ba 16-3-65, Cựu Hoàng Farouk cùng một bạn gái trẻ đẹp đến dùng bữa tại nhà hàng «L'île de France» đường Aurelia An-

VUA HỘP ĐÊM FAROUK ĐÃ «BĂNG HÀ» TẠI LA MÃ

* Đoàn-Bích

tica, La Mã (thủ đô Ý Quốc). Đây là một tửu lâu sang trọng mà Cựu Hoàng vẫn thường lui tới nên từ chủ nhân cho đến các hầu bàn đều biết rõ những thói quen của ông.

CỰU HOÀNG FAROUK CỦA XỨ «NGÀN LẼ MỘT ĐÊM» AI CẬP, BỊ TRUẤT PHỄ TRONG MỘT CUỘC ĐẢO CHÁNH CÁCH ĐÂY 13 NĂM — NGƯỜI ĐẤ TỪNG NỔI TIẾNG THẾ GIỚI VỀ CÁC MÔN ĂN CHƠI RƯỢU NGON, GÁI ĐẸP VÀ CỜ BẠC TẠI CÁC HỘP ĐÊM ÁU CHÂU — VỪA THỞ HƠI CUỐI CÙNG TẠI BỆNH VIỆN SAN CAMILLO Ở THỦ ĐÔ LA MÃ HƯỜNG THỌ 45 TUỔI

Sau khi ra lệnh cho hai người vệ sĩ của ông ra về, Farouk và «người đẹp» tới bàn rượu và bắt đầu dùng bữa. Thực đơn gồm có sò, cừu non quay, bánh ngọt và trái cây. Đến tuần tráng miệng, Farouk lấy xì gà ra hút và vẫn vui vẻ nói chuyện. Nhưng đột nhiên, người ta thấy ông đưa tay lên sau gáy rồi từ từ gục xuống bàn.

Các hầu bàn vội chạy tới đỡ Farouk dậy tưởng ông bị choáng váng trong giây phút, nhưng rồi thấy ông vẫn mê man bất tỉnh, họ liền gọi giầy nói cho Bệnh viện San Camillo đem một xe cứu thương tới chở Cựu Hoàng đi cấp cứu.

Thế là vì một sự tình cờ mà Cựu Hoàng Farouk đã «khánh thành» chiếc xe cứu thương đầu tiên của bệnh viện San Camillo có bác sĩ đi kèm — một sáng kiến mới của bệnh viện này mới thực hiện được vài ngày. Farouk được chích ngay một mũi Adrenaline để trợ tim và khi tới

bệnh viện ông được đem ngay vào phòng dưỡng khí. Nhưng số mạng của vị phế đế Ai Cập tới đây là hết cho nên chỉ chừng 10 phút sau ông thở hơi cuối cùng.

Khi nhân viên bệnh viện San Camillo kiểm soát những đồ vật trong người cựu hoàng người ta chỉ thấy một khẩu súng lục 6.35, một chiếc nhẫn cưới, một đồng hồ đeo tay, một chiếc hộp nhỏ bằng vàng, trong đựng kẹo ngậm ho, một số bạc giấy tổng cộng 97.000 đồng lires và một thẻ căn cước để tên Fouad Farouk, quốc tịch Monaco.

Theo lời bác sĩ Donati, người vẫn chăm nom sức khỏe cho Farouk thì cựu hoàng bị đứt gân máu vì ông mắc chứng đau tim từ lâu. Trước đây ít lâu, Farouk đã phải nằm dưỡng bệnh tại một y viện ở Lausanne (Thụy sĩ) khi ông tới thăm mấy người con của ông hiện tòng học tại đây, và ông mới ra khỏi bệnh viện này được chừng nửa tháng.

Thế là chấm dứt cuộc đời « oanh liệt » của Farouk, cựu hoàng để xú « ngàn lẻ một đêm » Ai Cập, một cuộc đời có thể gọi là ngoại hạng, ít nữa cũng về những môn ăn chơi thỏa chí bình sinh của ông.

**« Đóa hoa hồng
trinh bạch »**

Sinh ngày 11 tháng Hai năm 1920, Farouk là con trai duy nhất của Quốc vương Fouad xú Ai Cập nên được phụ hoàng rất yêu quý. Chẳng những thế, khi Ai Cập được Anh Quốc trao trả độc lập vào năm 1932 thì quốc vương Fouad nhận thấy rằng người con trai của ông mới thật là người sẽ nắm vận mạng của quốc gia sau này.

Bởi vậy, Farouk được gửi sang du học tại Trường Võ Bị Woolwich tại Anh Quốc để trong tương lai trở thành một vị minh quân, văn võ song toàn.

Nhưng Farouk không ở Anh được bao lâu vì ngày 28-4-36, quốc vương Fouad băng hà và hoàng tử Farouk — khi ấy mới 17 tuổi — đã phải vội vã trở về quê nhà để lên ngôi kế vị.

Toàn thể dân chúng Ai Cập đều hoan hỉ đón tiếp ngày về của

Farouk vì khi ấy chẳng những Ai Cập đang hăng say trong sự tự do mới được khôi phục, mà tân vương lại là một thanh niên đẹp trai, khỏe mạnh, thông minh và can đảm, nghĩa là đầy đủ những đức tính khiến cho thần dân bá phục và tin tưởng.

Việc đầu tiên của tân vương Farouk là kết hôn với con gái một vị thẩm phán Tòa Án Tối Cao Alexandrie, tên là Sosi Naz — theo tiếng Ai Cập có nghĩa là « Đóa Hoa Hồng Trinh Bạch », — một cô gái 17 tuổi mà chàng đã có dịp quen biết trên đất Pháp.

Theo phong tục Á Rập, những người nào có tên bắt đầu bằng chữ F đều đem lại hạnh phúc cho chính họ và cho cả những người thân của họ, vì vậy tân hoàng hậu được đổi tên là Farida, có nghĩa là « độc nhất vô song ».

Sau ngày lễ Đăng Quang, không lâu, tân vương Farouk đi chu du khắp nơi trong nước để tiếp xúc với các tầng lớp dân chúng và đầu đầu cũng được nhiệt liệt hoan nghênh. Danh tiếng của Farouk đã nổi lên như sóng cồn, đến nỗi hai năm sau, các sinh viên Ai Cập đã tỏ ra hết sức hãnh diện có một vị quốc vương trẻ tuổi tài ba xuất chúng

và tôn Farouk là « Vị Hoàng Đế của người Hồi Giáo ».

Độc tài và trụy lạc

Đó là vào năm 1938. Nhưng dân chúng Ai Cập không vui mừng được bao lâu vì chỉ vài năm sau, Farouk đã trở thành một vị bạo chúa, quanh năm thì thích rượu chè, gái đẹp, và cờ bạc.

Cuộc đời xa hoa, phung phí trong cung cấm đã khiến cho Farouk trở nên mập phì quá cỡ. Mới 30 tuổi, ông đã nặng 120 kí. Ông cũng mỗi ngày trở nên độc tài hơn trước, mỗi năm đi du ngoạn ngoại quốc tiêu tốn hàng tỉ bạc, trong lúc dân chúng Ai Cập vẫn đói khổ chẳng kém gì dưới thời bị Anh Quốc đô hộ.

Những cuộc săn gái của nhà Vua đã khiến cho các phái tôn giáo của Ai Cập phải phẫn nộ. Giữa lúc đó, Farouk truất phế hoàng hậu Farida về « tội » không sanh hoàng nam. Hoàng hậu mới có 3 công chúa là Ferial, Eadia và Fawzia.

Và cũng kể từ khi đó, người ta thấy nhà Vua hay lui tới các hộp đêm và các sòng bạc, nơi mà Farouk thường thua bạc triệu mỗi đêm. Người ta không còn thấy « minh quân » Farouk thuở nào thường tiếp xúc

với dân chúng nữa, mà mỗi khi Farouk đi đâu thì có cả một dãy xe « jeeps » sơn đỏ đi hộ vệ, trên chõ đầy nhóc vệ sĩ chĩa tiểu liên sang hai bên đường. Những vụ ăn cắp công quỹ, những vụ ám sát, những vụ hối lộ, thường xảy ra như cơm bữa tại hầu hết các cơ quan đầu não quốc gia.

Mùa Đông năm 1949 khi vào một tiệm kim hoàn ở thủ đô Le Caire, quốc vương Farouk thấy một thiếu nữ có bộ ngực khêu gợi đang đứng bên tủ kiếng để chọn một chiếc nhẫn cưới với vị hôn phu của nàng. Farouk thấy hợp nhãn liền tiến ngay tới cạnh và bắt chắp vị hôn phu đứng bên, ông nói « Tôi là Vua. Mời nàng đến dự cuộc dạ hội tổ chức tại Hoàng Cung vào cuối tuần này ».

Người thiếu nữ đó là Narriman Sadek 16 tuổi, con gái một công chức cao cấp Bộ Công Chánh. Vị hôn phu của nàng là Zahi Hackim, một nhân viên trong phái đoàn Ai Cập tại Liên Hiệp Quốc. Thật là một đôi trai tài gái sắc, nhưng Farouk đã quyết định chia rẽ họ để chiếm lấy người đẹp vì vậy Hackim nhận được lệnh phải đi Nữ Ước tức khắc và ít lâu sau, Farouk tuyên bố Narriman đã được tuyển làm Hoàng hậu. Cuộc hôn nhân thứ hai của quốc vương Farouk được cử hành trọng thể

ngày 6-5-51. Một năm sau, Farouk được toại nguyện : hoàng hậu Narriman sanh hạ một hoàng nam đặt tên là Ahmed Fouak.

Nhưng tính nào tật ấy, mặc dầu có vợ đẹp con khôn bên cạnh Farouk vẫn ăn chơi bừa bãi, rượu chè, cờ bạc như trước. Riêng năm 1950, mỗi ngày ông tiêu phí tới lối 6 triệu phật lạng Pháp vào những cuộc ăn chơi phù phiếm.

Tuy nhiên, việc gì phải đến đã đến. Dân chúng Ai Cập đã quá cực khổ rồi và những niềm oán hận của các tầng lớp dân chúng đã thấu tới trời xanh.

Ngày 23-7-52, một nhóm sĩ quan do Đại tá Neguib cầm đầu đem một đội thiết giáp tới bao vây Hoàng Cung, buộc Farouk phải thoái vị và rời khỏi Ai Cập trong vòng ba tiếng đồng hồ. Là một tay chơi « si-dách » có hạng cố nhiên Farouk đã tính toán kỹ càng và biết rằng ván bài này ông không thể nào thắng được. Bởi vậy, ông đã vui lòng thoái vị và rời khỏi Ai Cập trên chiếc du thuyền lộng lẫy của ông.

Có lẽ biết trước rằng thế nào một ngày kia cũng có cuộc đảo chánh nên Farouk đã chuẩn bị cuộc lưu vong từ lâu. Hai tuần trước khi có cuộc đảo chánh, ông đã cho gửi ra ngoại quốc 8 hòm

đầy tiền vàng và 22 hộp đựng giày trong chứa toàn « đô-la ». Tổng cộng vốn liếng của Farouk khi ra đi lên tới 20 tỉ phật lạng Pháp.

Hoàng tử Fouad đã được tôn làm Quốc Vương khi mới xảy ra cuộc đảo chánh, nhưng chẳng bao lâu, Ai Cập tuyên bố là một nước Cộng Hòa, và hoàng thái hậu Narriman cũng như tân vương Fouad được « mời » xuất dương theo chân Farouk.



Trên đường lưu vong, Farouk mua một biệt thự lớn tại La Mã nhưng ông thường qua Pháp chơi quanh năm, đặc biệt là tại các sòng bạc lớn ở Monaco. Có lần tại Cannes, ông đã thua trong một buổi tối tới 78 triệu phật lạng. Bất cứ ở Cannes hay ở Monte-Carlo, đi đâu ông cũng mang theo một số vệ sĩ lực lưỡng như những con khỉ đột để hộ vệ ông.

Cuộc đời trác táng của ông tại các hộp đêm đã được báo chí quốc tế nói đến rất nhiều và có người đã tặng ông cái danh hiệu

« Vua Hộp Đêm ». Vì những vụ chơi bời trụy lạc của ông đã tới cái mức quá đáng, nên hoàng hậu Narriman đành xin ly dị, nhưng hoàng tử Fouad thì vẫn ở lại với Farouk.

Năm 1951 cựu hoàng Farouk nhập tịch xứ Monaco, nhưng cũng kể từ ngày đó, « công dân » Farouk ít khi có mặt ở Monte-Carlo nữa. Ông đã xài gần hết số vốn khổng lồ rồi nên lặng lẽ rút lui về sống tại thủ đô La Mã sau khi gửi tất cả những người con của ông du học tại Thụy Sĩ.

Cái chết của cựu hoàng Farouk không đem lại một xúc động nào đáng kể tại thủ đô Ai Cập. Đối với đa số dân chúng Ai Cập

cái tên Farouk đã thuộc vào dĩ vãng từ lâu rồi.

Ngay sau khi nhận được tin chồng chết, cựu hoàng thái hậu Farida đã cùng ba người con gái và cả cựu hoàng 13 tuổi Fouad đáp phi cơ tới thủ đô Ý Quốc, để lo việc mai táng.

Irma Capece Minutolo, một nữ ca sĩ thành Naples mà Farouk ít lâu nay vẫn thường coi như người bạn gái thân nhất của ông đã tới đón những người thân của cựu hoàng Ai Cập tại phi trường La Mã, để cùng nhau tới chiêm ngưỡng ông « Vua Hộp Đêm » một lần cuối cùng.



★ BỊP ÔI LÀ BỊP.

Một chúa bọm nọ đăng báo sẽ gửi ảnh phụ nữ trần truồng rất mỹ thuật cho ai gửi tiền về anh.. Thơ về như nước, kèm theo tiền, tem, bưu phiếu v.v.. Anh gửi trả lại cũng hình, nhưng là hình phong cảnh làng « Nus ». (Tiếng Pháp chữ Nus có nghĩa là trần truồng.)

Một tay khác cũng đăng báo nhưng lại mạnh và nhiều hơn, chịu giúp một phương pháp làm tiền mà không phải mệt nhọc gì... Nhận thư và tiền « còm mắng » anh chàng trả lời, cũng bằng thơ từ mình bạch

— Hãy làm như tôi đang làm đây!

SÁCH BÁO MỚI

★ **Những nhà thơ hôm nay** của Nguyễn-Đình-Tuyển
« Tự điển tuyển-hợp và nhận định » về một số đông các nhà
thơ của thế hệ trẻ hôm nay từ 1954 đến 1964, độ 36 người : Tô-
Thùy-Yên, Trần-Dạ-Từ, Trần-Thy-Nhà Ca, Quách-Thoại, Nguyễn-
Sa, Trần-Tuấn-Kiệt, Phạm-Công Thiện, Minh-Đức (Hoài Trinh),
Thanh-Tâm-luuyền, Hữu-Phượng, Bùi-Giáng, Đỗ-Tấn, Cung-Trâm-
Tường.v.v.,..

Nhận xét vô tư, tài Tài liệu văn - học khá đầy khá.
Dày 415 trang. Giá bán 100đ.

● **Thư sinia**. Gồm 3 kịch thơ ngắn đặc sắc nhất của **Minh-
Đức Hoài-Trinh** : Thư sinh, Trương Chi, Chiêm Lại Quê Hương
Nhà Xuất Bản Sáng Tạo..

Đã có bán tại các hiệu sách.

ĐỢI MÙA TRẮNG

Thơ của **TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG**
Họa sĩ Ngọc Dũng vẽ bìa

Sách dày 106 trang — Giá 40\$. Bản đặc biệt trên giấy trắng
đẹp 80đ.

Các bạn yêu thơ có thể mua tại tòa soạn Phê Thông Tạp Chí
số 233 Phạm Ngũ Lão Sài Gòn, hoặc 125 đường Trần hoàng Quân
Chợ Lớn.

TIN MỪNG

Được hồng thiệp của Bà quả phụ Nguyễn-Khắc-Cần 352, Gia
Long, Qui Nhơn, báo tin lễ Thành Hôn của Trưởng Nam Nguyễn-
Khắc-Tiến-Tùng cùng cô Đào-Thị-Ngọc-Diệp, thứ nữ của Bà quả
phụ Đào-Thiện-Thụy, 59/16 Nguyễn bình Khiêm, Sài Gòn, hôn lễ
cử hành tại Munich (Tây Đức) ngày 22-3-65, chúng tôi xin thành
thật gửi lời mừng chị Nguyễn-Khắc-Cần và thân mến chúc đôi tân
hôn được muôn vàn Hạnh Phúc.

NGUYỄN-VỸ



Nice, 14-2-65

Kính ông

Từ ngày xa xứ mẹ đến nay, kể cũng hơn nửa năm rồi. Ngày
ngày tôi vẫn thường vọng về quê cha đất tổ. Tôi vẫn mong 1 ngày
hồi hương để được gặp lại mẹ tôi, để được yên vui trong tình thương
yêu, đùm bọc của quê hương nước Việt chúng ta.

Nhưng, hỡi ơi ! Ra đi chưa đầy 1 năm, danh chưa thành, công
chưa toại thì mẹ tôi đã mất.

Trời đông bên này đã lạnh, lòng tôi lại càng giá hơn. Vì từ đây
vắng mẹ, không biết đời tôi sẽ ra sao, tôi không còn được đọc những
cánh thư âu yếm đầy tình mẫu tử do bàn tay mẹ tôi viết nữa. Tôi
cũng không còn biết viết thư về ai nữa : Đời tôi đã mất mẹ !

Vậy nên, tôi gửi 1 bài thơ về, xin ông vui lòng cho đăng tải. Nếu
ông thấy hông có gì trở ngại. Nếu thơ tôi được xuất hiện trong quý
báo Phê Thông, thì lòng tôi sẽ vui đi được phần nào nỗi đau xót của
kẻ mồ côi mẹ. Vì tâm tư tôi đã được cởi mở qua sự trung gian của
quý báo.

Xin ông thứ lỗi, vì tôi đã làm phiền và mất nhiều thì giờ quý
báu của ông.

Nơi phương vạn dặm, tôi xin kính gửi đến ông lời chúc vạn an
và quý báo được trường tồn vĩnh cửu. . . . và lòng biết ơn của tôi,

1 độc giả yêu-mến Phê-Thông,

TRẦN - QUÝ - HUY

1 rue Eden, NICE (FRANCE)

Mẹ ơi ! Hôm nay gió lộng trời bời ;

Chân trời tuyết phủ, ngọn đời trắng phau.

Hồn con rối loạn, bồi hồi nhớ mẹ,

Ra đi, mẹ để con thơ côi trần

Về nơi vĩnh cửu tiêu điều phước lành

Đầu xanh vô tội nặng vành khăn tang.

Thân con yếu đuối bơ vơ dặm trường

Thuyền đời con dạt giữa dòng sông nâu,

Sóng thời gian cuốn biết là về đâu...

Bờ Vinh ?

Bến Quang ?

Hay bãi âu - sầu ? !

Ai người lèo lái con vào tương - lai ?

Me hỡi ! Me ! đời con... rồi thế nào ?

Nice, (Mùa Tuyết Rơi 1965)

TRẦN - QUÝ - HUY

ĐÁP BẠN BỒN PHƯƠNG

★ Ô. X...Giáo-sư Anh-ngữ, Chợ Lớn.

Theo Luật quốc-tế về bản-quyền tác-giả, nếu ông dịch đúng quyền sách Giáo khoa Anh-ngữ của nhà X. B. Longmans, ông phải có giấy phép của nhà X. B. ấy.

— Ông nên trực-tiếp giao thiệp với nhà X. B. Longmans.

— Nhà X. B. Longmans có quyền kiện ông hay không, ông nên hỏi Luật-sư.

★ Bạn Phạm-phú-Hải, Phan-chu-Trinh, Đà-Nẵng.

— Các sách về Yoga (bằng Pháp-ngữ) có bán tại các hiệu sách lớn ở Sài-gon (Khai-Trí chẳng hạn), giá từ 50\$ trở lên.

— Những thắc-mắc của bạn về môn Yoga đều được giải-đáp rõ-ràng trong các quyển sách ấy.

★ Hai bạn Hoàng-Minh-Sơn, Ng. h. Hồng, Sao-Mai, Đà-Nẵng.

— V.N.Q.D.Đ. chống thực-dân Pháp, và chống Cộng-Sản.

Hiện nay thực-dân Pháp không còn nữa, Q.D.Đ. tiếp tục theo chủ-trương chống Cộng.

— Về cái chết của ô. Nguyễn-tường-Tam, nhiều dư-luận phê bình như các bạn. Riêng chúng tôi, xin miễn « cho biết ý kiến » vì nhiều lý-do.

★ Bạn Bích, Gia-Định.

Đông-Minh ném bom kho 5, vào tháng 7 - 1945, tức là tháng 6 năm Ất-Dậu (Con Gà).

★ Cô Kim-Hồng, Đà-Nẵng.

Ngày 5 tháng 5, năm Ất-Dậu: 14-6-1945.

Năm Ất-Dậu không có tháng nhuận.

★ Bạn Song-Hoài, Đài phát-thanh Phú-Yên.

P.T. đăng thơ của bất cứ bạn nào, bất cứ ở đâu, miễn là thơ có giá-trị. Bạn đọc trung thành của P.T. có thể chứng nhận điều đó.

Khuyến-kích các nhà thơ trẻ, không có nghĩa là bất cứ bài thơ nào của bạn trẻ đều phải đăng lên P.T. Mong bạn thông cảm.

★ Bạn Lê-thị-Bà, Kiến-Hòa.

16-11- Canh-tý = 2-1-1961 (Ngày thứ Hai)

3-4- Đinh Hợi = 22-5-1947 (Ngày thứ Năm)

Năm Đinh Hợi nhuận tháng Hai, chứ không nhuận tháng Tư.

★ Ô. Giang Tử, Gia-Định. Thơ dự giải Tao-Đàn, ông chép bằng giấy gì cũng được, mỗi bài chép 5 bản.

TRƯỜNG NỮ Y TÁ

TRUNG TÂM BÁC ÁI (CENTRE CARITAS)

38, Đường Tú Xương — SAIGON

Sẽ mở khóa mới vào tháng 7 năm 1965

Ngày thi : 24 tháng 5 năm 1965.

Học lực : an trung-học Pháp.

LÃNH ĐỊA ĐỨC BÀ — DALAT

NGHỈ HÈ : 15 tháng Tư D.L.

LỚP HÈ : 17 tháng Năm D.L.

THI LÊN LỚP : Bạc tiểu học : 15 tháng Bảy D.L.

Bạc trung học : 29 tháng Bảy D.L.

NHẬP HỌC : Bạc tiểu học : 19 tháng Bảy D.L.

Bạc trung học : 2 tháng Tám D.L.

KHÓA HUẤN LUYỆN GIÁO VIÊN VƯỜN TRÈ :

Từ 10 tháng Năm tới 10 tháng Sáu d.l.

Trình độ học : Trung học Đệ I hay Brevet

(Jardinières d'Enfants của trường «CARITAS» đảm nhiệm.

Ghi tên ở LÃNH ĐỊA ĐỨC BÀ — DALAT.

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện thoại số 36.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung-cảnh huy-hoàng diễm-ảo

Nước Ngọt « CON CỌP »

*Nguồn mạch Sức Khỏe
và Vui Tươi*



Nước Ngọt « CON CỌP » mỗi chai
Là nguồn Vui Mạnh kéo dài Tuổi Xuân

Đọc rồi? Hãy đọc lại!
Chưa đọc? Hãy tìm đọc ngay!
Lương lự? Hãy theo dõi trên báo chí những lời phê
bình về cuốn:

NGUYỄN CẦU

● LÊ-HUY LINH-VŨ

- Cuốn sách đã gây một dư luận sôi nổi tại Thủ Đô trong mấy ngày Tết ẤT TỶ vừa qua.
- Cuốn sách mở đầu cho sự trỗi dậy của nền văn nghệ nước nhà trong năm 1965.
- Cuốn sách của tất cả thanh niên Việt Nam từ 17 đến 71 tuổi!

An advertisement for Polyvit G vitamins. It features a black and white illustration of a woman holding a baby and a young child. The text is in Vietnamese. At the top, it says 'POLYVIT G^a' and 'TÉVÉTÉ'. Below that, it reads 'ĐÀN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-ỚT, CHÂN MỘC RĂNG' and 'THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI'. At the bottom, it says 'CƠ SỞ TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ÁU-ĐƯỢC'. There is a small logo with 'THUỐC TÂY' next to the product name.

K.N. số 25 BYTBQCD 18-10-62

K.D. số 138 ngày 1-3-1965

HO, Bồ-phế linh-đơn **Thụy-Lâm loại A**
TRỊ: Các chứng ho lâu năm, nhiều đờm, ho cảm, ho đờm, ho gió, yếu phổi, rang ngực, tự nhiên sút cân.

Bạch-Đới, hoàn **Thụy-Lâm**
TRỊ: Cũng đầu cơn, ngứa cửa mình, ra huyết trắng (Các tiệm thuốc Bắc đều có bán)

Nhà thuốc **THUY-LÂM**, 191 Gia-Long Saigon
KN. số 425 ngày 25-9-63

Gần Đến kinh kỳ, Bần thần dã dượi, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống:

Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-thành-Tôn. Nhà thuốc **« Ông Tiên »**, Phú Lâm Cholon
K.N. BYT. số 1— 9-5-63

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đầu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà

Tết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »**
30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3— 9-5-63)

1) CÁC CHỨNG HO Ho Phong, ho đờm, ho siêng Ho rang tức ngực, ho lâu ngày, ho sản hậu, nên dùng **HUỆT PHẬT PHÒNG LAO THẢO** do Tang Nha chế tạo, để mạnh Phổi lành ho.

2) Yếu Tim, Đau Tim, Thần Kinh suy yếu ! dùng **AN THẦN BỬU** trị các chứng tim đập hồi hộp, mất ngủ xây xâm chóng mặt, Dùng để an thần định trí, mát gan dễ ngủ.

3) ĐẠI BỔ LONG PHỤNG TINH : Thuốc bổ cho người lao tâm, lao lực, mệt mỏi đau lưng kém ăn ít ngủ, và các chứng thiếu máu.

4) Bệnh của Phụ nữ : Kinh nguyệt bất thường thiếu máu, mặt mét, đau lưng, bạch đới hạ ít ăn ngủ, nhức mỏi tay chơn quý Bà dùng **PHỤ NỮ HỒI XUÂN TỐ.**

5) Bệnh Phong Thấp, đau khớp xương, nhức gân, tê bại, tay chơn hay đồ mồ hôi tứ chi bại hoại dùng **THẢO LINH SƠN** Di An Hòa

6) Quý Bà có thai bị bệnh thiếu máu sanh ra ứa mửa, bần thần, mỏi mệt, thai trắng đau lưng. Quý Bà dùng : **DƯỞNG THAI BẢO SẢN HOAN** Di An Hòa.

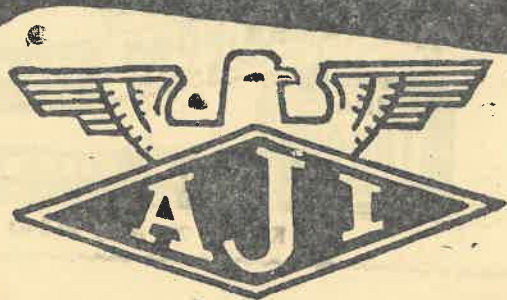
7) Ai có bệnh Phong ngứa, ghê chốc lở loét ngoài da tìm thuốc **PHONG NGỨA** Di An Hòa để lọc máu giải phong.

(Có đề bán ở các tiệm thuốc Bắc)

Tổng Phát hành : Nhà thuốc **DI AN HÒA**

252-A LÊ THÁNH TÔN Saigon — BYTKiểm Nhận ngày 18-12-1963

CÙ-LÀ



古
那
油

**VIÊN BẢO CHẾ
NGUYỄN-CHÍ**

KN 697.BYT/Q.CDP. 21/2/64



GLUCOCÉ

TÉVÉTÉ

KÉO SINH TỐ

**CHỐNG MỆT-MỎI THỀ XÁC và TRÍ-ỐC,
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG**

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-ĐƯỢC

Số 252 BYT/QCDP/18-10-62

EM NHỎ NÔNG!

Hãy cho em uống

THUỐC BAN NÔNG (PAKEMID KIM-QUAN)

NHA THUỐC TÂY

KIM-QUAN
SỞ LƯƠNG CHƠ ĐÌNH THÀNH SAIGON



K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHONG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-thoại 23.187

Phạm - văn - Lạng

Giám-Định Trắc-dạ-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM ÁN THƯ QUẢN**
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon